



CHÁNH PHÁP

PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

HOÀNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

SỐ 22 - THÁNG 02.2011

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **TỊNH PHẬT QUỐC ĐỘ** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 1
- **CUỘC SỐNG MÃN NGUYỆN VỚI NIỀM VUI VÀ HẠNH PHÚC** (HT. Thích Trí Chơn dịch), tr. 2
- **MỪNG XUÂN TÂN MÃO VỀ** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 2
- **ÁP DỤNG LỜI PHẬT DẠY TRONG THỜI BUỔI KINH TẾ KHỦNG HOẢNG** (Thích Huệ Pháp), trang 3
- **QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC, tiếp theo** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 4
- **Ý NGHĨA MÙA XUÂN DI LẠC** (Thích nữ Giới Hương), trang 5
- **ĐỌC BÀI THƠ NGÔN HOÀI CỦA THIÊN SỰ KHÔNG LỘ** (Lam Nguyễn), trang 6
- **QUÁN PHÁP GIỚI QUA GIÁO LÝ THẬP NHƯ THỊ** (Thích Đức Trí), trang 6
- **NĂM MỚI, CHUYÊN ĐỔI NGHIỆP VẠN** (Huỳnh Kim Quang), trang 8
- **EM NHỎ, MÙA XUÂN, LỤC BÁT MƯA** (Nguyễn thị Minh Thủy), tr. 9
- **BÉN TÂM XUÂN** (Trần Kiên Đoàn), trang 10
- **KHÁI NIỆM VỀ “TÂM MỚI LO TOAN THẾ TỤC” TRONG PHẬT GIÁO** (Hoàng Phong), trang 11
- **HƯƠNG XUÂN TRONG CỐI THƠ THIÊN** (Thích nữ Tịnh Quang), tr. 12
- **DUY CHỈ TRI KIẾN PHẬT...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 13
- **QUÉT LÁ** (Trần thị Lai Hồng), tr. 13
- **XUÂN LUÔNG** (thơ Vũ Tiến Lập), trang 13
- **LỄ HỘI VÀ CÔNG ĐỨC** (Cư sĩ Nguyễn Giác), trang 14
- **TƯỜNG NIỆM HÒA THƯỢNG TÔN SỰ** (Tâm Huy), tr. 15
- **LỜI CẢM TẠ ĐẦU XUÂN TÂN MÃO 2011** (HT. Thích Nguyên Tri), tr. 16
- **ĐỨC PHẬT DI LẠC** (GDPTVN tại Hoa Kỳ), trang 19
- **XUÂN VỀ TRÊN BÃI CỎ THU** (Hoàng Mai Đạt), trang 20
- **NĂM XÔI GẮC QUÊ NHÀ** (Lê Bích Sơn), trang 21
- **BUỔI SÁNG ĐẦU NĂM** (thơ Mỹ Huyền), trang 21
- **LỜI NGUYỆN CẦU MÙA XUÂN** (Lam Khê), trang 22
- **XUÂN CHƠN TÂM, MƯA** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 22
- **BẠN ĐÊM GIAO THỪA** (Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 23
- **GOM ĐÁY** (thơ Tôn Nữ Thanh Yên), trang 23
- **CỐI CỎ LIÊU, Ở HAI ĐẦU SANH TỬ** (thơ Hàn Long Ân), trang 24
- **QUÊ HƯƠNG TÔI** (thơ Huyền Vũ), trang 24
- **TÔI ĐI LỄ CHÙA** (thơ Vương Nguyễn), trang 25
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), tr. 27

TỊNH PHẬT QUỐC ĐỘ

THÔNG BẠCH Xuân Tân Mão 2011 của Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN Hoa Kỳ

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Kính bạch chư tôn Giáo Phẩm, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, Kính thưa chư thiện nam tín nữ Phật tử,

Một lần nữa, mùa xuân lại về trên khắp cõi nhân gian. Thay mặt Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, chúng tôi xin kính chúc chư Tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và chư Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử một năm mới sức khỏe khang kiện, thân tâm an lạc, Phật sự thành tựu, và sở cầu như nguyện.

Kính bạch chư Tôn Đức, Kính thưa liệt quý vị, Đông qua, xuân lại là định luật tuần hoàn muôn đời của vũ trụ và sinh lão bệnh tử là luật tắc của kiếp nhân sinh. Điều đáng nói là, dòng biến dịch không ngừng đó cũng chính là dòng thác cuốn xoáy con người trong vận hành sanh tử với chập chùng khổ đau và triền phược. Chính vì vậy, người con Phật chúng ta, dù thuận theo nếp sống văn hóa truyền thống của dân tộc cùng mọi người hoan hỷ đón mừng năm mới, nhưng không quên lời Phật dạy phải tỉnh giác và thực nghiệm con đường giải thoát khổ đau cho người và mình.

Thực nghiệm con đường giải khổ cho mình và tha nhân chính là kiến lập thế gian thành cõi Phật mà trong kinh gọi là tịnh Phật quốc độ. Khi nào thế giới còn bất an, chúng sinh còn khổ lụy thì người con Phật không thể ngồi đó ngoảnh mặt làm ngơ chỉ biết lo cho sự giải thoát của riêng mình, bởi vì hạnh nguyện vị tha cao cả không cho phép chúng ta có thể làm vậy. Quá trình tịnh Phật quốc độ cũng chính là tiến trình làm sạch thân tâm, như trong Kinh Duy Ma có dạy "Tùy kỳ tâm tịnh nhi Phật độ tịnh," tức là khi tâm thanh tịnh thì thế giới thanh tịnh. Bước đầu làm sạch thân tâm không gì quý giá hơn là phát tâm bồ đề, là phát nguyện thành tựu Phật đạo cho mình và chúng sinh. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Di Lặc khai thị cho Thiện Tài Đồng Tử về ý nghĩa thâm sâu của tâm bồ đề

rằng, "Tâm bồ đề như chúng tử, vì có thể sanh tất cả Phật Pháp. Tâm bồ đề như ruộng tốt vì có thể sanh trưởng bạch tịnh pháp chỗ tất cả chúng sanh. Tâm bồ đề như đại địa, vì có thể giữ gìn tất cả thế gian. Tâm bồ đề như tịnh thủy, vì có thể rửa sạch phiền não như nhớp."

Thế giới mà chúng ta đang sống còn quá nhiều ô nhiễm và bất an: nào là môi trường sống ngày càng bị đe dọa bởi những hành động vô thức của con người như thả khí nhà kính vào không gian, khai thác đất đai bừa bãi, hủy diệt rừng, biển, thiên nhiên, khiến cho tai họa của thiên tai càng thêm hung hãn; nào là chiến tranh, thù hận chém giết lẫn nhau; nào là độc tài chuyên chính và tham nhũng cường quyền bóc lột, đàn áp người dân. Đặc biệt, trên quê hương Việt Nam, sự phát triển kinh tế thị trường không cân xứng với sự bó buộc các quyền tự do và dân chủ của người dân càng gây ra nhiều bất an, thêm vào đó là sự can dự quá sâu của chính quyền vào các sinh hoạt tôn giáo dẫn đến sự lệch hướng trong con đường hành đạo và phụng sự của các tôn giáo truyền thống.

Trong năm qua, nhiều thiên tai bão lụt đã xảy ra trên khắp thế giới, nhất là tại đảo quốc Haiti vào đầu năm 2010, tại Pakistan, Trung Quốc, Việt Nam, và tại Úc Châu trong những ngày đầu năm 2011, khiến cho hàng trăm ngàn người thiệt mạng, hàng triệu người mất nhà cửa phải sống trong cảnh đói khát lầm than. Xin hãy cùng nhau nhất tâm cầu nguyện cho tất cả nạn nhân thiên tai và nhân họa trên thế giới. Và xin hãy mở rộng từ tâm bằng cách này hay cách khác giúp đỡ cho những nạn nhân bất hạnh của thiên tai.

Với tâm bồ đề, nhân ngày đầu năm, người con Phật chúng ta phải làm gì để góp phần giải thoát khổ đau cho đồng loại? Đó không những là tra vấn lương tâm mà còn là động lực để chúng ta đồng mãnh hơn nữa trong sứ mệnh kiến lập cõi Phật ở nhân gian.

Trong tâm nguyện đó, mỗi người con Phật hãy là một sứ giả truyền bá lý tưởng phụng sự và xây dựng cuộc đời mà Đức Thế Tôn đã dạy. Mỗi người chúng ta hãy đem giáo pháp ứng dụng



vào cuộc sống hàng ngày của cá nhân, gia đình và xã hội. Mỗi người hãy nỗ lực vận động bảo vệ môi trường sống, trải rộng tình thương yêu để giảm thiểu tối đa lòng thù hận, nếu gương nếp sống trong sạch thân và tâm để góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội như hút xách, rượu chè cờ bạc, tham nhũng, cường quyền và đàn áp lương dân.

Nhìn về các thế hệ tương lai, mỗi người con Phật chúng ta hãy tinh tấn hy sinh nhiều hơn nữa cho đàn hậu tấn, bằng hành động thiết thực: đầu tư thì giờ, tài sản và tâm huyết cho công cuộc giáo dục và đào tạo giới trẻ. Đặc biệt, đối với công tác hoằng pháp cho thế hệ con em, mỗi người con Phật chúng ta xin hãy đẩy mạnh công việc giáo dục tuổi trẻ từ trong gia đình ra đến cộng đồng và xã hội mà trọng tâm là làm sao duy trì tiếng Việt, hoặc dạy và phổ biến Phật Pháp qua tiếng Anh để con em chúng ta có thể tiếp cận học hỏi và thực hành. Trong chiều hướng đó, mỗi ngôi chùa hãy tích cực nhiều hơn nữa trong vai trò là một trung tâm văn hóa và giáo dục thanh, thiếu, đồng niên để giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc và đem Phật Pháp vào giới trẻ.

Với niềm hoan hỷ đón mừng năm mới Tân Mão và kỷ niệm Khánh Đản Đức Đường Lai Di Lặc Phật, một lần nữa, xin thay mặt Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN-NHK, kính chúc chư tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và thiện nam tín nữ Phật tử phước huệ tăng long, bồ đề tâm bất thoái.

Nam Mô Đường Lai Hạ Sanh Từ Thị Di Lặc Tôn Phật,
California, ngày 12 tháng 01 năm 2011
TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHNK
Chánh Văn Phòng
Sa môn Thích Thắng Hoan

Chúc Mừng Năm Mới

Số 22
02.2011

CUỘC SỐNG MÃN NGUYỆN VỚI NGUỒN VUI VÀ HẠNH PHÚC

Nguyên tác: *Đức Đạt Lai Lạt Ma*

Chuyển ngữ: *HT.Thích Trí Chơn*

Sự kiện căn bản là tất cả mọi chúng sanh, đặc biệt là con người, đều muốn sống hạnh phúc và không thích khổ đau. Trên nền tảng đó, chúng ta có quyền mưu tìm hạnh phúc và dùng những phương pháp và cách thức khác nhau để không chế sự đau khổ và thành đạt cuộc sống có hạnh phúc hơn. Cho nên các bạn cần suy nghĩ chín chắn về những hậu quả tích cực cũng như tiêu cực của các phương tiện đó. Quý vị nên biết rằng có nhiều khác biệt về những kết quả cũng như sự lợi ích giữa ngắn hạn và dài hạn. Tuy nhiên, lợi ích lâu dài là rất quan trọng. Người Phật tử thường bảo rằng ở đời không có gì tuyệt đối mà mọi việc đều tương đối. Do đó, chúng ta cần xét đoán sự việc theo từng hoàn cảnh.

Những kinh nghiệm sống và tình cảm của con người đều tùy thuộc chính yếu vào thân và tâm của chúng ta. Trong cuộc sống hằng ngày, quý vị nên biết rằng hạnh phúc tinh thần là rất hữu ích. Ví dụ hai người cùng gặp một thảm kịch giống nhau, nhưng kẻ này có thể đối phó dễ dàng hơn người kia nhờ vào ý chí tinh thần của họ.

Tôi tin rằng nếu người nào thực sự muốn cuộc sống hạnh phúc, điều quan trọng là cần chú ý đến các phương cách để thực hiện ở trong tâm lẫn ngoại giới, nói khác là sự phát triển về tinh thần cũng như vật chất. Người ta có thể gọi là "Sự phát triển tâm linh", nhưng khi nói "tâm linh" tôi không có ý đề cập đến bất cứ đức tin tôn giáo nào. Khi dùng từ "tinh thần" (spiritual) tôi muốn nói đến các thiện tánh căn bản của con người. Đó là tình thương, sự hy sinh, thành thực, khắc kỷ và sáng suốt được hướng dẫn bởi những ý nghĩ thiện của con người. Tất cả chúng ta đều có các đức tính tốt trên ngay từ lúc mới ra chào đời, chứ không phải trong cuộc sống sau này.

Là con người, các bạn đều có khả năng giống nhau, ngoại trừ kẻ óc não bị bệnh hoạn nên chậm phát triển. Bộ óc kỳ diệu của con người là nguồn gốc tạo nên sức mạnh và tương lai của chúng ta khi nó được dùng đúng cách. Nếu sử dụng sai lầm cái tâm con người thì thực là một tai họa. Tôi nghĩ con người là một chúng sanh có ưu thế nhất trên hành tinh này. Con người không những chỉ có khả năng xây dựng cuộc sống hạnh phúc cho chính mình mà còn có thể giúp đỡ cho những kẻ khác. Các bạn có năng lực sáng tạo tự nhiên này và nhận biết được điều đó là rất quan trọng.

Với sự thực hiện được khả năng và đức tính tự tin nơi chính mình, con người có thể xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Theo kinh nghiệm bản thân, tôi biết rằng sự tự tin nơi mình là rất quan trọng. Đó không phải là đức tin mù quáng mà nó là sự nhận

thức rõ về khả năng của chính mình. Trên căn bản ấy, con người có thể tự mình chuyển hóa bằng cách phát triển những điều thiện và dứt trừ các việc ác.

Những lời dạy căn bản của đức Phật bao gồm trong Tứ Diệu Đế:

1. Đời là biển khổ.
2. Nguồn gốc của sự khổ.
3. Chấm dứt sự khổ.
4. Con đường dẫn đến chấm dứt sự khổ.

Nguyên tắc chủ yếu của giáo lý này là định luật phổ quát về lý nhân quả. Điều quan trọng trong sự hiểu biết lời dạy trên là nhận thức rõ về khả năng giác ngộ nơi chính mình và cần thiết sử dụng nó một cách trọn vẹn. Qua cái nhìn sáng suốt đó, chúng ta nhận thấy mọi hành động của con người trở nên quan trọng và ý nghĩa.

Nụ cười là nét đẹp quan trọng trên khuôn mặt con người. Nhưng do sự thông minh xảo quyết, con người đã sử dụng nó một cách sai lầm để tạo ra những nụ cười như mĩa mai, cay độc, hay xã giao, dối trá gây nên sự nghi ngờ cho kẻ khác. Tôi tin rằng nụ cười hiền lành, đầy tình thương là rất cần thiết trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Bằng cách nào con người có thể tạo nên được nụ cười hỷ xả đó, phần lớn tùy thuộc vào thái độ của các bạn. Thực là điều phi lý khi mong chờ những nụ cười vui vẻ từ nhiều kẻ khác nếu chính mình không biết cười với thiên hạ. Cho nên, quý vị có thể thấy rằng tất cả mọi việc xảy ra khổ vui đều do nơi cách xử sự của chúng ta.

Điều quan trọng là dùng sự thông minh và óc suy xét sáng suốt của con người để quan tâm đến những lợi ích ngắn cũng như dài hạn của kẻ khác. Người ta bảo chính thân thể là người chỉ dẫn tốt. Chẳng hạn một vài loại thức ăn khi dùng khiến các bạn cảm thấy khó chịu cho nên quý vị không thích tiêu thụ chúng nữa. Điều rõ ràng là chính thân xác con người có thể cho chúng ta biết rằng các bạn làm việc gì sẽ thích hợp và điều gì không phù hợp cho lợi ích cùng hạnh phúc của mình.

Đôi lúc sự thông minh có thể chống đối lại dục vọng tức thời của bạn vì nó giúp ta hiểu biết những hậu quả tai hại lâu dài của điều ham muốn đó. Cho nên vai trò của trí tuệ sáng suốt là xác định khả năng gây nên điều thiện và ác của một việc làm hay yếu tố có thể tạo ra những kết quả tiêu cực lẫn tích cực. Chính vai trò của sự thông minh với nhận thức đầy đủ do học vấn cung cấp để xét đoán và sử dụng thích hợp khả năng nhằm mang lại phúc lợi và hạnh phúc cho chính mình.

Nếu khảo sát thể giới tâm linh chúng ta nhận thấy rằng có nhiều ý tưởng bao gồm cả thiện và ác. Chẳng hạn, chúng ta xem xét có hai loại: Một là đức tính tự tin, hai là tánh kiêu căng ngã mạn hay tự hào hãnh diện. Cả hai đều giống nhau là nâng cao tinh thần

nhằm giúp các bạn có tính tự tin và quả cảm. Nhưng tánh tự cao và tự đại dẫn đến kết quả tiêu cực trong khi đức tính tự tin mang lại hậu quả tích cực.

Tôi thường hay phân biệt giữa hai loại bản ngã. Một loại tự thương mình để nhận được một vài điều lợi cho bản thân mà không quan tâm đến quyền lợi của kẻ khác. Đây là bản ngã ích kỷ tiêu cực. Một loại bản ngã khác bảo rằng "Tôi phải trở nên một con người tốt để phục vụ, giúp đỡ mọi người. Tôi cần nhận lấy tất cả những trách nhiệm". Đó là loại bản ngã vị tha chống lại các tình cảm tiêu cực.

Có hai thứ ham muốn xấu và tốt. Chẳng hạn, kinh điển Phật giáo đại thừa ghi chép có hai điều khát vọng hay nguyện ước. Một là lòng ham muốn cứu giúp tất cả chúng sinh và nguyện ước kia là mong được giác ngộ. Nếu không có hai điều mong ước này thì sự hoàn toàn giác ngộ khó có thể thành tựu. Nhưng cũng có sự ham muốn dẫn đến kết quả của các việc làm bất thiện. Phương thuốc giải độc cho lòng ham muốn tiêu cực này là sự bằng lòng hay mãn nguyện. Đôi lúc xảy ra có những hành động cực đoan, nhưng trung đạo vẫn là con đường tốt nhất.

Sự bằng lòng là chìa khóa trọng yếu để mở cửa hạnh phúc. Thân thể khỏe mạnh, đầy đủ vật chất và có nhiều thân nhân, bạn bè là ba yếu tố dẫn đến hạnh phúc. Sự mãn nguyện là chìa khóa sẽ xác định kết quả việc liên hệ của bạn với ba yếu tố trên.

Khi thái độ của chúng ta đối với của cải vật chất và sự giàu sang không thích đáng có thể khiến các bạn đắm say quá mức vào các đồ vật đó như là tài sản, nhà cửa và vật dụng của riêng mình. Điều này khiến quý vị không bao giờ cảm thấy bằng lòng. Rồi con người sẽ luôn luôn trong tình trạng bất mãn và lúc nào cũng tham lam muốn có thêm nữa. Cuối cùng, bạn trở nên nghèo nàn, và đau khổ vì sự thiếu thốn ấy.

Khi chúng ta nói về các mục tiêu của sự lạc thú hay dục vọng và hạnh phúc vật chất, kinh sách Phật giáo đề cập đến các đối tượng của năm cần là năm trần:

Sắc, thanh, hương, vị và xúc. Chủ đích của những thú vui này mang lại cho con người nguồn hạnh phúc, sự thỏa mãn và bằng lòng hay ngược lại sẽ gây nên điều đau khổ và bất mãn tùy thuộc rất nhiều vào khả năng nhận thức sáng suốt của các bạn. Hành động trong cuộc sống hằng ngày của quý vị là yếu tố căn bản để quyết định các thú vui và dục lạc này có thể mang lại cho con người sự thỏa mãn lâu dài hay không. Tất cả đều do phương cách sống của chúng ta.

Theo giáo lý đức Phật, sự sống của con người được xem như một hình thức hiện hữu hay tái sinh thuận lợi nhất. Có nhiều yếu tố góp phần cho sự ra đời của một con người với những may mắn như họ có cuộc sống trưởng thọ, mạnh khỏe, giàu sang phú quý và ăn nói hấp dẫn để gây cảm tình khi tiếp xúc với mọi người. Tuy nhiên, những điều kiện này xấu hay tốt nhằm hướng dẫn họ đến cuộc sống hạnh phúc hay khổ đau đều do hành động của mình gây ra.

Trong kinh tạng Phật giáo có ghi chép về sự thực hành sáu phép Lục Độ Ba La Mật. Chẳng hạn theo Phật giáo, người có nhiều tiền của trong đời này biết làm phước bố thí thì đời sau sẽ được phước báu giàu sang. Nhưng muốn thực hành hạnh bố thí có kết quả tốt thì hành giả cần phải giữ gìn các điều răn của Phật giáo và những giới luật ấy chỉ có thể hành trì bởi người có quyết tâm khắc phục khó khăn để thực hành chúng.

Làm sao chúng ta có thể hoàn thành trong cuộc sống hằng ngày những nguyên tắc nhằm hướng đến sự thực hành sáu phép Lục Độ? Phật giáo dạy rằng muốn có kết quả hành giả nên sống theo các lời khuyên đạo đức bằng cách giữ gìn làm mười điều thiện hay tránh không phạm mười điều ác. Phần lớn các hành động xấu hay tiêu cực đều thường thấy xảy ra trong tất cả các tôn giáo. Chúng được xem như những việc làm bất lợi, không thích hợp cho sự tiến bộ của xã hội.

(Trích từ tác phẩm "Book of Wisdom")

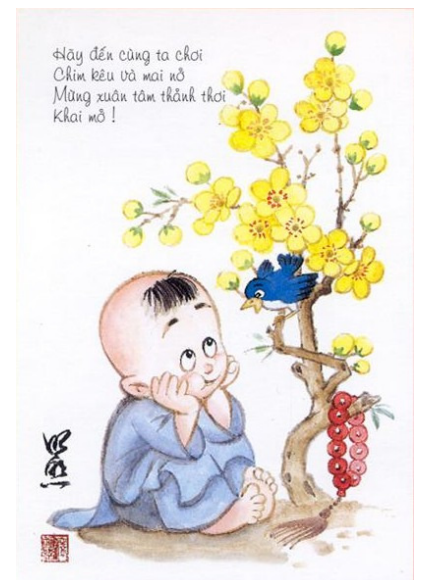
Mừng Xuân Tân Mão đến

*Tân Mão đến rồi ai biết không,
Ba chục năm hơn xa tổ tông,
Bao nhiêu phiền lụy chưa trút sạch,
Mấy cảnh tranh giành nát cả lòng,*

*Giáo hội ly tan vì đâu nhỉ?
Tặng đoàn xơ xác ai hiểu không?
Xuân đi xuân đến, xoay vần mãi,
Quê hương, Giáo hội vẫn long đong.*

Jan. 14, 2011

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA



ÁP DỤNG LỜI PHẬT DẠY TRONG THỜI BUỒI KINH TẾ KHỦNG HOẢNG

Thích Huệ Pháp

Bắt đầu từ sự khủng hoảng của nền kinh tế lớn nhất thế giới -Hoa Kỳ- sau đó lan sang các châu lục khác khiến túi tiền cá nhân bị eo hẹp dần, các gia đình lần lượt cắt giảm chi tiêu, tăng tiện để vượt qua thời buổi khó khăn này. Nhiều học thuyết hay sách viết về kinh tế bắt đầu được người dân hay các nhà kinh doanh chú ý trở lại sau chục năm đóng băng. Chỉ vì 'nồi cơm' cạn đi, người ta mới bắt đầu chú ý đến cách làm thế nào để 'nồi cơm' được phục hồi.

Lâu nay, ai cũng cho rằng, Phật giáo chỉ quan tâm đến thoát tục, giải thoát khổ đau, tìm kiếm Niết bàn ở cõi sau hơn là quan tâm đến những vấn đề thuộc về thực tại. Lại nói thêm rằng, không có một tư tưởng kinh tế đáng kể nào về trong giáo lý Phật giáo. Suy nghĩ như thế là thiên kiến, vì đức Phật đã dạy, nếu chúng ta sống có chánh kiến ngay thì sẽ có hạnh phúc, sẽ đạt được niết bàn ngay tại đời này.

Trong kinh sách không có một chương riêng biệt nào nói về kinh tế như các vấn đề khác, vì thế, chúng ta phải đọc và nghiên cứu nhiều bộ kinh khác nhau, tìm những gì liên quan có đề cập tới kinh tế, sau đó kết nối chúng lại thành một hệ thống phù hợp với tinh thần Phật giáo.

Trong một lần nghiên cứu, tình cờ đọc được một đoạn kinh ngắn về lời dạy của đức Phật bao hàm một triết lý kinh tế. Đức Phật dạy cho anh nông dân về cách sử dụng đồng tiền mà mình kiếm được như sau: Nên chia số tiền mình khó khăn có được thành bốn phần, phần đầu dùng để chi tiêu cuộc sống hằng ngày, hai phần kế tiếp dùng để đầu tư sinh lời, và phần còn lại hoặc dùng tiết kiệm hoặc dùng để giúp đỡ người nghèo khó. Theo tinh thần lời dạy này thì luôn phải có một phần tích lũy một phần tư số tiền mình kiếm được để sử dụng đến khi cần thiết. Theo Phật giáo, chỉ cần một phần tư số tiền kiếm được, chúng ta vẫn có thể có một cuộc sống thuận lợi[1].

Thực phẩm, quần áo, nhà cửa, thuốc men, giáo dục (xa hơn nữa là tinh thần) là những nhu cầu cơ bản của cuộc sống. Thực phẩm thiết yếu phải được sản xuất ngay chính trong nước để tránh tình trạng thiếu hụt lương thực gây bất ổn xã hội. Thực tế cho thấy, với một nền kinh tế phát triển thì chỉ cần 1 phần 4 tổng thu nhập hàng tháng là có thể thoải mái 5 nhu cầu thiết yếu trên.

Phần thứ tư của tổng thu nhập dùng để tích lũy hay tiết kiệm. Phật giáo luôn khuyến khích việc tiết kiệm tiền của, vì nếu không biết tiết kiệm, chúng ta sẽ phải đối diện với sự khủng hoảng tài chính, đặc biệt là

đau ốm thành linh xảy ra. Nếu không có sự tích trữ của cải, thì một cá nhân hay một quốc gia chắc chắn rơi vào nợ nần chồng chất.

Trong Trung Bộ kinh đức Phật dạy về sáu nguyên nhân gây phung phí tài sản cần tránh: "Này Singalaka, đăm mê các loại rượu là nguyên nhân phung phí tài sản. Du hành đường phố phi thời là nguyên nhân phung phí tài sản. La cà đình đám hí viện là nguyên nhân phung phí tài sản. Đăm mê cờ bạc là nguyên nhân phung phí tài sản. Giao du ác hữu là nguyên nhân phung phí tài sản. Quen thói lười biếng là nguyên nhân phung phí tài sản"

Trong đó nguyên nhân thứ sáu có liên quan trực tiếp đến việc gây dựng tài sản. Một khi tật xấu này phát triển, tài sản chưa có không được gây dựng, tài sản đã có thất thoát. "Quen thói lười biếng có sáu nguy hiểm: 'quá lạnh', không làm việc; 'quá nóng', không làm việc; 'quá trễ', không làm việc; 'quá sớm', không làm việc; 'tôi đói quá', không làm việc; 'tôi quá no', không làm việc. Trong khi những công việc phải làm lại không làm. Tài sản chưa có không gây dựng được, tài sản đã có bị tiêu hao. Thế Tôn thuyết giảng như vậy"[2]

Hay trong Kinh Tăng Bộ Chi, đức Phật hỏi các vị tỳ kheo về sự bần cùng, nghèo khổ và hậu quả của chúng:

"Này, các vị tỳ kheo, những người thế tục lang thang không thích sự nghèo đói?

"Chắc chắn rồi, thưa Thế tôn"
"Và những người lâm vào cảnh khó khăn, nợ nần, cũng không mong muốn điều đó xảy ra?"

"Dạ vâng, thưa Thế tôn"
"Và những người mắc nợ, mượn tiền cũng không mong điều đó chứ?"

"Dạ đúng như thế, thưa Thế tôn".
"Và đến kỳ phải trả nợ, họ không đủ khả năng để trả, bị ép bức, đánh đập, họ có mong muốn điều bất hạnh này xảy ra không?"

"Chắc chắn là không rồi, thưa Thế tôn".[3]

Theo Phật giáo, chính sách phát triển kinh tế dựa trên 4 nguyên tắc quan trọng sau:

1. Những thứ có liên quan tới sản xuất kinh tế, đặc biệt là nông nghiệp và công nghiệp phải được cung cấp cho người dân như: hạt giống, gia súc, phân bón, đất canh tác, nước, kênh tưới tiêu, dụng cụ v.v. Nói tóm lại, những hoạt động hỗ trợ như vậy của chính phủ rất là đáng trân trọng. Trong chính sách kinh tế, nhà nước phải lấy nông nghiệp làm đầu, song song với nó là khuyến khích ngành công nghiệp sinh học và các ngành công nghiệp khác để tạo ra sản phẩm phục vụ nhu cầu sống của người dân.

2. Khuyến khích giao thương buôn

bán vì chúng mang lại lợi nhuận cho đất nước. Chính phủ phải giám sát sự giao thương buôn bán này để có thể bảo vệ lợi ích của người lao động và người tiêu dùng. Cho vay nặng lãi ở các ngân hàng phải được xem là hành vi phạm pháp.

3. Những quan chức cũng như các chuyên gia phục vụ đất nước phải có những chế độ đãi ngộ thích đáng như lương bổng, thăng chức, nghỉ phép, khích lệ hay những đặc quyền khác để họ phấn đấu cống hiến hết sức mình cho công việc. Không được tạo điều kiện để họ tham nhũng, hối lộ cũng như bỏ bê công việc của mình.

4. Nhà nước nên ủng hộ và khuyến khích những cá nhân tham gia vào các lĩnh vực phát triển tinh thần.[4]

Sự phát triển kinh tế bao hàm việc lập các kế hoạch kỹ lưỡng để mang lại lợi nhuận cao. Phật giáo cho rằng, việc lập các kế hoạch kinh tế phải thể hiện từng cấp độ khác nhau như cấp độ cá nhân, gia đình và cấp độ có quy mô vùng, quốc gia, lãnh thổ. Có 4 đặc điểm nên được áp dụng một khi chúng ta lập một kế hoạch kinh doanh hay thực hiện một kế hoạch như vậy:

Có năng lực và nghị lực.

Có sự thận trọng.

Hợp tác với những người có tài, người có tinh thần xây dựng, có phẩm chất đạo đức tốt.

Cuộc sống được cân bằng.[5]

Đức Phật đã thuyết và giải thích bốn đặc điểm này cho ông thương gia, khi ông hỏi đức Phật về cách để phát triển sự nghiệp của mình. Có năng lực và nghị lực nghĩa là bất cứ một nghề nghiệp gì như làm nông dân, công nhân, chuyên gia.v.v. chúng ta phải có tay nghề và cần cù sáng tạo, siêng năng không để công việc trì hoãn. Trên phương diện một gia đình, điều này cũng thích hợp, thậm chí phải luôn để ý tới năng suất để điều chỉnh việc sản xuất cho thích hợp.

Sự thận trọng là đặc điểm thứ hai: canh gác tài sản của mình không để tổn hao một cách không cần thiết. Của cải kiếm được từ "sự siêng năng cần cù; vượt qua khó khăn; đổ mồ hôi nước mắt" chúng ta phải bảo vệ và tiết kiệm. Luôn đề phòng trộm cướp, hỏa hoạn, lũ lụt.v.v. Của cải dành dụm được có thể tiêu tan vì những thú vui đăm mê sau: (1) **quan hệ bất chính với phụ nữ**; (2) **nghiện rượu chè, ma túy**; (3) **đăm mê cờ bạc**; (4) **kết thân với những kẻ bất chính, không đạo đức**. "Như một hồ nước bốn bề có đê chắn bảo vệ, có 4 cửa cho nước vào và 4 cửa thoát nước ra. Nếu 4 cửa cho nước vào bị cản trở, trong khi 4 lối thoát nước lại được thông suốt, không có vật gì bịt kín thì nước trong hồ sẽ thoát ra, và hồ nước sẽ trống rỗng. Tương tự như vậy, tiền bạc của người đăm mê bốn thứ bất chánh trên sẽ dần hao mòn và trống rỗng". Trong một quốc gia, những hoạt động phi pháp đó phổ biến cũng sẽ khiến cho quốc gia đó dần tiêu diệt, xã hội chắc chắn đi đến chỗ tan rã.

Đặc điểm thứ 3 là hợp tác với những người có tài, có tinh thần xây dựng và phẩm chất tốt. Những người có học vấn, có tri thức, có khả năng phân biệt đúng sai và đưa ra những lời khuyên bổ ích. Họ không phải là loại người xúi giục hay khích chúng ta làm những việc sai trái.

Cuối cùng, nhấn mạnh tới sự cần thiết để có một cuộc sống thăng bằng.

Sau khi vất vả kiếm tiền, chúng ta phải tiêu xài một cách cẩn thận, điều độ, tiết kiệm không hoang phí. Phải tránh xa lối sống tiêu thụ khoe khoang thu hút sự chú ý của người khác. Một phong cách sống giản dị có được sự an lạc về tinh thần chính là sự thăng bằng.

Sự bằng lòng với thực tại là điểm cốt yếu trong cuộc sống của người Phật tử, được xem như là tài sản quý giá nhất của con người. Tuy nhiên, bằng lòng cuộc sống hiện tại không có nghĩa là chấp nhận số phận an bài, không phấn đấu vươn lên mà phải hiểu theo một khía cạnh tích cực. Giải thích theo ý nghĩa tiêu cực thì sự phát triển của loài người bị tiêu diệt. Ý nghĩa của sự bằng lòng theo tư tưởng Phật giáo rộng hơn thế, phải biết chấp nhận những gì mình đang có, thỏa mãn với những gì mình có và luôn nỗ lực để hoàn thiện chính mình. Chính vì ý nghĩa đó, nên đức Phật luôn nhấn mạnh đến hai đức tính mà một người Phật tử phải có là: "**Tinh tinh cần**" và "**Sự tinh giác**". Vì chính hai đức tính này mà đức Phật quyết không rời gốc Bồ Đề đến khi nào Ngài đắc quả giải thoát: "**Ta rất lấy làm hạnh phúc khi thấy da của ta, gân của ta, xương của ta giảm sút, máu của ta khô lại... để những gì chưa đạt được phải làm cho đạt được bằng sức mạnh của chính mình, bằng nghị lực của chính mình, bằng sự tinh cần của chính mình**"[6].

Sau khi đọc xong những lời dạy trên của đức Phật, chúng ta có thể hoàn toàn tự tin để áp dụng vào hoàn cảnh sống của chính mình, cố gắng khắc phục vượt qua giai đoạn khó khăn này. Một số ít trong chúng ta có thể phạm vào một trong những lỗi dạy trên khiến cho tiền của thất thoát, mặt số khác thì đã có ít nhiều nhưng vì không có kim chỉ nam hướng dẫn cũng khiến tài sản tiêu hao. Hy vọng rằng, người Phật tử, sau khi áp dụng những lời dạy trên của đức Phật, sẽ có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc và an lạc ngay trong cõi dục giới này.

Sách tham khảo:

1. The Long Discourses of the Buddha. A Translation of the Digha Nikaya by Maurice Walshe, Canada, 1995.
2. The Middle Length Discourses of the Buddha. A translation of the Majjhima Nikaya by Bhikkhu Nanamoli and Bhikkhu Bodhi, Canada, 2005
3. Trung Bộ Kinh. Hoà thượng Thích Minh Châu dịch Việt, 1992
4. Trường Bộ Kinh. Hoà thượng Thích Minh Châu dịch Việt, 1991
5. Buddhist Sociology. Nandasena Ratnapala. Delhi 1993.



QUAN NIỆM SỰ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẪNG**

Người dịch: **THẮNG HOAN**

(tiếp theo kỳ trước, CHƯƠNG II -
TRÀO LƯU TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI XEM
DUY THỨC HỌC)

D.- LA TẬP [LUẬN LÝ] VÀ NHÂN MINH HỌC:

La Tập chính là Luận Lý Học trong Khoa Học. Có người nói, thứ sự vật nào đó hoặc thứ lý luận nào đó nếu như phối hợp với La Tập đều được tính là chân thật, là chính xác. Ngược lại, thứ sự vật đó, thứ lý luận đó nếu như không phối hợp với La Tập thì không thể cho là chân thật và cũng không thể cho là chính xác. La Tập xưa nay là thảo luận Mệnh Đề, một thứ mệnh đề chỉ có hai Khái Niệm. Hai loại Khái Niệm đây rất quan hệ với nhau để thành hình Mệnh Đề. Nhân Minh gọi mệnh đề là "Lập Tông". Sở dĩ có người nói La Tập chỉ bảo đảm sự quan hệ nơi hình thức. Phương pháp suy lý của La Tập áp dụng chính là phương pháp Tam Đọa Luận và cũng chính là "Tỷ Luận" trong ba chi của Nhân Minh. Hơn nữa có người nói, La Tập không thể cho là một thứ Khoa Học độc lập và nó chỉ là một thứ phương pháp của Khoa Học. Nhân Minh trong Phật Học tựu trung cũng giống như La Tập của Khoa Học. Nhân Minh Học ở Ấn Độ rất phát đạt, không chỉ có giá trị cho riêng Phật Giáo và còn hữu dụng đến các học phái khác. Duy Thức Học của Phật Giáo tất cả đều thành lập theo hình thức Nhân Minh. Thành Duy Thức Luận và các kinh luận khác của Duy Thức Tông hoàn toàn áp dụng phương thức Nhân Minh để xây dựng học thuyết, để viết thành sách. Cho nên, phàm người nào nghiên cứu Duy Thức, trước hết phải nghiên cứu Nhân Minh Học, nguyên vì Nhân Minh là công cụ rất cần thiết trong sự

nghiên cứu Duy Thức. Người đọc Thành Duy Thức Luận, v.v... nếu như không thông suốt phương thức Nhân Minh thì mặc dù có tinh thông đi chăng nữa cũng không thể giải thích rõ ràng nghĩa thâm sâu của nó. Thành Duy Thức Luận là một bộ sách thuộc học phái Trung Quán, cũng giống như Chương Trần Luận của ngài Thanh Biện, v.v..., tất cả đều sử dụng phương thức Nhân Minh Luận.

Tại Ấn Độ, Học Phái Đại Thừa Không Hữu thanh hành một thời, họ thường tập trung học giả tại một Học Đường để cùng nhau tranh luận. Phương thức tranh luận của họ đều áp dụng phương thức Nhân Minh Luận. Thứ phương thức này, ngày nay trong các Tự Viện của Mông Tạng vẫn còn tiếp tục tiến hành. Do đó, chúng ta biết được đạo lý của Phật Học, đặc biệt Duy Thức Học là học thuyết rất thích hợp với La Tập.

III.- TRIẾT HỌC VÀ DUY THỨC HỌC:

Theo Triết Học giải thích, ý nghĩa danh từ Triết Học là tìm cầu sự hiểu biết, tìm cầu trí tuệ. Tìm cầu trí tuệ là truy cứu để tìm ra chân lý nhận thức. Những học thuyết truy cứu về chân lý của vũ trụ và nhân sinh đều được gọi là Triết Học. Triết Học vừa trình bày còn có tên nữa là Hình Nhi Thượng Học. Hình Nhi Thượng Học là học thuyết tìm cầu nguyên lý thâm sâu của vũ trụ và nhân sinh. Nguyên lý thâm sâu ở đây không phải là hiện tượng khách quan mà nó chính là bản thể của sự thật. Cũng từ Triết Học Hình Nhi Thượng này, hai hệ phái Bản Thể Luận và Trí Thức Luận được xuất hiện.

Triết Học tây phương gồm có các hệ phái khác nhau như Duy Tâm Luận hoặc gọi là Quan Niệm Luận, Duy Vật Luận, Tâm Vật Nhị Nguyên Luận, v.v... Riêng Duy Tâm Luận cũng có rất nhiều hệ phái riêng biệt và họ không thể ngồi chung với nhau để thảo luận mọi vấn đề. Nhưng hôm nay, chúng ta chỉ đề cập đến Duy Tâm Luận và Duy Vật Luận mà thôi. Chữ Tâm ở đây có nghĩa là nhận thức của chúng ta, là một thứ quan niệm. Quan niệm chính là "Hình tượng", v.v... hoặc một thứ hình ảnh và cũng gọi là lý tánh. Giờ đây một vài quan niệm xin được trình bày sơ lược như sau:

A.- TỔ PHÁC THẬT TẠI LUẬN:

Triết Học tại Trung Quốc có học thuyết Vô Cực và Thái Cực. Học thuyết này cũng chủ trương tương tự như Tổ Phác Thật Tại Luận. Họ cho rằng con mắt và lỗ tai là chỗ thấy và nghe, chính chúng nó có thể tiếp nhận được sự vật thật tại và nhờ đó chúng ta mới có thể hiểu biết thật thể phù hợp với sự vật, như nặng nhẹ, dày mỏng, lớn nhỏ, vuông tròn đều là tánh chất thật

tại của sự vật. Những tánh chất thật tại này đã có sẵn từ nơi sự vật và những thứ đó không phải mang đến từ bên ngoài. Những tánh chất thật tại nơi sự vật đây mặc dù không lìa khỏi phạm vi của Tâm Thức. Tâm Thức của chúng ta dù có nhận thức hoặc không nhận thức về chúng nó, nhưng những tánh chất thật tại nơi vẫn tồn tại nơi sự vật. Tâm Thức chẳng qua căn cứ nơi hình thức của sự vật để hiểu biết về sự vật mà thôi.

Chỗ kiến giải của Thật Tại Luận này được phân làm hai loại: Nhất Nguyên Luận và Đa Nguyên Luận. Nhất Nguyên Luận cho rằng thật thể của sự vật chỉ do một nguyên nhân sanh ra và Đa Nguyên Luận cho rằng thật thể của sự vật đều do nhiều nguyên nhân sanh ra. Những luận thuyết trên nếu so sánh với luận lý của Duy Thức thì chỉ có giá trị chân thật nơi sự thành quả trong thế gian. Còn căn cứ nơi nguyên tắc tất cả pháp đều do Duy Thức biến hiện, học thuyết của những phái này đều bị phủ định.

B.- CHỦ QUAN DUY TÂM LUẬN:

Phái này chủ trương chỉ có Tâm chủ quan của tri giác mà không có tất cả ngoại vật, nghĩa là tất cả ngoại vật chỉ do quan niệm nhận thức của chúng ta từ nơi "Ý Thức" và không thể có ngoài Ý Thức. Cho nên phái này phủ định sự tồn tại của tất cả ngoại vật và theo họ quan niệm, sự tồn tại của tất cả ngoại vật đều là ảnh hưởng từ nơi Tâm chủ quan biến hiện. Như đặc tánh của các pháp thế gian theo các Khoa Triết Học, v.v... các Đạo Đức Nhân Luân, v.v... cũng như các Nhân Cách Huân Tập, v.v... tất cả đều bị phủ định. Chỗ luận thuyết của phái này nếu đem so sánh với học thuyết Ngoại Cảnh Phi Hữu (Ngoại cảnh không phải có) của Duy Thức thì xem qua có hơi giống nhau. Nhưng xét cho kỹ, thật ra chủ trương của hai phái này đều hoàn toàn khác nhau. Duy Thức thì không phủ định sự tồn tại của ngoại vật giống như sự phủ định của Chủ Quan Duy Tâm Luận. Duy Thức sở dĩ chủ trương rằng ngoại cảnh không thật có là trình bày ngoại vật không thể lìa khỏi sự quan hệ của Tâm Thức, nghĩa là trình bày cảnh vật bên ngoài hoàn toàn không có thể tánh chân thật. Cảnh vật bên ngoài chỉ có giả tướng của nhân duyên kết thành mà thôi.

C.- KHÁCH QUAN DUY TÂM LUẬN:

Phái này cho rằng vạn hữu vũ trụ đều là khách quan tồn tại của Tâm cộng đồng nhân loại trong thế gian. Các pháp tuy muôn hình ngàn tướng không giống nhau, nhưng tất cả đều là biểu hiện của tâm lý cộng đồng nhân loại. Tâm lý cộng đồng là một thứ Ý Thức của cộng đồng mà học phái Hách Cách Nhĩ gọi là Quan Niệm Luận. Nếu công nhận rằng Ý Thức chúng ta là nguồn gốc quan niệm của sự vật, là bản thể của sự vật thì Tâm cộng đồng nơi mỗi cá nhân chỉ hiện hữu một phần mà nó không phải là toàn thể của tâm lý chúng ta. Hơn nữa Tâm cộng đồng đây không thể chứng minh cũng giống như một vị "Thần" không thể chứng minh. Tâm cộng đồng không thể chứng minh là chỉ cho Ý Thức cộng đồng và Ý Thức này chính là vạn năng. Học thuyết Hoãn Cú Thoại cho rằng Phách Cách Nhĩ dùng phương pháp biện chứng để đả phá "Nhất Thần Luận", gán cho Tâm Cộng Đồng là Quan Niệm Luận! Tâm cộng đồng hay Ý Thức cộng đồng nếu cho là ông chủ sáng tạo ra vạn hữu thì học thuyết đây rất tương phản với học

thuyết Duy Thức của Phật Giáo.

D.- CƠ GIỚI DUY VẬT LUẬN:

Phái này cùng với phái Duy Tâm đã nói ở trước đều thuộc về loại tương đối. Nguyên vì vật và tâm mà hai phái trình bày cũng là tương đối. Vật thì có hình thể có hạn lượng và Tâm thì không có hình thể, không có hạn lượng. Vật thì chiếm một khoảng không gian gồm tất cả toàn diện của tự nhiên giới, là đối tượng của Khoa Học Tự Nhiên, nên gọi chung là vật. Hiện tượng sai biệt của tất cả thế gian đều là do quan hệ lẫn nhau của mọi vật sáng tạo nên. Do đó bản thể vũ trụ là vật chất, không phải là Duy Tâm, mà lại cũng không phải là Thượng Đế. Lịch sử diễn biến của nhân sinh cũng là sự diễn biến của Duy Vật Luận. Nhờ sự diễn biến này, Triết Học Sân Sanh của Duy Vật Sử Quan được thành lập. Lịch sử diễn biến của nhân loại đều lấy kinh tế làm bối cảnh. Như vậy, thế nào là kinh tế?

Bản thân của kinh tế đều là vật chất hoặc gọi là sinh hoạt vật chất. Đó là điểm xuất phát Tư Bản Luận của Mã Khắc Tư. Cho nên từ xưa đến nay, tất cả sự diễn biến của lịch sử nhân loại đều là Duy Vật Luận. Hơn nữa, các học giả Duy Vật cận đại cũng đều cho rằng, Ý Thức của nhân loại đều là do phản ảnh của vật chất sanh ra. Sự hoạt động của Ý Thức chính là sự hoạt động của Đại Não và Đại Não nếu như không hoạt động phản ảnh thì Ý Thức hoàn toàn không có, cho nên nói Đại Não là nơi quyết định sự tồn tại của Ý Thức. Đại Não thì thuộc về vật chất và có khả năng hoạt động, do đó phái Cơ Giới Duy Vật Luận chủ trương tất cả đều là Duy Vật và quan niệm cho Tâm chẳng qua là điều kiện của vật chất mà thôi.

Thứ Duy Vật này có một điều khuyết điểm là chỉ gom góp những diễn biến để thành lập Định Mệnh Luận, nguyên vì vạn vật nương nhau sanh khởi trong định luật nhân quả làm điều kiện xác định. Định Mệnh Luận giả như thành lập theo phương thức nói trên nếu đem so với Duy Thức Học thì có chỗ giải thích không được thông suốt. Và có một điểm quan trọng, phái Duy Vật Luận đều phủ định luật nhân quả của nghiệp thiện ác, cho nên phái này giải thích cũng không được thông suốt.

E.- TÂM VẬT NHỊ NGUYÊN LUẬN:

Tâm thì ở bên trong là phần nhận thức của chúng ta và vật thì ở bên ngoài là chỉ cho tất cả toàn diện của tự nhiên. Phái Tâm Vật Nhị Nguyên Luận chủ trương rằng, tất cả ngoại cảnh đều là đối tượng của Ý Thức chúng ta. Ngoại cảnh thì thuộc về vật và Ý Thức của chúng ta thì thuộc về tâm. Khi chúng ta xem thấy một đóa hoa, Ý Thức lúc đó liền khởi lên quan niệm (hoặc khái niệm) về một loại hoa. Sự khởi lên quan niệm đó của Ý Thức thì thuộc về tâm. Còn quan niệm về đóa hoa kia là căn cứ nơi toàn diện của đóa hoa bên ngoài để sanh khởi thì thuộc về vật. Sự nhận thức của chúng ta là hiểu biết toàn diện của đóa hoa và sự hiểu biết đây về đóa hoa được phát sanh từ nơi quan niệm. Chúng ta sở dĩ đề cập đến ngoại vật và nội tâm là nói lên sự quan hệ lẫn nhau không thể phân ly của chúng. Một học phái căn cứ nơi sự quan hệ lẫn nhau giữa ngoại vật



Ý NGHĨA MÙA XUÂN DI LẶC

Thích Nữ Giới Hương

Tết Nguyên Đán. Nguyên là khởi đầu, Đán là buổi sáng ban mai. Tết Nguyên Đán là dịp lễ mừng đón một ngày đầu năm mới, ước mơ mới, bắt đầu mới và tốt thì suốt năm sẽ mới và tốt đẹp.

Giao thừa là giao điểm giữa cũ và mới rất quan trọng, bắt đầu buổi ban mai của ngày hay của suốt năm. Nên theo văn hóa Phật Giáo, người con Phật hay đi chùa cầu nguyện vào giây phút đầu tiên Giao thừa này và khi chúng ta gặp ai cũng tay bắt mặt mừng chúc nhau những mỹ ngữ tốt lành và lì xì tặng tài lộc lẫn nhau.

Để chuẩn bị cho cái mới, năm mới hoàn hảo, trước tết ai cũng lo sơn phết nhà cửa, đánh bóng lại chân đèn lư hương, trần thiết lại bàn thờ ông bà tổ tiên, bàn thờ Phật sao cho trang nghiêm để chuẩn bị đón xuân mới. Mỗi nhà đều cố gắng mua sắm các loại thực phẩm tết như ngũ quả trái cây, bánh chưng, bánh tét, dưa hấu, bánh mứt, hạt dưa, hoa quả, hoa mai, hoa đào, câu đối đỏ, hồng bao lì xì, quần áo mới... Trẻ con người lớn trên gương mặt cũng hớn hờ tươi vui đầy xuân. Có thể nói đây là một trong những ngày lễ vui nhất trong năm, nên tại các chùa



và nội tâm để thành lập chủ thuyết Tâm Vật Nhị Nguyên Luận. Tâm Vật Nhị Nguyên Luận là trình bày bốn nguyên của vạn pháp, là bản thể của vũ trụ. Lỗi lý luận của phái này so với học thuyết Sắc Tâm Huân Tập Hồ Tương (Sắc và Tâm quan hệ lẫn nhau trong sự huân tập) của Tiểu Thừa Kinh Lương Bộ thì hơi giống nhau. Sắc Tâm hổ tương làm nhân là thuộc về Chúng Tử Luận.

Tâm Vật Nhị Nguyên Luận chỉ căn cứ nơi Khoa Học Tự Nhiên và Sinh Lý Học để giải thích. Theo họ, chúng ta nhận thức một ngoại vật nào, như một đóa hoa chẳng hạn, là phải nhờ đến bản thân của đóa hoa đó và cũng phải nhờ đến quan hệ của quang tuyến, v.v... đem ảnh tử của đóa hoa nói trên vào trong Nhãn Cầu. Ảnh tử của đóa hoa trong Nhãn Cầu liên xuyên qua Nhãn Mô để đến nơi Thần Kinh con mắt và ấn vào nơi con mắt. Ngay lúc đó, Ý Thức khởi lên sự nhận thức (quan niệm) về đóa hoa ảnh tử được ấn vào nơi con mắt. Tiếp theo Thần Kinh con mắt lại đem sự nhận thức về đóa hoa của Ý Thức truyền đến (hoặc cung cấp để báo cáo) Thần Kinh Đại Não. Nơi đây, sự nhận thức về đóa hoa của Ý Thức trình tự hoàn thành. Ý Thức tạo ra hoặc truyền xuất quan niệm về một loại hoa là thuộc về Tâm. Còn Thần Kinh con mắt truyền vào Đại Não sự nhận thức về đóa hoa của Ý Thức không một mây may nghi vấn là thuộc về tánh chất của Cơ Giới. Riêng vấn đề sự tác dụng của đóa hoa nói trên như thế nào sau khi vào trong Trung Khu Đại Não để có thể dẫn phát một loại khái niệm của Ý Thức? Cho đến ngày nay chưa thấy các nhà Khoa Học và các học giả Nhị Nguyên Luận giải thích. Sự biến hiện tất cả vạn pháp của Duy Thức giải thích thì hoàn toàn không giống như lối giải thích ở đây của Tâm Vật Nhị Nguyên Luận.

F.- PHẬT GIÁO DUY THỨC DUYÊN KHỞI LUẬN:

Duy Thức Học của Phật Giáo và các Triết Học vừa đề cập ở trên thì hoàn toàn không giống nhau. Hệ thống luận lý của Duy Thức sau này sẽ theo thứ lớp tường thuật. Trong đây xin

trình bày tổng quát một vấn đề. Kinh nói: "Vạn pháp duy thức, ba cõi duy tâm, tất cả đều do tâm tạo". Căn cứ nơi lời nói này, người ta vội cho rằng Duy Thức chủ trương không có ngoại cảnh. Thật ra Duy Thức đối với thế giới và sự vật ngoại cảnh đều không phủ định sự tồn tại của chúng. Theo Duy Thức, sự sanh khởi vạn pháp trong thế gian đều bị ảnh hưởng rất lớn năng lực của Tâm Thức. Nhưng không thể cho rằng sự sanh khởi vạn pháp duy nhất chỉ có Tâm Thức sáng tạo. Tâm Thức chẳng qua là một cái vòng trọng yếu, một cái vòng có năng lực của nhân duyên trong sự sanh khởi vạn pháp mà thôi. Nếu cho rằng Tâm Thức là yếu tố chính trong sự sanh sản các pháp thì Tâm Thức của chúng ta phải nhờ vào các quan hệ (Duyên) như căn, cảnh, ánh sáng, v.v... thuộc vật chất để sanh khởi. Luận thuyết trên đây thuộc về Nhị Nguyên Luận và Đa Nguyên Luận. Nhưng thực tế cho thấy Thức và Cảnh không thể tách rời nhau, từ đó nói rằng ngoài Thức không có cảnh và Thức đóng vai trò thù thắng nên gọi là Duy Thức. Duy Thức xem trọng đạo lý Duyên Sanh, cho nên tuyệt đối không chủ trương chỉ có Thức tồn tại và phủ định sự tồn tại của tất cả khách quan. Học thuyết của Duy Thức có thể cho là Tâm Cảnh Hợp Nhất Luận.

Trong các học thuyết được xem qua ở trên, Phật Học, đặc biệt Duy Thức Học là môn học lý trí và nó không phải là Tông Giáo. Duy Thức Học, nếu như cho là Tông Giáo thì thuộc về Tông Giáo lý trí và nhất định không phải là Tông Giáo mê tín. Duy Thức Học, Triết Học và Khoa Học đều rất tương đắc với nhau. Duy Thức Học có thể sửa chữa sự sai lầm của tư tưởng, có thể cải chính những lý luận xuyên tạc. Cho nên người nghiên cứu Duy Thức Học không chỉ phát dương Phật Học và còn xướng minh khoa Triết Học càng thêm thăng tiến. Vì nguyên nhân đó, gần bốn mươi năm nay, các giới học thuật rất chú ý đến Duy Thức Học của Phật Học.

(còn tiếp)

và hội đoàn có tổ chức múa lân với trống kèn và văn nghệ để vui chơi giải trí.

Trong giới Phật giáo, chúng ta gọi Tết Nguyên Đán là Mùa Xuân Di Lặc. Vì ngày khánh đản/giáng sanh hay vía của đức Phật Di Lặc đúng vào ngày mừng một Tết. Nên ở chùa vào ngày mồng một tết thường tụng kinh Di Lặc Hạ Sanh thành Phật cúng vía ngài.

Đức Phật Di Lặc là hóa thân của vị Giáo chủ tương lai của thế giới Ta bà, người kế thừa sự nghiệp độ sanh do Đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật di chúc và thọ ký. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng nói rằng: ngày mồng một tháng giêng là ngày kỷ niệm vía đức Di Lặc Bồ Tát, và sau này ngài sẽ là người giáo hóa ở Hội Long Hoa. Trong thời gian đợi chờ đến hội Long Hoa, theo hạnh nguyện bồ tát, Đức Di Lặc đã phân thân, hóa thân ở nhiều quốc độ khác nhau để giáo hóa chúng sinh.

Một trong những hóa thân của Ngài mà chúng ta thường nghe nhất đó là *Bồ Đại Hòa Thượng*. Đó là một vị hòa thượng ở đất Minh Châu, huyện Phụng Hóa, Trung Hoa. Ngài thường mang cái dây băng vải đi khắp thực, ai cho gì cũng bỏ hết vào đấy nên dân làng gọi ngài là vị Bồ Đại Hòa Thượng (vị Hòa thượng mang túi vải lớn). Hạnh nguyện của ngài là đi thuyết pháp và giúp người nghèo. Ai xin gì ngài cũng bố thí, ngài tự hạnh xả (xả ngã, xả pháp). Đến đời Lương, niên hiệu Trinh Minh năm thứ ba, ngài nhóm chúng lại tại chùa Nhạc Lâm, ngài ngồi ngay thẳng nói bài kệ:

*"Di Lặc thật Di Lặc,
Biến hóa trăm ngàn ức thân,
Thường hiện trong cõi đời,
Mà người đời chẳng ai tin biết".*

Nói xong bài kệ, ngài an nhiên thị tịch.

Dựa theo hóa thân Trung Quốc này, nên Phật giáo Trung Hoa và Phật giáo Việt Nam thường tạc tượng ngài với thân tướng thịnh vượng, tròn đầy, với miệng cười đầy hỷ lạc. Ngài rất tự tại, với sáu đũa bé tinh nghịch, đũa móc tai, đũa sờ mũi, đũa kéo miệng, đũa chọc lét.

*"Bụng to, má núng đồng tiền
Váy quanh sáu trẻ giữa nghiêng reo hò".*

Danh hiệu Di Lặc là chữ phiên âm từ tiếng Phạn (Sankrist) là *Maitreya* có nghĩa là Từ Thị (Thị: họ; Từ: từ bi), tiếng Anh gọi là *Future Buddha* (Đức Phật tương lai) hay là *Laughing Buddha* (Đức Phật hoan hỷ). Vì ngài tu tập hạnh từ bi hỷ xả. Từ bi là thương người và hỷ xả cho những gì mà người khác làm sai quấy đối với mình. Sáu đũa bé (lục tặc) trên thân của Đức Phật Di Lặc là chỉ cho sáu căn (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý*) của chúng ta. Khi chúng ta tiếp xúc với mọi người, với âm nhạc, với hương thơm, với lời khen tiếng chê, với thành công, thất bại, được lợi thua lỗ, để rồi sanh ra những phiền não, vui buồn, sầu bi khổ, ưu não. Mỗi khi chúng ta tiếp xúc với cảnh bên ngoài, nếu chúng ta yếu đuối, không làm chủ được chính ta, chúng sẽ tác động và làm chủ lấy chúng ta, khiến chúng ta bị xoay vần, lo nghĩ, bất an, thất vọng, khổ đau và sợ hãi. Tuy nhiên, đối với người đã phát nguyện tu tập hạnh từ bi hỷ xả của Đức Phật Di Lặc và thâm nhập bản tánh thường lạc ngã tịnh của mình thì vị ấy làm chủ được mình, có khả năng duy trì niềm chân lạc của tự tâm, không bị cảnh ngoài chi phối, và được tự tại trong cuộc thế biến thiên đau khổ này.

Sở dĩ các chùa thỉnh Đức Phật Di Lặc giáng lâm vào ngày Mồng một Tết là theo phong tục Á Đông cổ truyền. Người

xông đất đầu tiên có sự ảnh hưởng đến sự làm ăn hay hên xui may rủi của toàn gia đình trong cả năm. Tu hành chính là sự nghiệp làm ăn của chúng ta. Ta cần noi gương Đức Di Lặc để chuẩn bị những gì cho lúc xông đất? Nét mặt tươi cười là tướng mạo của tinh thần từ bi hỷ xả. Căn bản bồ đề hay sanh tử không ngoài tâm ta. Chúng ta suốt đời sáu căn điên đảo phan duyên sáu trần, bởi các vọng tưởng ngấm ngấm rối loạn. Hớn hờ đam mê chạy theo thuận cảnh. Bực bội giận ghét vì nghịch cảnh. Thuận và nghịch khiến dòng tâm niệm theo ba độc tham sân si cùng tận tạo thành biển khổ trầm luân. Tham, sân, si là ba hung thần, sáu căn là lục tặc. Kinh Lăng Nghiêm gọi sáu căn là mai mối cho giặc tham sân si, khiến ta quên hẳn chân tâm bản tánh. Đây là hoa giác tỉnh của đức Di Lặc. Tay trái ngài đặt trên túi là để pháp ngã chấp, ngã mạn và ngã si. Dùng trí tuệ chiếu soi sáu căn là vọng thân. Dùng trí tuệ chiếu soi sáu trần là vọng cảnh. Dùng trí tuệ chiếu soi sáu thức là vọng tâm.

Điều hòa sáu căn, ba nghiệp hòa hợp vô tranh, niệm niệm lìa trần, tâm tâm xuất thế. Lục tặc từ từ chuyển thành sáu thần thông. Một khi ý thức đã chuyển thành diệu quang sát trí, pháp nhãn diệu minh thì năm thức trước trở thành Thành sở tác trí, thông minh tháo vác. Đức Phật Di Lặc được xem là tổ khai sáng ra tông Duy Thức vì ngài thành công trong pháp tu của ngài.

Thế nên, ngày mồng một Tết chúng ta đến chùa lễ Phật và hái lộc xuân đầu năm. Ngoài việc, cầu nguyện cho gia đạo được bình yên, khoẻ mạnh, con cái thành đạt nên người mà còn chính để tu học và trưởng dưỡng hạnh Di Lặc mang niềm vui và hỷ xả đến cho mọi người, chuyển hóa những vọng tâm tham sân si thành trí tuệ thức tỉnh. Nếu mỗi người tự tu được hạnh hoan hỷ và thức tỉnh thì thế giới này thật an vui hạnh phúc. Mỗi người sẽ là mỗi đóa hoa tươi trang nghiêm cõi nhân gian tịnh độ này. Mỗi người nguyện làm đẹp cuộc đời bằng cách:

*Mỗi ngày miệng mỉm cười
Hai mươi bốn giờ tinh khôi.*

(Sư Ông Nhất Hạnh)

Mai vàng đào đỏ đang nở, báo hiệu xuân Tân Mão 2011 đang đến, xin thay mặt chư Ni chùa Hương Sen, Moreno Valley, California, xin thành tâm kính chúc quý chư tôn đức tăng ni, quý quý hội đoàn của các tôn giáo bạn, quý đồng hương Phật tử, quý ân nhân hảo tâm và quý thân hữu xa gần hưởng được một mùa xuân Di Lặc đầy khánh hỷ và vô lượng kiết tường như ý.



ĐỌC BÀI THƠ NGÔN HOÀI của KHÔNG LỘ THIÊN SƯ

Lam Nguyên

Thiên sư Không Lộ (? -1119) họ Dương, chưa rõ tên thật, người hương Hải Thanh (nay thuộc tỉnh Nam Định), tổ tiên vốn làm nghề chài lưới. Đến đời ông, bỏ nghề đi tu, trở thành thế hệ thứ 9, dòng Thiên Quan Bích. Ông cùng Thiên sư Giác Hải đi nhiều nơi, sau dừng chân lại chùa Hà Trạch, chuyên tu tập Mật-tông và Thiên-tông. Theo dư luận trong dân gian thì Ngài Không Lộ có luyện được nhiều phép thần thông. Sau ông về quê, lập chùa Nghiêm Quang và tiếp nhận môn đồ. Cuộc sống của Ngài giản dị, điềm đạm, không màng danh lợi. Niên hiệu Hội Tường Đại Khánh đời Lý Nhân Tông thứ 10 thì Sư viên tịch, môn đồ thu xá lợi thờ tại chùa Nghiêm Quang. Và chùa Nghiêm Quang được đổi tên là Thần Quang (1167) nguyên ở hữu ngạn sông Hồng nhưng vì bão lụt hủy hoại nên năm 1630 Chư Tăng và Phật tử cũng như nhân dân đã dựng lại chùa ở tả ngạn sông Hồng ở tỉnh Thái Bình, tục gọi là Chùa Keo dưới.

Trong lịch sử văn học thì Không Lộ là một nhà thơ Thiền tiêu biểu của thời nhà Lý. Ngài đã để lại hai bài Kệ hay bài thơ Thiền rất xuất sắc trên nhiều mặt. Hai bài thơ đó là Ngự Nhân 漁 閒 và Ngôn Hoài 言懷 mà hôm nay chúng tôi xin giới thiệu bài Ngôn Hoài 言懷 như sau:

Ngôn Hoài 言懷

Trạch đắc long xà địa khả cư, 擇得龍蛇地可居
Dã tình chung nhật lạc vô dư. 野情終日樂無餘
Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh, 有時直上孤峯頂
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư. 長嘯一聲寒太虛
Lam Nguyên phỏng dịch thơ:

Tỏ Nỗi Lòng

Chọn được đất lành ở thành thời,
Lòng quẽ vui sướng trọn ngày thôi!
Có khi lên thẳng đầu non thăm,
Cười lớn âm vang lạnh cả trời!

Chúng tôi dịch câu "Trường khiếu nhất thanh" là "Cười lớn âm vang" để nói lên cái cười đốn ngộ của Ngài Không Lộ Thiền Sư! Đây là biểu lộ của "cái cười" Thiền học! Ta có thể nói đây không phải là vấn đề "chữ nghĩa" mà là "tư tưởng"!

Lần đầu tiên chúng tôi gặp bài thơ này trong tập Văn Học Thời Lý của Ngô Tất Tố nhưng sau lại biết được bài Ngôn Hoài được giới thiệu lần đầu tiên trong Thiền Uyển Tập Anh, đến Hoàng Việt thi tuyển của Bùi Huy Bích cũng như trong Việt Nam cổ văn học sử của Nguyễn Đổng Chi xuất bản năm 1942.

Bây giờ chúng ta sẽ lần lượt đi vào tác phẩm Ngôn Hoài của Ngài Không Lộ. Chúng ta biết rằng muốn tìm hiểu giá trị, ý nghĩa của bất cứ tác phẩm văn học nào của Phật giáo thì điều quan trọng là chúng ta phải biết tác phẩm ấy thể hiện tư tưởng và triết lý như thế nào! Nếu chúng ta quay ngược thời gian sẽ thấy bài Ngôn Hoài mang nét đặc trưng trong nền văn hóa Phật giáo thời Lý, Trần; biểu hiện cả khẩu khí và âm hưởng rất đặc trưng. Câu đầu "Trạch đắc long xà địa khả cư", có một số nhà nghiên cứu văn học cho câu thơ này nói về "phong thủy" nhưng theo thiên ý của chúng tôi thì câu thơ này còn mang một nghĩa rất quan trọng là đã tìm được "chân lý của Đạo Phật"! Bởi vì Đạo Phật là chủ động, tự tại chứ không câu nệ về hoàn cảnh. Và ta có thể nói là mảnh đất "long xà hổ trạ, phàm thánh đồng cư". Tác phẩm văn học Phật giáo có giá trị là do trong cách lý giải, cách hiểu, cách phân tích khác hoạc khác nhau. Đến câu thứ hai "Dã tình chung nhật lạc vô dư", hai chữ "dã tình" nguyên nghĩa là "tình quê" nhưng sau mặt chữ chúng ta có thể hiểu "tình chân thật hồn nhiên" mà hồn nhiên là Đạo theo cách nói của Lão Trang; còn chữ "chung nhật" là "trọn ngày" đây biểu thị "nắm bắt thời gian" nghĩa là đạt thời gian thuộc về mình rồi. Cho nên mới "lạc vô dư" được, có nghĩa là vui trọn vẹn không thừa, không thiếu! Thiên Sư Không Lộ đã quen với lối sống "sài môn mao ốc" (liều tranh cửa liếp). Nhà Sư có lúc lên thẳng đỉnh núi thăm "Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh", câu này nhà Sư đã khẳng định một phương pháp tu hành, tin vào khả năng của chính mình, có phải ý Sư viết câu "cô phong đỉnh" chỉ trung tâm của tạo hóa đã nói lên cái nguyên thủy của Đạo Phật! Khi đã giác ngộ thì Thiên Sư Không Lộ đã "Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư" mà chúng tôi tạm dịch "Cười lớn âm vang lạnh cả trời".

Thiên Sư Không Lộ đã giữ được tinh thần Thiền học của dòng Tào Khê do Thiên Sư Vô Ngôn Thông truyền vào Việt Nam ở thế kỷ thứ 9 với chủ trương "bàn lai vô nhất vật" phủ định cả Sắc lẫn Không, cả Tâm lẫn Vật... bởi vì tất cả đều có một sự đồng nhất chung là Phật tính hay là tự tánh Bồ Đề hoặc Bàn Lai Diện Mục! Mà có thể lấy bài Kệ của Ngài Lục Tổ Huệ Năng để thấu suốt hơn "Bồ Đề bổn vô thụ 菩提本無樹, Minh kính diệp phi đài 明鏡亦非臺. Bàn lai vô nhất vật 本來無一物, Hà xứ nhạ trần ai 何處惹塵埃" (Bồ Đề vốn chẳng cây, Gương sáng cũng chẳng đài. Xưa nay không một vật, Nơi nào dính bụi trần?".

Seattle, ngày Xuân mới...!

QUÁN PHÁP GIỚI QUA GIÁO LÝ THẬP NHƯ THỊ

Thích Đức Trí

- (1)-Giới thiệu giáo lý thập như thị
- (2)-Giải thích ý nghĩa thập như thị
- (3)- Quán pháp giới qua giáo lý Thập như thị
- (4)-Pháp giới do tâm tạo
- (5)-Lời kết

1-Giới thiệu giáo lý thập như thị

Giáo lý thập như thị xuất xứ ở phẩm Phương tiện của kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Đây là một bộ kinh đại thừa xiển dương tinh thần Nhất Phật thừa, con đường hướng đến quả vị Phật. Trong giáo lý của Phật từ thời kỳ đầu là gồm 3 thừa Thanh văn, Duyên Giác và Bồ Tát (1): Thanh văn thừa, bậc tu hành y theo pháp Tứ Diệu Đế tu tập đắc quả A la hán nhập Niết Bàn. Duyên Giác Thừa, bậc tu hành y theo Pháp Thập nhị nhân duyên tu tập đắc quả duyên giác và nhập Niết Bàn. Bồ tát thừa, bậc tu hành theo tinh thần trên thì cầu Phật đạo, dưới thì cứu độ chúng sanh, hành pháp lục độ: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Đức Phật giảng rằng: Ban đầu ngài tạm dùng ba thừa giáo để độ chư đệ tử, về sau Ngài giảng giáo lý đầy đủ, thấu ba thừa trở về một thừa, gọi là Nhất Phật Thừa. Nội dung thập như thị được dẫn từ Kinh Pháp Hoa, Phẩm Phương tiện, nguyên chữ Hán:

「唯佛 与佛, 乃能究尽诸 法实相。所谓诸法 如是相、如是性、如是体、如是力、如是作、 如是因、如是缘、如是果、如是报、如是本末 究竟等。 nghĩa là: "Chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tột tướng chân thật của các pháp, nghĩa là các pháp: Tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, trước sau rốt ráo như vậy." (2). Thực chất các pháp được tồn tại y như bản nguyên của nó với mười đặc tính, hay nói rõ hơn đó mười phương diện phản ánh sự thật của các pháp. Bài viết trình bày giáo lý thập như thị mục đích tìm hiểu phương pháp quán tâm, vì tâm là chủ thể của muôn pháp, tỏ ngộ Tâm là tỏ ngộ chân lý, đó là mục đích Đức Phật và giáo lý của Phật xuất hiện tại thế gian.

2- Giải thích ý nghĩa thập như thị

Người viết xin dẫn các thuật ngữ nguyên chữ Hán và âm Hán Việt để giải thích nội dung cần thiết. Thập như thị (十如是), Thập là mười, Pháp hoa Huyền nghĩa định nghĩa Như Thị rằng: 「不异名 如。无非是。」(3). Có nghĩa: Như có nghĩa là chẳng khác, chẳng sai biệt; thị là chẳng sai trái, đúng sự thật; Đó là mười đặc tánh chung cho tất cả pháp giới bao gồm thể giới chúng sanh cho đến thể giới của Phật và Bồ tát. Cái chung ấy bao gồm trong nội dung giáo lý Thập pháp giới (十法界). Thập là mười, pháp giới được hiểu thông thường là thể giới, nhưng thể giới chỉ mang ý nghĩa hạn lượng, pháp giới chỉ cho toàn bộ cảnh giới chúng sanh, chúng sanh không

hạn lượng, thì pháp giới không hạn lượng, cõi Phật cũng không hạn lượng. Thập như thị là nguyên lý tồn tại của tất cả Pháp, đó là: Như thị tướng, Như thị tính, Như thị thể, Như thị lực, Như thị tác, Như thị nhân, Như thị duyên, Như thị quả, Như thị báo, Như thị bổn mạng cứu cánh. Mười đặc tính này sẽ giải thích cụ thể sau đây.

1- 如是相: Như thị tướng (tướng như vậy). Tướng là tướng mạo hiện ra bên ngoài có thể nhận thức, phân biệt rõ ràng, bắt đầu từ cảnh giới địa ngục cho đến cảnh giới của Phật trong mười Pháp giới (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A tu la, Người, Trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật) (4); Tất cả mười giới đó đều có tương trạng khác nhau, nó cũng là đặc trưng hết thảy pháp. Nói dễ hiểu là gồm những gì xuất hiện nhận thức được tướng mạo, ví dụ tướng người này khác tướng người kia, tướng nam, tướng nữ, tướng vui, tướng buồn và cho đến tướng Phật và tướng chúng sanh.

2- 如是性: Như thị tánh (tánh như vậy)- Tánh tức là tính chất, tính thuộc bên trong, có sai biệt và định tính. Từ cảnh giới địa ngục đến cảnh giới Phật trong mười pháp giới, mỗi giới có tánh không giống nhau. Mọi hiện tượng hiện ra rõ ràng trước mắt, nhưng mỗi tướng có tính riêng của nó, như tính gió thì lay động, tính của lửa thì nóng. Tính người ác, tính người thiện, tất cả đều có nguyên nhân huân tập thành định tính tạm thời. Nay nói tạm thời vì ý nghĩa tính đó tùy duyên biến hóa, ví dụ như khi ta nấu một nồi canh, dùng tướng rau cải, tướng bột nêm, tướng đậu hủ góp lại thành nồi canh như ý. Nồi canh rau thì có tính chất nồi canh rau, muốn nấu nồi canh chua thì thêm me hay lá chua vào thì có tính nồi canh chua. Người cũng có tính thiện và tính ác, nếu người ác biết tu tâm, làm điều lợi mình lợi người thì trở thành người có tính thiện. Khi một tướng đã hiện hữu thì có tính của nó.

3- 如是体: Như thị thể (thể như vậy)- Thể tức là thể chất. Từ cảnh giới địa ngục cho đến cảnh giới Phật đều lấy sắc thân làm thể chất. Người và vật đều có cái thể của nó, vũ trụ là đại thể, con người là tiểu thể. Tây phương cực lạc là một thể. Cá nhân, gia đình, xã hội cũng gọi là cái thể. Trong một thể thì cũng có tính và tướng của nó, ví dụ một gia đình tướng của nó gồm trong cha mẹ, con cái và ông bà, có một thể riêng nó khác tướng một quốc gia, vì quốc gia thể của nó gồm mọi người cả nước hợp lại.

4- 如是力: Như thị lực (lực như vậy) - Lực tức là lực dụng. Từ cảnh giới địa ngục đến cảnh giới Phật trong mười pháp giới, mỗi giới đều có công năng lực dụng riêng biệt. Người và vật đều có năng lực vận động, như con trâu có lực dụng kéo cày, máy bay có lực để bay. Chư Phật có đầy đủ năng lực từ bi và trí tuệ cứu khổ ban vui, chúng sanh vô minh chấp ngã cũng tạo thành lực cảm quả khổ đau.

5- 如是作: Như thị tác (tác như vậy) - Tác tức là tạo tác. Từ cảnh giới địa ngục đến cảnh giới Phật trong mười pháp giới, mỗi giới đều có khả năng vận động và tạo tác. Con người muốn tu thành Phật thì việc tu gọi là tác, anh học trò muốn trở thành thầy giáo hay bất cứ ngành nghề nào thì phải theo học đúng hướng gọi là tác. Mọi hành vi cử chỉ con người đều là tác, như tác việc thiện, tác việc ác sai khác.



6- 如是因: Như thị nhân (nhân như vậy), Nhân tức là nguyên nhân được tích tập. Từ cảnh giới địa ngục đến cảnh giới Phật trong mười pháp giới, mỗi giới đều có nguyên nhân mà thành, nhân ấy tích lũy không gián đoạn. Người đời thường hiểu rằng gieo nhân lành thì gặp quả lành, gieo nhân ác thì thành quả dữ. Mọi vật trong đời xuất hiện đều có nguyên nhân của nó.

7- 如是缘: Như thị duyên (duyên như vậy) - Duyên là điều kiện, còn gọi là trợ duyên. Từ cảnh giới địa ngục đến cảnh giới Phật trong mười pháp giới đều có từ pháp duyên khởi kết hợp với các nhân đã có trước. Ví dụ trồng cây nho sẽ được quả nho là nhờ sức trợ duyên tưới nước, bón phân. Có người trồng cây nho mà không được quả nho, vì thiếu trợ duyên tưới nước, bón phân nên cây nho không ra trái. Mọi hiện tượng xuất hiện đều nhờ Nhân-Duyên-Quả theo qui luật tồn tại của nó.

8- 如是果: Như thị quả (quả như vậy)- Quả tức là kết quả. Từ cảnh giới địa ngục đến cảnh giới Phật trong mười pháp giới, trong mỗi giới đều có tích tập nhân sau đó mới sanh ra quả. Khi có kết quả xuất hiện biết đó là kết quả của cái gì, hoặc từ đâu mà có. Anh học trò thi đạt điểm tốt, đó là thành quả anh đã tác nhân là chăm học. Quán sát kết quả thì sẽ biết được nguyên nhân, Phật dạy nhân quả theo nhau như bóng theo hình.

9- 如是报: Như thị báo quả (báo như vậy) - Báo tức là quả báo. Từ cảnh giới địa ngục đến cảnh giới Phật trong mười pháp giới, mỗi giới đều do tích tập nhân, duyên, quả sau đó cảm lấy quả báo. Nghiệp báo của chúng sanh sai khác, cho nên có cảnh khổ lạc sai khác. Đức Phật do tu hành và nguyện độ chúng sanh mà có báo thân là thân Phật và báo độ là cõi Phật trang nghiêm. Con người hay chúng sanh nói chung có cái nghiệp báo chung và nghiệp báo riêng do hành động tạo tác có sai khác. Chúng sanh tạo nghiệp đó là chánh báo, hoàn cảnh môi trường chúng sanh đang sống là y báo. Y báo luôn luôn đi theo chánh báo. Y báo như là chiếc áo của chúng ta đang mặc, nếu người sạch sẽ thường giặt áo quần thì có áo quần sạch sẽ để mặc. Cũng vậy, nếu mọi người cùng làm điều thiện, tôn trọng sự sống của nhau thì quốc gia và thế giới không còn quả báo chiến tranh xung đột.

10- 名如是本末究竟: Như thị bốn mặt cứu cánh (trước sau rốt ráo như vậy). Từ cái Như thị tướng đầu tiên gọi là bốn (trước) cho đến như thị báo gọi là mặt (sau), trước sau đồng nhất thật tướng, bình đẳng không hai. Một pháp nào xuất hiện cũng diễn biến từ chín đặc tính vận hành và tồn tại đó là sự thực.

Tóm lại mà nói, giáo lý Thập như thị như một công thức chuẩn mực giải trình mọi hiện tượng hiện hữu. Đây là chìa khóa giúp cho con người nhận thức về nhân sinh và vũ trụ.

3- Quán pháp giới qua giáo lý Thập như thị

Theo thế giới quan Phật giáo thì vũ trụ vạn vật hình thành theo nguyên lý của Pháp. Từ Pháp trong Pháp giới vô cùng quan trọng. Pháp là pháp tắc, là nguyên lý. Pháp phải hiểu là y nơi Pháp mà pháp giới thành lập, hoàn toàn là khách quan. Theo lý luận của Thiên Thai tông, trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa Kinh thì thập như thị là đặc tính chung toàn

Thập pháp giới (5). Trong thập pháp giới, mỗi đều tồn tại trong nguyên tắc nhân quả của Thập Như Thị. Muốn sự vật thể gian dù nhỏ như cây kim, cọng cỏ, dù to lớn như sơn hà địa đại đều tồn tại có nguyên lý Nhân quả mà hình thành, dòng nhân quả theo ba thời gian, quá khứ, hiện tại và tương lai. Sự chuyển biến mọi hiện tượng giống như lúc ẩn, lúc hiện qua trí giác con người nên thấy rất phức tạp khó thông suốt. Kỳ thực vạn vật xuất hiện đều có nguyên tắc cả. Con người và sự vật trong các cảnh giới cũng không ngoài nguyên tắc đó. Như Pháp đó quy định tính tướng con người, ví dụ sáu căn đều hình thành bình đẳng, nhưng mắt để nhìn, tai để nghe, mũi để thở.

Tướng Phật trang nghiêm đầy đủ phúc đức và trí tuệ, khác với tướng chúng sanh, cho đến cõi Phật thanh tịnh khác cõi đời.

Có ba phương diện quán sát mười cảnh giới để thấy rõ sự thật của nó, đó là tất cả đều Không, tất cả đều Giả, tất cả đều Trung. Ba pháp quán Không, Giả và Trung định nghĩa như sau: 「空假中者。离性离相谓 之空。无法不具谓 之假。非空非假谓 之中也。」 (6) Không giả trung giả, ly tính ly tướng vị chi không, vô pháp bất cụ vị chi dã, phi không phi giả vị chi trung dã). Nghĩa là: Xa rời tính tướng gọi là không, đầy đủ tất cả pháp gọi là giả, chẳng phải không, chẳng phải giả gọi là Trung đạo. Vấn đề đặt ra tại sao Thiên thai tông đưa ba nguyên lý: Không-Giả- Trung để quán sát mười cảnh giới. Từ cảnh giới địa ngục cho đến cảnh giới Phật. Không, Giả, Trung cũng là đặc tính chung mọi pháp, đây là cơ sở lý luận chân thật hướng về trung đạo chánh quán theo tinh thần của đại thừa Phật Giáo. Chúng ta đọc kinh Bát Nhã thấy có phương thức kiến giải: Chân Không- Diệu Hữu. Các pháp vốn không tự tính nên nói là chân không; từ không tự tính đó duyên khởi ra các tướng trạng nên gọi là Diệu Hữu. Chân không và diệu hữu đều là phản ảnh thực tại trung thực của vạn pháp, bao gồm chúng sanh và các thế giới. Cho nên thực tại không phải dùng tri thức phân biệt nắm bắt được, phải dùng trí tuệ, trí tuệ từ trung đạo chánh quán, còn gọi là Bát Nhã Trí.

4- Pháp giới do tâm tạo

Đây là bài kệ quan trọng trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh:

"Nhược nhân dục liễu tri

Tam thế nhứt thiết Phật

Ứng quán Pháp Giới Tánh

Nhứt thiết duy tâm tạo" (7)

Nghĩa là: "Nếu người muốn thấu rõ, ba đời tất cả Đức Phật, quán tính chất pháp giới, tất cả đều do tâm tạo." Mở đầu bài kệ như đặt một giả thiết về vấn đề quan trọng Pháp giới với hai xu hướng của tâm. Đó là thành Phật giải thoát cũng do tâm và thiên đường hay địa ngục cũng do tâm. Cho nên chư Phật hay các bậc thánh giả ra đời chỉ vì khiến chúng sanh nhận thức đầy đủ về tâm này mà thôi. Kinh luận thường nói: Mê là chúng sanh, ngộ là Phật. Bài kệ nhắc rằng: Chư Phật ba đời quán tính chất pháp giới do tâm tạo. Chúng sanh nhận thức sai lầm về Pháp Giới từ đó chịu sanh tử trong luân hồi lục đạo. Muốn dứt trừ vô minh thì phải quán như thật về đặc tính Thập Pháp Giới.

Khắp mười pháp giới đều là tâm tạo. Quán tâm là quán Pháp giới, quán pháp giới là quán tâm. Theo thiên thai tông chủ trương quán tâm: Nhứt Niệm Tam

Thiên (一念三千). Nghĩa là một tâm niệm chúng ta có đầy đủ ba ngàn thế gian pháp. Một niệm có đủ tất cả pháp trong mười cảnh giới; Trong mười cảnh giới này, mỗi cảnh giới thấu nhiếp các cảnh giới khác, do vậy thành một trăm thế gian pháp. Mỗi cảnh giới đều bao hàm Thập như thị. (8) Thành một ngàn thế gian Pháp. Một ngàn pháp thấu nhiếp với ba thời gian: Quá Khứ, hiện tại và vị lai; tổng cộng thành ba ngàn thế gian Pháp. Một tâm niệm duyên trong ba ngàn thế gian Pháp, gọi là nhất niệm tam thiên, ba ngàn pháp ấy là gọi chung tất cả các pháp trong khắp mười pháp giới. Đây qua thực là một bài tính tuyệt vời, chỉ trong một tâm niệm quán thấu tất cả pháp. Cơ sở lý luận của thiên thai Tông, con đường thực tiến là giáo Lý Nhứt tâm Tam Quán. Theo Thiên Thai Quán Kinh Sở định nghĩa rằng: 「論云: 三智實在一心中, 得祇一觀而三觀, 觀於一諦而三諦, 故名一心三觀。類如一心而有生住滅, 如此三相, 在一心中。此觀成時, 證一心三智。」

(9). Nghĩa là: "luận giải: Tam trí tại trong nhất tâm, thấu thông một pháp quán mà thành Tam pháp quán. Quán một để mà thành tam để, nên gọi là nhứt tâm tam quán. Như trong một tâm niệm có ba tướng: sanh, trụ, diệt. Tam tướng đó trong một tâm, quán thành tựu chứng đắc Tam Trí." Tam để là Không, Giả và Trung; Đó là nền tảng tất cả pháp bao gồm trong mười pháp giới. Không là tính vắng lặng tịch diệt của vạn pháp, giả là kiến lập tất cả pháp. Trung là thấu nhiếp tất cả pháp. Tam trí là ngôn từ trong Đại Trí độ Luận, đó là:

- Nhứt thiết trí (一切智): Nhứt thiết trí tức là liễu tri tướng trạng các pháp, tướng đó là không, đây gọi là trí tuệ của hàng thanh văn và duyên giác.

- Đạo chủng trí (道种智): Gọi là đạo tướng trí, trí thấy biết biệt tướng của tất cả pháp, biệt tướng tức là các món sai biệt của đạo pháp. Trí này gọi là Bồ Tát Trí.

- Nhứt thiết chủng trí (一切种智): Gọi là nhứt thiết tướng trí, trí biết hết tổng tướng và biệt tướng các pháp, tức Phật trí.

Theo thiên thai Tông, do tu tam quán Không, Giả, Trung mà đắc tam trí. Nhứt thiết trí do không quán mà chứng đạt, đạo chủng trí do giả quán mà chứng đạt, Nhứt thiết chủng trí do trung đạo quán mà chứng đạt. Chúng ta muốn giác ngộ như Phật phải quán tâm này, quán Pháp giới do tâm tạo, phải thực nghiệm đúng như chư Phật. Tổ Đạt Ma có dạy:

「若欲求佛但求心, 只這心心是佛。」

(10). Nghĩa là "Nếu muốn cầu Phật thì phải cầu Tâm, chỉ có Tâm Tâm Tâm này là Phật." Đây là yếu chỉ tu hành cũng là tâm yếu của Phật tổ. Nếu muốn cầu làm Phật mà không rõ Tâm thì cũng vô ích. "Chỉ có Tâm Tâm Tâm này là Phật." ba chữ Tâm này có nghĩa là tâm quá khứ, tâm hiện tại và tâm vị lai. Theo tinh thần Kinh Kim Cang ba tâm đều Bất Khả Đắc, thật khó tìm! Tâm không thể nắm bắt, vì tâm vô tướng mạo, Tâm vô tướng làm sao đem tướng ra mà nắm bắt. Tâm vô tướng, tâm vô trụ

mới thật là chân tâm, Ngộ được tâm ấy là Phật tâm.

5- Lời kết:

Kinh Pháp Hoa Phật có dạy: "Vì pháp đó đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo chư Phật nghe pháp rồi rảo đều được chứng "nhứt-thiết chủng-trí." (11)

Trí tuệ của Phật là từ tâm chánh định mà lưu xuất, trí tuệ nhìn sự vật thể giới và con người đúng như bản nguyên của nó. Con đường tu tập từ kinh nghiệm từ sự giác ngộ của chư Phật, chúng ta muốn giác ngộ như Phật thì phải học tri kiến của Phật, tu theo hạnh của Phật, chứng đạt trí của Phật-Nhứt thiết chủng trí. Từ giáo lý Thập Như Thị và Thập Pháp Giới này giúp ta hiểu được vạn Pháp duyên sanh vô ngã tướng. Nguyên lý tồn tại của hết thầy Pháp trong mười Pháp giới theo nguyên tắc Thập như thị. Giáo lý ấy chỉ cho đời biết rằng không có một đẳng quyền năng sáng tạo ra con người và thế giới cả. Khổ đau hay hạnh phúc đều do Tâm tạo. Giáo lý này đập tắt mọi hí luận không đem đến lợi ích sự tu tập, giải quyết vấn đề giải thoát khổ đau thông qua tuệ giác thông qua việc tu học.

Đạo Phật là phương pháp sống cho mọi người, nhận thức lời Phật dạy qua kinh điển là việc thiết thực. Đức Phật, một đời thuyết Pháp đầu muốn chúng ta cứ cầu nệ hình thức vô giáo lý của Ngài. Giáo lý đạo Phật giúp con người một hướng đi mới mẽ, một hướng đi ngược dòng sống chết do vô minh và tham dục nự trị. Giáo lý đạo Phật phủ nhận mọi quan niệm giáo thuyết cực đoan xuất phát từ tư duy hữu ngã. Đức Phật và giáo lý của ngài chưa bao giờ khuyên dụ một ai nhắm mắt vâng theo một cách mù quáng, chưa bao giờ cầu mong mọi người an thân với số phận hẩm hiu và đau khổ vốn có trên đời. Như lời khuyên bào có trí tuệ, giáo lý ấy đánh thức năng lực sống và vươn tới cái hạnh phúc chân thật, đó là cái nhìn cuộc đời đúng như bản chất của nó, nhìn mọi hiện tượng nhân sinh đúng như vận hành của vạn pháp đang diễn ra trước mắt mọi người. Do vậy, Pháp của Phật hướng về lộ trình quán tâm, chứng ngộ Phật tâm và thành tựu Phật quả.

SÁCH THAM KHẢO

1. Đoàn Trung Còn, Phật học tự điển
2. HT Thích Trí Tịnh dịch, Kinh Pháp Hoa, Phẩm Phương Tiện.
3. Trí Khải đại sư, Pháp Hoa Huyền Nghĩa
4. Đoàn Trung Còn, Phật học từ điển
5. Thập pháp giới, tức là mười cảnh giới: Cảnh giới địa ngục, cảnh giới ngạ quỷ, cảnh giới súc sanh, cảnh giới A tu la, cảnh giới người, cảnh giới trời, cảnh giới Thanh văn, cảnh giới Duyên giác, cảnh giới Bồ Tát và cảnh giới của Phật.
6. Long Thọ Bồ tát, Bồ đề tâm li tướng Luận, q1
7. Long Thọ Bồ tát, Bồ đề tâm li tướng Luận, q1
8. Thập như thị: Mười đặc tính chân thật: tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, trước sau rốt ráo như vậy;
9. Hán Ngữ, Phật học đại từ điển
10. Lâm Ngạc Đường Thượng Sư, "Phá Tướng Luận"
11. HT Thích Trí Tịnh dịch-Kinh Pháp Hoa- Phẩm Phương Tiện



NĂM MỚI, CHUYỂN ĐỔI NGHIỆP VẬN

Huỳnh Kim Quang

Đón năm mới, ai cũng mong muốn mọi việc đều mới. Mới ở đây mang ý nghĩa may mắn, bình an, khá giả hơn những gì đã xảy ra trong năm cũ.

Đặc biệt, truyền thống văn hóa và phong tục Việt Nam rất xem trọng trong việc tiễn năm cũ và đón năm mới cho nên, có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trong những ngày cuối năm và sự đón rước trọng thể trong những ngày đầu năm. Sự chuẩn bị được thực hiện đều khắp từ hình thức đến nội dung, từ vật chất đến tinh thần, từ ý tưởng đến lời nói và hành động; nào là dọn dẹp, sơn phết, lau chùi nhà cửa, bàn ghế, đồ đạc, đến mua sắm quần áo, thực phẩm, bánh trái, hoa quả; nào là sửa soạn những món ăn ngon, đẹp mắt, thiết lễ trang nghiêm bàn thờ, tâm thành cẩn cẩn cúng bái, đến cấm kỵ từng ý nghĩ, lời nói và cách đối xử với mọi người thân cũng như sơ.

Chính vì vậy, đối với hầu hết mọi người, từ giờ phút giao thừa đến các ngày đầu năm mới đều là thời gian quý giá nhất trong một năm để biến ước nguyện thành hiện thực. Việc đi chùa lễ Phật cầu nguyện, hái lộc, xin xăm, xem bói toán, bốc thí, cúng dường, thiết lễ cúng quai long trọng tại nhà, nơi làm việc, v.v... đều không ngoài mục đích nêu trên. Đôi khi vì quá mong muốn được như ước nguyện, người ta đã vô tình có những hành động thái quá, chẳng hạn, bẻ trụi các cành hoa, thậm chí cây xanh trong chùa để lấy lộc mang về nhà trong giờ giao thừa hay mấy ngày đầu năm.

Cách suy nghĩ và hành động như vậy mang lại những hiệu quả gì?

Nhìn chung, trên bình diện thể tục, cách suy nghĩ và hành động để đón năm mới theo truyền thống văn hóa và phong tục Việt Nam như đã đề cập ở trên, trừ một vài việc như xin xăm, bói

toán, không phải là không có ích lợi. Xin nêu ra một vài lợi ích cụ thể như sau.

Thứ nhất, về mặt tâm lý, khi suy nghĩ muốn có một năm mới tốt đẹp hơn tức là từ nơi tâm thức đã hướng về một đời sống tốt đẹp hơn. Cụ thể là khởi đi từ suy nghĩ đó người ta bắt đầu thay đổi tư duy, lời nói và hành động tốt hơn mà biểu hiện là không nói điều xấu, điều xui xẻo, và làm điều tốt đẹp như mặc áo quần mới, tu sửa nhà cửa mới, nấu nướng thức ăn ngon, cử hành lễ nghi trang trọng, v.v... trong mấy ngày Tết.

Thứ hai, về mặt kinh tế, từ suy nghĩ thay đổi đời sống khá hơn trong năm mới, người ta chịu khó chịu cực nỗ lực làm việc để kiếm tiền và không ngần ngại mở túi tiền để chi tiêu như mua sắm quần áo, đồ đạc, sơn sửa nhà cửa, sửa soạn bánh trái, thức ăn thịnh soạn nhất. Nhờ vậy, nền kinh tế bản thân, gia đình và xã hội cũng được khá giả hơn.

Thứ ba, về mặt nếp sống đạo đức và tâm linh, từ suy nghĩ muốn có một năm mới an lạc, hạnh phúc, giàu sang hơn, người ta liền nghĩ đến đức Phật, nghĩ đến Tam Bảo, nghĩ đến nhân quả tội phước, rồi đi chùa, làm việc thiện, thực hiện lễ nghi tại nhà với niềm tin và tâm thành khẩn thiết. Đó là một khởi đầu khả quan cho đời sống đạo đức và tâm linh của con người.

Thứ tư, đặc biệt, trong đời sống tất bật quanh năm suốt tháng với công việc làm ăn của người Việt tại hải ngoại, không còn gì quý giá và cao đẹp bằng không khí sum họp ấm cúng với hoa quả bánh trái và thức ăn truyền thống dân tộc trong gia đình, trong cộng đồng, trong chùa chiền của mấy ngày Tết. Nơi đó, trong khung cảnh đó, trong hương vị đó, trong tình cảm đó,

người ta mới cảm nhận một cách sâu sắc và đích thực giá trị văn hóa truyền thống của người Việt Nam.

Qua những điều lợi ích kể trên, nếp sống văn hóa và phong tục truyền thống trong những ngày Tết của dân tộc cần được tiếp tục duy trì và lưu truyền cho các thế hệ con cháu, nhất là trong bối cảnh sống tha hương của người Việt tại hải ngoại.

Tuy nhiên, tất cả những lợi ích đó chỉ nằm trên bề mặt của sinh hoạt cá nhân, gia đình và xã hội mà chưa thật sự chuyển hóa từ nền tảng gốc rễ sâu xa để mang lại ý nghĩa đổi mới đích thực như con người mong muốn, tức là thay đổi tận gốc vận mệnh để đời sống tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn, thăng tiến hơn.

Tại sao? Có thể giải thích bằng mấy lý do như sau.

Một là, người ta chỉ ước muốn có được điều tốt đẹp cho đời sống mà không thực sự có hành động cụ thể, vì chỉ làm theo tập quán, theo truyền thống gia đình ông bà cha mẹ, hoặc không nghĩ đến hay chưa biết cách làm thế nào cho đúng, để thay đổi vận mệnh của mình hữu hiệu. Chẳng hạn, người ta chỉ suy nghĩ và mong có được điều may mắn trong năm mới, nhưng đó chỉ là ước ao nhất thời trong dịp đầu năm rồi sau đó những suy nghĩ này bị lãng quên, bị cuốn trôi trong dòng thác bận rộn của cuộc sống thường ngày, và đầu cũng vào đó.

Hai là, một số người có nỗ lực hành động để mong thay đổi vận mệnh, nhưng không hành động đúng cách. Chẳng hạn, những việc làm tuy có vẻ như là cụ thể như trang hoàng nhà cửa, cúng quai, giữ lễ nghi từ lời nói đến hành động cẩn trọng, hái lộc, xin xăm, bốc toán trong mấy ngày đầu năm, nhưng vẫn chưa phải là cách đúng pháp, theo đạo Phật, để thay đổi vận mệnh của cuộc đời. Khi làm những điều trên, người ta chỉ nghĩ đến sự cầu cạnh ở một thế lực bên ngoài để mong giúp họ thay đổi vận mệnh, mà không biết rằng chính họ là tác nhân duy nhất có thể thay đổi được vận mệnh của mình. Đây chính là bước đầu căn bản và nền tảng để con người tự ý thức và đứng lên gánh lấy trách nhiệm đời mình. Không có bước khởi đầu này, mọi suy nghĩ và hành động đều là thụ động, đều bị trói buộc bởi chính tập khí nghiệp lực lâu đời của mình, mà đó chính là điều con người gọi nôm na là vận mệnh. Như vậy làm sao chúng ta có thể thoát khỏi vòng xích của vận mệnh, chứ đừng nói đến chuyện thay đổi?

Nhưng, vận mệnh là gì và con người có thể thay đổi được không?

Vận mệnh hay số mệnh là quan điểm của Nho Giáo. Số mệnh của Nho gia là thiên mệnh (mệnh trời) đã được đặt sẵn cho con người nên còn gọi là định mệnh. Nhưng cần lưu ý rằng, quan niệm của Nho Gia về thiên mệnh khác với các quan điểm của các tôn giáo thần quyền. Thiên mệnh của Nho Gia là thiên đạo, tức là đạo trời, là luật tắc tự nhiên, không phải là thượng đế được thần cách hóa. Theo quan điểm số mệnh, khi mệnh trời đã định thì con người không thể tránh, không thể bỏ, không thể đổi, nghĩa là mệnh trời vượt ra ngoài khả năng điều động của con người. Có điều, đừng quên rằng, Dịch lý của Trung Quốc cũng cho biết là

“đức năng thắng số,” có nghĩa là sự ăn ở hiền đức, nhân từ, phúc hậu có thể vượt thắng hay chuyển đổi được số mệnh của con người.

Đối với nhà Phật, tất cả các pháp đều vô thường, biến hoại không ngừng, đều không thật, hay nói cách khác là không có tự tánh cố định. Hơn nữa, đạo Phật cho rằng con người có thể thay đổi tất cả đời sống của mình từ chánh báo, tức thân và tâm, đến y báo, tức hoàn cảnh sống và thế giới chung quanh.

Đức Phật dạy rằng, “Chúng sinh là kẻ thừa tự những gì mà họ đã làm.” Điều này có nghĩa là những gì mà một chúng sinh có từ bản thân đến hoàn cảnh sống chung quanh đều do chính con người tạo ra qua hành nghiệp tạo tác của họ trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Theo Luận Câu Xá, hành nghiệp gồm có 2 phần: tư và tư dĩ nghiệp. Tư nghiệp là nghiệp do ý. Tư dĩ nghiệp là ý tưởng đã được phát động qua thân và khẩu. Trong 3 nghiệp này thì tư nghiệp là động lực tiên khởi, hay là nguồn gốc phát sinh mọi hành động của thân và khẩu, bởi vì, mọi động thái của thân và miệng đều bắt nguồn từ ý tưởng, suy nghĩ, ý muốn. Trước khi nói điều gì hay làm điều gì đó, con người phải có ý nghĩ về điều đó, và có ý muốn nói hay làm điều đó. Từ ý nghĩ và ý muốn đó mới bộc phát qua lời nói tức khẩu nghiệp và qua hành động chân tay tức thân nghiệp.

Nhưng, thực sự bản chất, tướng trạng và công dụng của nghiệp là gì?

Nếu nghiệp có thể tồn tại trải qua một khoảng thời gian, có khi lâu đến nhiều đời nhiều kiếp, vậy thì nó là pháp vô thường hay thường hằng? Nếu vô thường thì làm sao kéo dài sự tồn tại qua một khoảng thời gian hàng nhiều đời nhiều kiếp? Nếu thường hằng thì trái với điều Phật dạy là tất cả các pháp hữu vi đều vô thường biến diệt? Hơn nữa, nếu nghiệp là thường hằng thì, một là, nó không chịu sự tác động của các duyên để sinh, trụ và diệt; hai là, nó không thể nào có thể được chuyển hóa, tức là con người không thể chuyển nghiệp, không thể chuyển nghiệp thì tu làm gì?

Để giải quyết nan đề này cả trường phái Câu Xá của Hữu Bộ và Duy Thức của Đại Thừa đều đưa ra những giải thích cặn kẽ và minh bạch.

Trường phái Câu Xá cho rằng nghiệp được hình thành và biểu hiện qua 2 dạng thức: biểu nghiệp và vô biểu nghiệp. Biểu nghiệp là động thái dựa trên biểu sắc có thể nhìn thấy như miệng và tay chân. Vô biểu nghiệp là động thái dựa trên vô biểu sắc tức chức năng của sự vận động qua ý tưởng, qua động thái của thân và khẩu. Nói cho rõ hơn, Câu Xá diễn tả rằng, khi một hành động của thân, khẩu được tạo ra chúng sẽ không bị biến mất hoàn toàn mà tồn tại ở dạng thức năng lực vận động. Năng lực này, không phải là sắc pháp, mà cũng không phải là phi sắc pháp, sẽ tiếp tục tồn tại qua dạng thức sinh diệt liên tục không ngừng nghỉ trong từng sát na cho đến khi đủ điều kiện, đủ duyên, để có kết quả. Tất nhiên, không phải mọi hành động của thân và khẩu đều đủ sức để tạo ra sức mạnh vận động để duy trì từ lúc tác nhân đến khi thọ



quả, nhiều khi chúng bị diệt mất hoàn toàn ngay sau khi hành động bộc phát, hoặc chỉ đủ sức tồn tại để trở thành những hành vi không mang nặng sắc thái thiện hay ác rõ ràng có thể đưa đến nghiệp quả, thường được gọi là vô ký nghiệp. Nhưng, các nhà Hữu Bộ không vượt qua khỏi ý niệm về sự tồn tại của ngã hoặc pháp xét như là những thực thể hình thành ngũ uẩn. Cho nên, quan điểm về nghiệp vẫn chưa giải quyết triệt để để đạt đến hoàn bị.

Năng lực vận động của vô biểu nghiệp được các nhà Duy Thức gọi là công năng, hay chủng tử, chúng là hạt giống của tất cả mọi pháp từ căn thân đến thế giới, từ tâm đến cảnh. Chúng tồn tại dựa trên A lại da thức. A lại da thức thường được gọi là kho chứa của chủng tử, tàng thức, nhưng đó chỉ là một hình dung từ cho dễ hiểu. Đích thực A lại da thức chính là tất cả công năng thiện hoặc ác, ô nhiễm hoặc thanh tịnh, hữu lậu hoặc vô lậu, tụ lại ở dạng thức năng lực. Những chủng tử này sinh diệt liên tục trong từng sát na. Năng lực chủng tử của sát na trước làm nhân làm duyên cho năng lực chủng tử của sát na sau. Nói là chúng thường hằng thì không đúng, nhưng cho rằng chúng không tồn tại thì cũng chẳng nhằm. Nếu chúng không tồn tại thì làm sao có căn thân của hữu tình và khí thế giới chung quanh? Nếu chúng tồn tại thường hằng thì làm sao có thể hình thành căn thân và thế giới từ tác nhân đến hệ quả? Bởi vì khi một pháp xuất hiện và đứng yên bất động ngay trong một sát na thì pháp đó là pháp đã chết không phải pháp tồn tại. Theo luật tắc duyên sinh, sự tồn tại của tất cả pháp đều phải là tiến trình vận động không ngừng nghỉ. Do đó, trong vận hành của công năng hay chủng tử không hề có một chủ thể ngã nào có mặt.

Chính sự vi diệu này mà trong Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật dạy rằng chỉ có trí tuệ rất ráo của chư Phật mới có thể hiểu biết thấu đáo được bản chất của nghiệp lực.

Qua cơ cấu vận hành của nghiệp như đã trình bày ở trên, con người chịu trách nhiệm tất cả những gì mà họ lãnh thọ, khổ đau hay hạnh phúc. Vì thế, muốn thay đổi nghiệp vận, con người phải bắt đầu từ những hành động của thân, miệng và ý của chính họ.

Bắt đầu như thế nào?

Năm mới là cơ hội tốt nhất để bắt đầu, vì đây là thời điểm ai nấy đều mong muốn thay đổi nghiệp vận để có được cuộc sống tốt lành hơn.

Người Mỹ có một phong tục rất hay trong ngày đầu năm, đó là lập một hay nhiều điều cam kết để quyết tâm làm cho được việc gì đó trong năm, thường được gọi là "new year's resolution(s)."

Trong những ngày đầu năm, chúng ta có thể hạ quyết tâm thực hiện công cuộc thay đổi vận mệnh của mình bằng phương thức chuyển nghiệp qua nhiều bước từ cạn tới sâu, từ ngoài vào trong. Nói đầu năm là nói thời điểm thuận tiện nhất trong năm theo nếp sống văn hóa và phong tục của người Việt. Chứ thật ra, đối với người Phật tử thì phải khởi sự

chuyển nghiệp ngay khi hiểu được lời Phật dạy ở bất cứ thời điểm nào, và thực hiện điều đó thường xuyên trong đời sống hằng ngày.

Khởi sự, chúng ta có thể nương theo các giới luật mà Phật đã dạy để tự điều phục ba nghiệp của mình. Đối với người Phật tử tại gia, các giới luật mà mình đã thọ gồm năm giới (ngũ giới), mười điều thiện (thập thiện nghiệp), bổ tát giới tại gia. Lấy đó làm kim chỉ nam cho tất cả những hành động của thân, miệng và ý trong đời sống hàng ngày. Khi suy nghĩ, nói hay làm việc gì, người Phật tử cũng phải xét xem mình có vượt khỏi giới hạn của những giới luật này không. Năm giới gồm: không giết hại sinh vật, không lấy cắp tài sản của người, không xâm phạm đến hạnh phúc gia đình người khác, không nói dối, và không uống rượu làm loạn trí. Mười điều thiện gồm: không tham lam, không giận dữ, không si mê, không giết hại sinh vật, không trộm cắp, không xâm phạm hạnh phúc nhà người, không nói dối, không nói lời thêu dệt, không nói lưỡi hai chiều, và không nói lời hung ác.

Khi người Phật tử thực hành một phần hay toàn phần các giới luật kể trên thì hiệu quả thay đổi của đời sống thấy rõ. Trước hết, đối với tự thân người giữ gìn giới luật sẽ có được đời sống an lạc, không lo phiền hay bị dính líu đến những phiền phức về tình cảm, pháp lý, v.v... Bởi vì, chẳng hạn, người Phật tử không trộm cắp thì không sợ bị thưa kiện về ăn cắp tài sản của người, hoặc người Phật tử không xâm phạm hạnh phúc của người khác thì giữ được hạnh phúc gia đình mình, v.v... Kể đến, đối với gia đình và xã hội, người Phật tử giữ gìn giới luật đầy đủ, sống theo đạo đức Phật giáo sẽ làm gương cho con cái noi theo, sẽ được mọi người tin tưởng, quý mến. Chẳng hạn, người Phật tử không nói dối thì lời nói của mình sẽ được mọi người tin tưởng mà không nghi ngờ, và tư cách cũng được tôn trọng, v.v... Đó chính là từ sự thay đổi ý nghĩ, lời nói và hành động mà chuyển hóa được chánh báo và y báo.

Nhưng nguồn gốc của mọi hành vi tạo tác và các việc bất thiện đều xuất phát từ tâm mà ra. Cho nên, bước thêm một bước nữa, người Phật tử cần quán sát và kiểm soát tâm mình trong tất cả mọi lúc, đừng để những ý nghĩ xấu ác, có hại cho người và mình, thao túng rồi dẫn đến các hành vi bất thiện của thân và khẩu. Muốn quán sát và kiểm soát tâm có hiệu lực, người Phật tử có thể thực hành nhiều cách, nhiều pháp môn mà trong đó thiền định là phương thức hữu hiệu nhất. Thực hành thiền định gồm 2 cách: một là, tọa thiền theo thời khóa mỗi ngày để lắng đọng loạn tâm và gạn lọc tạp niệm; hai là, bằng trí tuệ quán chiếu vận hành của tâm ở tất cả mọi thời, chứ không phải chỉ trong thời khóa nhất định, để vừa điều phục vọng tâm, mà cũng vừa liễu ngộ bản chất của tâm, hay nói theo nhà thiền là kiến tánh.

Tâm là dòng chảy liên tục của những ý niệm thiện, ác, và không thiện không ác. Dòng chảy của tâm nương trên năng lực tập khí được huân tập nhiều đời nhiều kiếp trở thành hoạt động tự nhiên trong đời sống. Giống như dòng chảy của thác nước, nhìn bên ngoài có vẻ như là liên tục không gián đoạn, nhưng thực ra đó là sự kết

hợp tương sinh, tương diệt của từng khối nước, từng giọt nước, từng vi thể nước. Cũng vậy, dòng chảy của tâm thức là sự kết hợp tương sinh, tương diệt của vô lượng vô biên ý niệm không ngừng nghỉ. Vì vậy, trong tận cùng bản chất của dòng chảy tâm thức, không hề và cũng không thể có bất cứ chủ thể ngã nào tồn tại. Chúng vốn rỗng trống.

Từ cuộc sống bao lâu nay, con người chạy theo sự rong ruổi của sáu căn với sáu trần để khởi động sáu thức không ngừng nghỉ, bây giờ có thể dừng lại để xoay cái nhìn vào nội tâm trống rỗng, là một thay đổi tận gốc rễ và lớn lao đối với đời sống. Qua đó, con người có thể tự mình thay đổi cách nhìn đối với cuộc sống, đối với thế giới chung quanh. Ngày xưa với cuộc sống chạy theo vọng tâm điên đảo, con người nhìn cuộc đời như kẻ cưỡi ngựa xem hoa, chẳng thấy được điều gì rõ ràng, chẳng nhìn được vật gì tinh tường. Giờ đây, bằng năng lực nội quán, con người sẽ quán chiếu sự vật và thế giới một cách tinh táo, trầm tĩnh, minh mẫn, và an lạc hơn. Cũng là cảnh hoa nơi sau vườn nhà, mà ngày nào chúng ta chỉ thoáng thấy bóng dáng mập mờ, nhưng bây giờ nó lại hiện ra rõ ràng như cảnh vật chiếu thẳng vào tấm gương sáng để lộ nguyên chân tướng diêm lệ tuyệt vời! Cũng là câu nói đó mà ngày xưa chúng ta nghe như dao cắt, như chanh chua, vậy mà bằng sự an trú trong sức nội quán tự tâm, hôm nay chúng ta nghe nó một cách bình thản, tự tại như gió thổi qua đồng trống.

Với tâm bình lặng chúng ta sẽ không bị tham lam và sân si trói buộc. Do đó, chúng ta sẽ không nghĩ đến chuyện chiếm lấy tài vật của người, hay nuôi

lòng thù hận ai. Ngay cả một lời hung ác, người Phật tử còn không thể thốt ra vì sợ làm ô nhiễm tâm mình và thương tổn người khác. Người Phật tử đem hành nghiệp trong sáng để hành xử trong công việc làm ăn sinh sống, trong lối cư xử với mọi người chung quanh, trong chức phận mà mình đang gánh vác ở xã hội. Bằng hành nghiệp trong sáng, người Phật tử đem hết khả năng để thực hiện lý tưởng xây dựng xã hội, đất nước, và cuộc đời. Qua cách sống như vậy, người Phật tử sẽ giảm thiểu lần hồi những hành tác bất thiện của thân, khẩu và ý để được đáp lại bằng cuộc sống yên ổn, an lạc và hạnh phúc hơn. Đó là lối sống mà ông bà tổ tiên người Việt chúng ta hay nói là "phúc đức." Có phúc đức thì chắc chắn sẽ thắng được số mệnh. Thật ra chính nhờ chuyển hóa nghiệp lực của thân, miệng và ý mới đưa tới lối sống "phúc đức" như vậy. Và người có phúc đức ắt sẽ được giàu sang phú quý từ tinh thần tới vật chất.

Một người làm được, cả nhà làm được, cả làng làm được, cả nước làm được. Như vậy mới chúng tỏ lời Phật dạy hữu ích như thế nào. Và như thế sẽ không còn ai nghĩ tới chuyện bỏ đạo Phật truyền thống để chạy theo các tôn giáo khác tìm lợi lạc nhất thời. Muốn giữ đạo, năm mới, mỗi người Phật tử hãy phát nguyện phải làm được như vậy.

Năm mới, xin chúc mọi người tinh tấn thực hành lời Phật dạy rửa sạch thân tâm để chuyển đổi nghiệp vận. Làm được như vậy thì ngày nào cũng là ngày an lạc và hạnh phúc.

Em nhỏ, mùa xuân

*như búp non còn căng nhựa nguyên
em - con suối nhỏ chảy bên triền
em khởi bước đi từ lòng mẹ
nên đầu chân chưa gợn ưu phiền*

*buổi sáng chim đùa trên mái hiên
em - con sẻ bé rất ngoan hiền
em cất cánh bay từ tay bố
nên mắt trong, ngời sáng niềm tin*

*như suối, như chim, như chính em
hãy hát, hãy reo, bằng buồng tim
đùa trong nắng mới, vui trong gió
em nhỏ, mùa xuân đến tự em!*

Lục bát mưa

*mưa xanh cành nhánh xuân thì
mưa tưới tắn búp tường vi sân người
mưa mang hơi thở đất trời
cho bờ ngói đỏ nhón cười no nê
mưa như tiền kiếp đợi về
giọt khoan giọt nhặt, thăm thì, ngân nga
mưa phơ phất vuốt má ngà
lạnh, vừa đủ, để cho ta nhớ người!*

NGUYỄN THỊ MINH THỦY



BẾN TÂM XUÂN

Trần Kiêm Đoàn

Xuân sanh, Hạ chín, Thu héo, Đông tàn. Nếp nghỉ xuôi dòng đang đi theo một con đường mòn miền viễn như thế. Bỗng có một vị sơn tăng – như thiền sư Mãn Giác (1090) chẳng hạn – hươ tay, mỉm cười, tầm nhìn hướng ra ngõ vắng đầy sương, ánh mắt bắt gặp một cành mai hôm trước và kêu lên hồn nhiên:

“Đình tiền tạc dạ nhất chi mai!”

Đừng tưởng Xuân tàn hoa rụng hết,

Hôm qua sân trước, một cành mai.

Tiếng chổi trong tâm của người quét lá sân chùa vọng lại:

Đừng tưởng tuổi già rụng rụng hết

Bảy mươi còn mọc chiếc răng khôn.

Cái “tưởng” là một định kiến ước lệ, khô cứng; trong khi hiện thực là dòng tươi mát, trôi chảy thường hằng. Thiền sư và người quét lá sân chùa chẳng có gì khác nhau. Chỉ có một lần ranh chưa gặp. Nhưng rồi có thể gặp nhau trong nháy mắt; một lúc nào đó sẽ gặp; hay không bao giờ gặp: Tri giác và Tuệ giác.

Mai nở sớm hay mai cũ của mùa Xuân năm trước là câu hỏi theo cái nhìn cảm giác đời thường. Nhưng với sự tinh anh từ ánh mắt đang phóng nét nhìn lạnh cả hư không, về thế giới hư huyền – mà chữ nghĩa nhà Phật thường gọi là “quán niệm vạn pháp vô thường” – thì đó chẳng phải là cành mai mới cắt trong vườn nhà ở làng Hương Cẩn, vác qua Huê bán ở chợ hoa ngày Tết Thương Bạc mà là cành mai “thật”, cành mai tinh túy mang bản chất của mọi cành mai từ cổ sơ đến hôm nay và mãi mãi.

Dựa theo thơ của danh tăng Ashi Zumi, phái Tào động Nhật Bản thì có thể nói như thế này: Cắt một nhánh mai hình tướng. Cắm vào bình thủy tinh. Có một cành mai thể tánh. Ẩn trong lòng biển xanh. Phải chăng như Mẹ là hình tướng mà Tình Yêu cao tuyệt vô biên của mẹ cho con là thể tánh? Mẹ không còn nữa, tình yêu của mẹ ẩn trong lòng biển xanh.

Như ngày xưa, cụ nghệ tam nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến cũng nhìn thấy: “Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái. Một tiếng trên không ngỗng nước nào?!” Nhưng đây là cái nhìn thông qua cảm xúc, tri giác. Có người hỏi: “Văn chương tự cổ vô bằng cố. Văn chương từ xưa là sản phẩm của cảm xúc nên không có bằng cố gì cả. Vậy thì căn cứ vào đâu để nói Nguyễn Khuyến không là một thiền sư như Mãn Giác của hơn nghìn năm trước?” Hình như chỉ có một sự khác nhau rất nhỏ. “Hình như” vì bạn và ta, và cả vũ trụ vô biên này đều già tàm, hưởng chi là một dòng tư tưởng mơ hồ (?). Thiền sư Mãn Giác nhìn vạn sự qua nét nhìn tĩnh lặng mà như xoáy vào nhịp biến dịch thành trụ hoại không. Cụ nghệ Nguyễn Khuyến nhìn đối thể với sự hồ nghi chất vấn. Còn hồ nghi sẽ thiếu vắng một nụ cười tuệ giác.

Mấy chùm trước giậu “hoa năm ngoái” của Nguyễn Khuyến là hình

tướng mà cành mai “đình tiền tạc dạ” của Mãn Giác là thể tánh. Mai nở thông qua cái nhìn tuệ giác – Tuệ giác mùa Xuân.

Nụ cười, tuệ giác và mùa Xuân là ba khái niệm và ba hình ảnh riêng biệt. Nhưng khi kết hợp và hòa quyện vào nhau sẽ thành một nguồn vui trong mơ ước. Nhân gian ai lại không thích nụ cười; ai mà chẳng muốn mùa Xuân. Muốn hái nụ tầm Xuân và tắm bến tầm Xuân nhưng chẳng biết mặt mũi cái “nụ xanh biếc” hay cái bến vạn lý sơ xưa đó như thế nào và ở chốn nào. Tìm đâu cho gặp khi nó ở chính trong ta. Nó là tiếng pháo khi vui, sấm chớp khi buồn, đóa hoa khi yêu và nỗi đau khi ghét. Khi tìm nổi lòng trên sông núi thì chính sông núi là nổi lòng. Ngay khi hết một đời buồn vui, xuôi tay về đất; người ở lại thì khốc bù lu bù loa, thế mà người ra đi vẫn muốn cười, tuy hơi làm biếng há miệng: Ngậm cười nơi chín suối!

Tôn giáo ra đời cũng chỉ vì nhân gian thích nụ cười vĩnh cửu. Tâm lý muốn lên Thiên Đàng, hay về Niết Bàn cũng chỉ vì... ham vui! Một tâm thức không còn ham vui là đã bị đóng băng trong khổ đau và phiền não. Mọi hồng ân cứu rỗi hay độ trì đều chẳng còn tác dụng gì lên sỏi đá. Bởi vậy, những thế giới hứa hẹn của các tôn giáo sau khi chết mà không có những an lạc vĩnh hằng, yên nghỉ đời đời, chim trời ca hát, nhạc trời véo von, niềm vui vĩnh cửu, hoa thơm cỏ lạ bốn mùa thì hết thảy những người thích cười sẽ “trả lại vé” đã mua với giá một đời tin cẩn, mong cầu niềm vui cho chuyển xe thổ... mộ cuối cùng!

Người theo đạo Phật thể hiện giấc “mơ vui” của mình qua hình ảnh đức Phật Di Lặc. Theo niềm tin và tín lý nhà Phật thì có ba đời, mười phương Phật. Có hằng hà sa số chư Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Thích Ca Mâu Ni là đức Phật của thời hiện tại trong cõi Diêm Phù Đề mà chúng ta đang ở. Đức Phật tương lai của cõi người này sẽ là Phật Di Lặc (Maitreya: Gốc chữ Phạn Maitri, có nghĩa là từ bi, yên vui) là một vị đại bồ tát đang ngự ở cung trời Đâu Suất. Nếu chỉ riêng Việt Nam ta cũng đã có gần cả trăm kiểu cười, cách cười và nụ cười khác nhau thì thế giới cũng nhìn về biểu tượng yên vui của đức Phật Di Lặc qua nhiều dáng vẻ phong phú như thế.

Tuy đạo Phật có nhiều bộ phái và pháp môn khác nhau, nhưng hình ảnh Phật Di Lặc vẫn trở thành một ước vọng chung tràn đầy niềm vui và hạnh phúc ở chân trời tương lai. Đức từ bi của Phật Di Lặc được biểu hiện qua nhiều hình tướng khác nhau, tương hợp với điều kiện và hoàn cảnh xã hội, bản chất con người và đặc tính văn hóa của từng xứ, từng vùng.

Qua những tượng đài và kinh văn Ấn Độ thì Phật Di Lặc là hiện thân của từ bi và trí tuệ với dáng vẻ minh triết, trầm tư. Với Tây Tạng, Tích Lan thì Phật Di Lặc là hóa thân của sự tái sinh an lạc và huyền nhiệm với dáng vẻ đẹp đẽ cao cả và huyền bí. Nhưng tới đất Trung Hoa thì Phật Di Lặc là biểu trưng của sự ho-

an hỷ, phong phú, mãn nguyện với nụ cười khoan khoái, sắc diện béo tròn, thân đầy, bụng phệ, lúc nào cũng sẵn lòng dang tay đón nhận mọi người. Dưới ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài của kinh điển toàn bằng chữ Hán từ Trung Hoa du nhập vào nước ta (Hán tạng), hình tượng đức Phật Di Lặc ở Việt Nam vẫn chưa đạt được một bản sắc thuần Việt của tinh thần “Nam quốc sơn hà Nam đế cư”. Cũng là Nụ Cười Di Lặc, nhưng bản chất văn hóa “cung hỷ phát tài” của Trung Quốc làm mất đi tính chất tuệ giác của nguồn suối mơ ước tâm linh. Nhiều nơi lẫn lộn giữa Phật Di Lặc và ông Thần Tài. Thậm chí, khi mang ảnh tượng đức Di Lặc của Việt Nam và Trung Quốc sang các nước Âu Mỹ thì trở thành những ông Phật Mập (Fat Buddha), Phật Cười (Laughing Buddha), Phật Phát Tài (Lucky Buddha) hoặc những hình thức tương tự để trang trí quanh những bồn hoa, hồ cá ở vườn sau.

Từ bi là lòng thương không mù quáng, trí tuệ là sự hiểu biết không cực đoan và hoan hỷ là niềm vui không dung tục. Tuy nhiên, qua lăng kính Đại Thừa của Phật giáo Trung Hoa – được đâm chồi nảy lộc trong khung cảnh xã hội nông nghiệp và buôn bán nhỏ, giữa hoàn cảnh văn hóa Khổng, Lão và phiếm thần dân gian làm xương sống tâm linh – Phật Di Lặc trở thành biểu tượng của sự hoan hỷ, sung mãn, hạnh phúc mang tính phàm trần, thực dụng. Vì con người tạo ra tôn giáo; chứ không phải tôn giáo tạo ra con người nên con người có quyền chối bỏ tôn giáo, nhưng tôn giáo không thể chối bỏ con người. Cho nên, không ít người đã chơi trò dung dưỡng, dung dề với quyền tự do tâm linh để trói buộc chính mình và người khác vào một sự dính mắc trầm kha như bệnh dịch hạch. Chỉ riêng trên đất Trung Quốc từ thế kỷ thứ III đến nay, đã có tới con số hàng trăm nhân vật theo Phật giáo xuất gia và tại gia tự xưng là “hiện thân của Phật Di Lặc” giáng trần. Việt Nam ta cũng không thiếu những ông đồng bà vải như thế. Nhưng tất cả con người và vọng động đều đến rồi đi như những hiện tượng chiến tranh, dịch họa.

Thật ra, đức Phật Di Lặc là tâm ảnh nói lên niềm hy vọng thường an lạc; là biểu tượng mong cầu cho một tương lai thịnh vượng, tươi sáng. Đời có bao nhiêu niềm ước mơ tốt đẹp thì sẽ có bấy nhiêu mẫu hình tượng của nụ cười Di Lặc. Nếu có chẳng điều quan ngại thì nó sẽ không dừng lại ở mức độ hình tượng mà ở tác dụng của phương tiện. Nếu nụ cười “niêm hoa vi tiếu” của Ca Diếp là sự khai mở của tuệ giác, nhìn đóa sen trên tay Phật mà thấy hết tánh sen là tánh Phật; thấy ngó sen đang ở trong bùn vẫn theo dòng sinh diệt, lặng lẽ nhô lên khỏi mặt nước và có ngày nở rộ tỏa ngát hương thì nụ cười Di Lặc cũng sẽ “đồng nhất thể” tương ứng như thế. Đó là một nụ cười rất đẹp và trọn lành không phân biệt Bồ Đại Hòa Thượng khi cho hay Thăng Bờm khi nhận.

Càng ngày, những nước văn minh Âu Mỹ càng nghiên cứu sâu rộng để tiếp nhận và trân trọng tinh thần phá chấp, từ bi và hóa giải của đạo Phật. Nhưng khác với người phương Đông, người phương Tây không còn ảo tưởng về vai trò “cứu rỗi” vô điều kiện của tôn giáo. Bởi vậy, họ tìm đến đạo Phật

như một triết lý, một nghệ thuật sống và đồng thời là một tôn giáo. Một câu hỏi thường xuyên xuất hiện của những người Âu Mỹ mang nặng định kiến thần học phương Tây khi nhìn về đạo Phật là: “Đạo Phật là một hệ thống triết lý, một học thuyết vô thần hay một tôn giáo?” Người hiểu đạo (nói chung) trả lời không ngập ngừng: “Thưa, cả ba!” Nhưng cũng có người bị dị ứng với khái niệm “vô thần”. Dị ứng bởi vì tư tưởng bị đóng khung và lão hóa trong kiểu cách suy nghĩ duy lý và chủ quan gọi tên, dán nhãn hiệu của phương Tây. Nghĩa là chỉ biết khư khư định nghĩa “Thần” như là một đẳng cấp Thần toàn năng, một Vua Trời, một Thượng Đế. Mahatma Gandhi, người tin vào Thượng Đế Hindu, đã nhận xét: “Đạo Phật không phủ nhận Thượng Đế nhưng định nghĩa Thượng Đế theo một cách khác.” Đẳng “Sáng Thế toàn năng” theo đạo Phật là “Duyên Khởi từ bản thể Tánh Không” như cách nhìn của nhà vật lý nổi tiếng nhất thời hiện tại, Stephen Hawking đã viết trong Sự Tạo Tác Ví Đại (The Grand Design).

Người phương Tây tìm đến cái đẹp của Phật giáo không phải qua hình thức lễ nghi, bái vọng với một tâm lý đột phá những vòng trói buộc của tín điều và tín lý. Họ đánh giá chân xác với lòng biết ơn Nụ Cười Di Lặc và tin rằng, một đức Phật tương lai sẽ đến như một sự tái khẳng định nếp nghĩ, lối sống hòa bình, an lạc và trí tuệ chứ không phải là để “tái sáng thế” đầy huyền nhiệm và bí ẩn của nếp tâm linh cổ sơ. Nếu quan chiêm những ảnh tượng của Phật Di Lặc trong những chùa viện Phật giáo phương Tây ngày nay, người ta sẽ thấy toát lên vẻ đẹp đầy nghệ thuật phảng phất hay rõ nét nụ cười toát ra từ bên trong. Những ảnh tượng Di Lặc với ngoại hình đầy hoan hỷ đậm nét “thỏa thuê phú” trong các chùa viện Việt Nam mô phỏng hay chỉ là phiên bản của Trung Quốc đang mất dần tác dụng giải thoát tâm linh trong thời đại mới.

Truyền thống người Trung Quốc dân dã khi gặp nhau thường chào cầu đầu tiên: “Đã ăn chưa?” Ngày nay, kinh tế phát triển, cơm áo không còn là nhu cầu bức xúc hàng ngày thì tiếng chào cũng thay đổi dần như phương Tây không còn lo ăn mà lo vui, lo đẹp. Ước mong đáng về Di Lặc cũng sẽ theo phong trào tập “Tai Chi” và “Fitness” mà trở nên thon thả, thanh lịch hơn trong những thế hệ tương lai. Đặc biệt là trong khung cảnh văn hóa Việt Nam, các chùa viện Phật giáo cần tìm cầu một biểu tượng an lạc của đức Di Lặc nói riêng và tất cả các tôn tượng, kiến trúc nói chung, phù hợp với bản chất dân tộc, văn hóa và tính độc lập, độc sáng của mình.

Năm mới, mùa Xuân là sức bật của tuổi trẻ, là điểm hẹn của tuổi trung niên và dấu ghi thêm một bước gần đất của tuổi già. Nhưng tinh thần... ham vui cũng giống giống như “tài không đợi tuổi”. Mong rằng, tinh thần nụ cười của tuệ giác mùa Xuân đang có sẵn trong mỗi lòng người sẽ đâm chồi nảy lộc tự nhiên và dễ dàng như hoa lá quanh mình.

Natomas, tuần đầu tháng Giêng

2011

Trần Kiêm Đoàn



KHÁI NIỆM VỀ "TÁM MỐI LO TOAN THỂ TỤC" TRONG PHẬT GIÁO

Hoang Phong

Khái niệm về "Tám mối lo toan thể tục" tiếng Phạn là "Astralokadharma", tương đối ít thấy đề cập trong Phật giáo Trung hoa, Việt Nam, Triều tiên và Nhật bản, nhưng thường được triển khai trong Phật giáo Ấn độ và Tây tạng. Vậy "Tám mối lo toan thể tục" là gì ? Đó là những tình huống, những mối bận tâm và lo lắng làm xao lãng tâm thức và sự sinh hoạt của người tu tập. Những mối bận tâm đó được phân chia thành bốn cặp:

- **Mong ước được lợi lộc** (labha)
- **lo sợ bị thua thiệt** (alabha)
- **Mong ước được lạc thú** (sukha) - **lo sợ khổ đau** (duhkha)
- **Mong ước được lừng danh, vinh quang** (yasa) - **lo sợ bị thất sủng, ghét bỏ** (ayasa)
- **Mong ước được ngợi khen** (prasamsa) - **lo sợ bị quở phạt** (ninda)

Tóm lại đây là tám mối bận tâm chi phối mọi sinh hoạt của con người trong xã hội, thể hiện bằng hai thái độ : **mong ước** và **lo sợ**. Sự vận hành thật phức tạp của tâm thức tạo ra vô số tư duy và đủ loại xúc cảm, thế nhưng nếu phân tích kỹ lưỡng thì đơn giản chỉ có hai tâm trạng đối nghịch nhau : hoặc hân hoan, ước mơ, chờ đợi hoặc khổ đau, lo âu, sợ sệt... Cả hai tình huống này đều mang lại những xúc cảm ít nhiều bồn loạn. Thể dạng trung hòa của tâm thức thật hết sức hiếm hoi. Có thể xem hai thể dạng trên đây tượng trưng cho hai thái cực của xúc cảm trong tâm thức, chúng vừa liên kết lại vừa đối nghịch với nhau.



Tô Đông Pha (1037-1101)

Tâm thức thường xuyên vận hành dưới một trong hai thể dạng tương quan với hai tâm trạng **mong ước** và **lo sợ** phát sinh từ bản năng. Nếu một cá thể bị chi phối bởi tâm trạng **mong ước** những điều tốt đẹp thì tâm thức có vẻ như tích cực, ngược lại nếu cá thể rơi vào sự lo sợ triền miên của thua thiệt, khổ đau, ghét bỏ... tâm thức sẽ mang tính cách tiêu cực và bồn loạn nhiều hơn. Thật ra sự vận hành và sinh hoạt của tâm thức phức tạp hơn nhiều, rất khó phân định minh bạch và dứt khoát hai tâm trạng trên đây, lý do vì lục giác (gồm năm giác cảm và tri thức) luôn xen vào sự vận hành của tâm thức che lấp hai thể dạng trên đây. Hơn nữa còn có sự tham gia của nghiệp tác động vào sự cảm nhận của lục giác làm phát sinh những xung năng khác nhau. Dù chưa quen phân tích sự sinh hoạt của tâm thức chúng ta vẫn có thể hình dung ra hai xu hướng luôn chi phối mình là **mong ước** và **lo sợ**.

Hãy chọn một thí dụ đơn giản, chẳng hạn các mối lo toan như "mong ước được lợi lộc và lo sợ bị mất mát" thúc đẩy chúng ta "mong ước" thu góp và tích lũy của cải để trở thành sở hữu chủ và sau đó chúng ta "lo sợ" của cải ấy sẽ bị mất đi. Thí dụ ta mong ước có một chiếc xe đạp để đi làm. Thế nhưng khi đã có xe đạp thì ta lại mong ước tậu được xe gắn máy hay xe hơi, sự mong ước cứ thế tăng dần... Trong khi sử dụng xe đi làm hay đi mua sắm ta khóa xe cẩn thận hay gửi xe ở bên đường, thế nhưng ta vẫn cứ áy náy sợ mất. Trong sở ta phải làm việc, nơi cửa hàng ta mãi mê chọn lựa hàng hóa, thế nhưng sự lo sợ mất xe vẫn tiềm tàng trong trí, mặc dù ta không trực tiếp nghĩ đến... Trên đường về nhà ta thấy các chiếc xe đẹp hơn, to hơn, tuy phải chú tâm vào việc lái xe nhưng sự thêm muốn vẫn tác động trong tâm thức... Nếu suy luận rộng thêm ta sẽ nhận thấy vô số các mối lo toan liên quan đến tiền bạc, nhà cửa, hạnh phúc, danh vọng, sắc đẹp, người yêu, kẻ ghét, bệnh tật, ngợi khen, ganh tị... thường xuyên nổi lên trong đầu, chúng dồn dập hiển hiện chi phối và dày đặc ta. Ý thức được **tám mối lo toan thể tục** có nghĩa là ý thức được tâm thức ta lúc nào cũng bị tràn ngập bởi những xúc cảm đủ loại, tu tập tức là làm lắng xuống những xúc cảm đó.

Vì những lý do trên đây nên Đức Phật khuyên người tu tập nên chọn lối sống khắc thực. Thế nhưng trong cuộc sống dồn dập và xô bồ của xã hội tân tiến ngày nay, "tám mối lo toan thể tục" trở nên phức tạp và tinh vi gấp bội so với lối sống giản dị và đơn sơ của con người từ hàng nghìn năm trước. Việc khắc thực và sống bên lề xã hội trở thành gần như không tưởng hay ít ra cũng mất đi ít nhiều tính cách lý tưởng và cao đẹp của nó. Thật vậy chẳng lẽ chúng ta lại chọn cuộc sống của những người ăn mày vô gia cư

(clochard - tramp, homeless) tại các thành phố Tây phương ngày nay ? Đây là một tệ trạng không giải quyết được của các xã hội phương Tây. Ngược lại trên một bình diện khác và một thái cực khác, hành vi vướng mắc trong **tám mối lo toan thể tục** của một số người xuất gia cũng có thể làm cho chúng ta khiếp sợ không kém.

Thế nhưng may mắn thay, dường như Đức Phật lúc nào cũng có sẵn cho chúng ta những liều thuốc hóa giải. Thật vậy trong đời sống thường nhật rất khó cho chúng ta vượt khỏi **tám mối lo toan thể tục** vì những **ước mong** và **lo sợ** luôn ám ảnh chúng ta. Ta không thể làm gì khác hơn vì sự vận hành đó trong tâm thức là những gì thật tự nhiên, liên quan đến căn nghiệp và bản năng của chính mình, do đó ta đành phải chấp nhận tác động của những xúc cảm ấy nhưng hãy đảo ngược đổi tượng của chúng. Thay vì **ước mong** lợi lộc, lạc thú, vinh quang và ngợi khen **cho riêng mình** thì ta hãy ước mong tất cả chúng sinh đạt được những điều tốt đẹp ấy. Thay vì **lo sợ** bị mất mát, khổ đau, ghét bỏ và quở phạt, ta quên mình và cầu mong **cho tất cả chúng sinh** tránh được những cảnh huống đọa đày này. Đây là lòng từ bi vô biên mà Đức Phật luôn nhắc nhở chúng ta hãy mang ra sử dụng như một liều thuốc hóa giải những vướng mắc của ích kỷ và những lo toan của thể tục.

Để thay cho lời kết chúng ta hãy đọc một giai thoại về đại thi hào Tô Đông Pha (Su Dongpo, 1037 - 1101). Tên là Tô Thức, tự Tử Chiêm, bút hiệu Đông Pha cư sĩ, ông là một người tu hành uyên thâm, một thi nhân, họa sĩ và nhà thư pháp nổi danh thời nhà Tống. Ông có làm một bài thơ tán tụng Đức Phật rất nổi tiếng như sau :

*Khế thủ Thiên trung thiên,
Hào quang chiếu đại thiên.
Bát phong xuy bất động,
Đoan tọa tử kim liên.*

Tạm dịch như sau :

*Quy lạy vị Trời ở giữa trời,
Hào quang chiếu rọi khắp muôn nơi.*

"Tám gió" tung hoành không lay động,

Tòa sen vàng tía, lặng im ngồi.

Khế thủ là mọp đầu xuống đất, *Vị Trời ở giữa trời* ngụ ý là Đức Phật, "*tám ngọn gió*" tượng trưng cho "*tám mối lo toan thể tục*", *tử kim* có nghĩa là màu vàng sắc tím.

Tô Đông Pha làm bài thơ trên đây trong bối cảnh nào ? Ông làm quan dưới triều Tống Thần Tông, theo đạo Phật, rất từ bi và yêu thương dân chúng. Ông đứng về phe "bào thủ" do Tư Mã Quang (Sima Guang) cầm đầu chống lại các biện pháp canh tân của thừa tướng Vương An Thạch (Wang Ashi), lý do ông nhận thấy các biện pháp cải cách của Vương An Thạch quá cực đoan làm nhân dân ta oán vì không theo kịp. Tô Đông Pha bị người nhà của Vương An Thạch dèm pha khiến ông bị giáng chức và đày đi Hàng Châu. Thời bấy giờ Hàng Châu mang tên là huyện Tây An, một thị trấn nhỏ bên bờ phía bắc của dòng Trường giang mênh mông. Trong thời gian này ông kết thân với một vị đại thiền sư là Phật Ấn (Foyin) trụ trì ngôi chùa Kim Sơn (Jinshan) tọa lạc trên bờ phía nam. Hai ông thường cùng nhau du ngoạn trên sông đăm đạo Phật Pháp và thi phú. Tô Đông Pha làm bài thơ trên đây trong khoảng thời gian này. Ông rất tâm đắc

khi làm xong bài thơ, vỗ đùi và ngâm đi ngâm lại suốt mấy hôm. Sau đó ông sai người nhà lấy thuyền đưa tên tiểu đồng vượt sang bên kia sông tìm đến chùa Kim Sơn đưa bài thơ cho thiền sư Phật Ấn xem. Sau khi tên tiểu đồng ra đi với bài thơ, bên này sông ông thấp thỏm đợi nó quay về với những lời ngợi khen của Phật Ấn.

Thế nhưng khi vừa xem xong bài thơ Phật Ấn lấy bút phê ngay bên dưới hai chữ : "*Fang pi !*", có nghĩa là "*Đồ đánh rắm!*". Các bản Việt dịch xưa nay luôn tránh né hai chữ "*fang pi*" và dịch trại ra là "*phóng thi*" hay "*lỡ trôn*". Nghĩ cũng lạ, chữ nào mà chẳng như nhau, đờ sạch là trong đầu của ta, chữ nghĩa nào có tội tình gì. Các tư liệu bằng ngôn ngữ Tây phương về giai thoại này dịch chữ "*pi*" rất từ chương và sát nghĩa (pet - fart). Dầu sao thì cũng xin ta lỗi với người đọc vì đã nêu lên các chữ quá "thô tục" trên đây, không thích hợp với nội dung của bài viết. Tính cách bộc trực trên đây biết đâu cũng là những gì đặc thù nơi tính khí người Trung hoa nói chung và Thiền học nói riêng, nhất là đối với học phái Lâm tế. Các vị thầy thuộc học phái này đôi khi dùng những ngôn từ rất nặng nề, kể cả sử dụng roi gậy trong mục đích giúp người đệ tử thức tỉnh.

Trở lại với bài thơ của Tô Đông Pha. Ông thấp thỏm trông ngóng tên tiểu đồng từ bên kia sông trở về mang theo những lời tán dương của Phật Ấn. Thế nhưng khi mở tờ thư pháp ra và thấy bút tích của Phật Ấn phê hai chữ "*fang pi*" bên dưới bài thơ, Tô Đông Pha dùng đũa nổi giận, đích thân xuống thuyền căng buồm băng ngang sông để tìm Phật Ấn. Phật Ấn biết trước nên đóng cổng chùa và trốn biệt, vì dù sao ông cũng hiểu Tô Đông Pha là một vị quan có chút quyền uy. Tô Đông Pha mò lên chùa thấy vắng tanh, cửa cổng có viết dòng chữ như sau :

Tám ngọn gió không lay chuyển được mi

[*Thế nhưng*] một cái đánh rắm cũng đủ để thổi mi sang đến bờ bên này.

Ấy thế, những người tu tập vẫn cứ tưởng mình đã siêu thoát, vậy mà trên thực tế **tám mối lo toan của thể tục** vẫn trói buộc mình thật chặt. Tô Đông Pha sau khi làm xong bài thơ thì rất đặc chí, **mong đợi sự vinh quang sẽ đến, lo âu và hồi hộp ước mong nhận được những lời khen thưởng** và sau đó thì **khổ đau và tức giận khi bị khinh miệt** ...

Dù sao Tô Đông Pha cũng là một người tu tập, cũng hiểu được Đạo Pháp là gì, vì thế ông đứng ngăn người trước cổng chùa Kim Sơn một lúc lâu và hiểu được bài thơ của ông chỉ là những gì phản ảnh *cái tôi của chính mình*, cái tâm trạng thua thiệt của một người bị thất sủng, muốn tìm một lý do để bào chữa sự mất mát ấy. Qua hình ảnh của Đức Phật ông tự cho mình là người khinh bi lợi danh, "*tám ngọn gió*" không lay chuyển được ông, thế nhưng lời phê của Phật Ấn đã xoáy sâu vào tâm thức giúp ông ý thức được **tám mối lo toan của thể tục** vẫn còn đang hoành hành trong tâm thức mình. Hóa ra cái rắm của thiền sư Phật Ấn đã khiến cho ông tỉnh ngộ.

Bures-Sur-Yvette, 19.11.10
Hoang Phong



HƯƠNG XUÂN TRONG CỐI THƠ THIÊN

Thích nữ Tịnh Quang

"Chư pháp tùng bản lai
Thường tự tịch diệt tướng
Xuân đảo bách hoa khai
Hoàng oanh đề liễu thượng."
(Ý Kinh Pháp Hoa)

Không gì tuyệt đẹp hơn hình ảnh của mùa xuân, khi hoa đào hoa mai hé nở, khi những mầm xanh đang e ấp chờ đợi trắng nước tháng ngày và sự chuyển giao của đất trời để vẫy vùng sự sống. Vẻ đẹp của mùa xuân đã thấm dết nên những vần thơ rạng ngời hương sắc qua cảm hứng của kim cổ thi nhân; song song với cảnh sắc huy hoàng đó, các thi nhân cũng đã gợi lên vô vàn hình ảnh xuân thì của các cô gái nở nà hay những mảnh tình xuân phơi phới được thì thầm trong cõi thi ca lung linh sắc màu xuân biếc. Đi vào cõi thơ xuân, bên cạnh những thanh sắc lộng lẫy của trời xuân, chúng ta có thể nhận ra sự nồng nàn, nỗi khát khao vơi vơi và hệt hắt khôn nguôi của các thi nhân đối với xuân, bởi vì mùa xuân cứ đến và đi, hững hờ như nước xuôi cầu, và thi nhân thì cứ muốn lưu giữ lại bóng dáng yêu kiều thuở nao của nàng xuân vô thường đó, rồi nức nở... Vượt lên trên những khát vọng về tình sắc mong manh của xuân, các thi nhân sĩ đã tạo nên một cõi xuân thì với gam màu riêng biệt qua bút pháp thanh tao tiêu nhã và bằng cảm quan siêu thoát trong đời sống bọt bèo hư ảo. Cứ mỗi mùa xuân về lật từng trang thơ thiên, chúng ta có cảm tưởng như đang sống trong cõi xuân huyền nhiệm, rung rưng đầu đầy hoa vàng sắc biếc trong cuộc đời đầy giá buốt xa xăm.

Mở đầu tổng phong trong cõi Thiên xuân này là bài thơ Cáo Tật Thị Chúng nổi tiếng của Thiền sư Mãn Giác (1052-1096)- vị cao tăng thời Lý. Bài thơ chỉ có bốn vắn ba mươi bốn chữ trong sáu câu nhưng đã bao hàm toàn bộ tư tưởng tinh hoa của Thiền học cũng như tính thể của nguồn thơ,

春去百花落
春到百花開
事逐眼前過
老從頭上來
莫謂春殘花落盡
庭前昨夜一枝梅

Nếu vẻ đẹp của Đường thi là nỗi xuyên xao vơi vơi về hai nàng xuân, một trở về một biên biệt như: "Hoa đào (vẫn) cười cợt gió đông
Mà nay chẳng thấy bóng hồng nơi nao"

(Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong).
(Đề Đê Thành Nam Trang-Thôi Hộ)
thì vẻ đẹp của Thiên thi trong thơ

của Thiền sư Mãn Giác là linh thể bất diệt ngay trong đêm tối diệt sinh, và được phát họa sinh động qua hai câu kết bằng một cành mai vàng nở giữa đêm khuya trước khi xuân đã tàn hoa đã rụng nhưng nào ai hay biết:

"Đừng nói xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.
(Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.)

Mặc dầu chất xuân trong Thiên thi của Thiền sư Mãn Giác không tạo ra nỗi khắc khoải mông lung nghìn đời của nhân thế hoặc không muốn gây nên cảm giác chơi vơi cho người yêu thơ, nhưng bài thơ này đã có một bước bộc phá mới và thổi thức chúng ta đi tìm sự bí ẩn đã tạo nên vẻ đẹp thanh thoát ly kỳ về nó. Bí ẩn này có thể tạm thời được biết như là cảnh tâm xuân luôn hiện hữu trong dòng đời buồn tẻ phũ phờ.

Có thể từ âm hưởng của cành mai Mãn Giác mà các thế hệ Thiên thi Việt nam về sau đều đã tạo nên những sắc phong của cõi tâm xuân thay vì mô tả khung cảnh hữu tình của bướm hoa mây nước:

"Xuân sang hoa bướm khéo quen thì,
Bướm liệng hoa cười vẫn đúng kỳ,
Nên biết bướm hoa đều huyền cả,
Thầy hoa mặc bướm để lòng chi.
(Xuân lai hoa điệp thiên tri thì,
Hoa điệp ứng tu tiện ứng kỳ,
Hoa điệp bản lai giai thị huyền,
Mạc tu hoa điệp vấn tâm tri).

(Giác Hải thiền sư)
Với tư tưởng "nhậm vận" nên các Thiền sĩ chẳng thấy xuân còn hay mất để rồi ôm ấp những hoài niệm hay mơ về một tiếng pháo xưa khi mùa xuân qua đi:

"...Năm ba ngày nữa tin xuân đến,
Pháo trúc nhà ai một tiếng đùng."
(Nguyễn Khuyến)

Đối với Thi nhân, sự xoay vần của mùa xuân và nỗi khát khao về nó đã bắc nhịp cho thơ giao cảm được tiếng lòng của nhân thế; nhưng một lúc nào đó nhà thơ bỗng cảm thấy ê hề với những khát ái bất tận của chính mình trước sự hữu hạn "Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con."
(Hồ Xuân Hương)

Mảnh xuân vô thường kia cứ đi đi lại lại khiến cho tình đời thêm già nua và tẻ nhạt, vì vậy nhà thơ cứ mãi ao ước níu kéo hương sắc của xuân với thời gian không bến bờ:

"Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi."
(Vội Vàng-Xuân Diệu)

Trong khi đó thiên nhân đã có được những phút giây tương ngộ với mảnh chân xuân trong thời gian vô cùng và ý thức về chiếc bóng choàng trên cái sinh thức phiêu bồng vô hạn nên đâu có sắc màu để héo úa nhạt phai:

"bao thiên niên kỷ, nhìn mây nước
giật mình, thấy bóng vẫn không phai.."
(Lãng Mạn Khúc Du Xuân-CS Liên Hoa)
Chiếc "bóng không phai" là linh thể tối thượng không nhuộm sắc màu thời gian, không bị chi phối bởi bốn mùa mưa nắng rồi cuống lên vì lo sợ ngày xuân vùn vút trôi qua "mau với chứ thời gian không đứng đợi." (Xuân diệu). Không vồn vã rượt bắt mùa xuân, Thiên thi phác họa nhân quan linh động với cái nhìn thiên quán về lẽ sắc-không khi mùa xuân đến:
"Tuổi trẻ chưa tường rõ sắc - không
Xuân về hoa bướm rộn tơ lòng
Chúa Xuân nay bị ta khai phá
Chiều trái giường thiên, ngắm cánh hồng."

(Niên thiếu hà tăng liễu sắc, không
Nhất Xuân tâm sự bách hoa trung
Như kim khám phá Đông Hoàng điện
Thiên bản bồ đoàn khán trụ hồng.)
(Phật Hoàng Trần Nhân Tông)

Trên căn bản quán chiếu, thơ thiên không bị lôi kéo vào thiên kiến vui buồn thương tiếc của thế nhân với những nỗi chấp chờn đơn lạnh nghìn đời của nhân thế khi ngày xuân không bao giờ trở lại như Đông Hồ đã tâm sự:

"Tưng bừng hoa nở thắm ngày xuân
Rực rỡ lòng cô hoa ái ân...
Cô buồn, cô tiếc, cô ngủi ngậm
Cô nhớ ngày xuân nhớ tuổi thơ." (Cô gái xuân)

Tuy nhiên một vài thi nhân tài hoa của làng thơ cũng không kém phần kiêu hãnh và ngang tàng khi ghép rượu đề thơ để tạm quên đi ngày tháng đất trời, để không còn bị câu thúc trước sự tàn nhẫn của thời gian đã làm đau thương trái tim của họ. Như Lý Bạch đã thổn thức: "Đời chỉ là giấc mộng lớn, có gì mà bận lòng, cho nên ta uống rượu say lúy túy, khi tỉnh rượu mới hay ra xuân về, chim hót trong cành hoa, chẳng biết hôm nay là ngày nào, rồi những cảm xúc cất lên, ta nghiêng bình rượu trước cảnh sắc huy hoàng, và hát khúc chờ trăng sáng, khi khúc ca vừa dứt thì tình cũng đã vữa quên."
(Xử thế nhược đại mộng
Hồ vi lao kỳ sinh
Sở dĩ chung nhật túy
Đổi nhiên ngoạn tiền doanh
Giác lai miện đình tiền

Nhất điều hoa gian minh
Tá vấn thứ hà nhật?
Xuân phong ngữ lưu oanh
Cảm chi dục thám tức
Đổi chi hoàn tự khuynh
Họa ca đãi minh nguyệt
Khúc tận dĩ vong tình.)
(Xuân Nhật Túy Khởi Ngôn chí)

Tại sao những nhà thơ lớn đôi khi phải dùng đến men rượu như để thách thức và vượt qua những khổ lụy của đời thường? phải chăng trong cơn men say người ta mới cảm giác rằng trường đời là mộng mị? cho nên để đạt được tâm trạng sảng khoái này nhà thơ phải mượn bình rượu như một thú tiêu dao siêu thái trong cõi "siêu phàm nhập thánh?"

"Thơ một túi phẩm đề câu nguyệt lộ
Rượu ba chung tiêu sái cuộc yên hà."
(Nguyễn Công Trứ)

Trong cõi Thiên, vạn vật là đối tượng để cho người nhập đạo quán chiếu và trải nghiệm; trong đời sống thường nhật cũng như trong thi ca, thiên không tạo ra những cảm giác khắc khoải chấp chờn giữa mộng và thực thay vì nó điều phối sắc màu mùa xuân qua cái nhìn về thực tại một cách sinh động và hài hòa:

Trúc biếc hoa vàng đầu cảnh khác
Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.
(Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh
Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân.)
(Thiền Lão Thiền Sư)

Hay
"Trùng dương Cúc nở dưới rào
Trên cành Oanh hót thanh tao dịu dàng."
(Thiền sư viên Chiêu)

Xa hơn, thơ thiên vượt thoát yếu tố của định luật nhị nguyên được giới hạn giữa người và cảnh, giữa tâm và vật, giữa một và hai ...: Sông xưa chảy mãi làm đôi ngã, ta biết xuân nhau có một thì. (Cô Lái Đò- Nguyễn Bính). Thiên thi tiêu điều trong vẻ đẹp thanh thoát của đóa xuân vô tướng mà nhà thơ đã cảm nghiệm và tương phùng trong cái nhìn vô sai biệt:

"Người ở trên lầu hoa dưới sân
Vô ưu ngồi ngắm khói trầm xông
Hồn nhiên người với hoa vô biệt
Một đóa hoa vàng chợt nở tung"

Hợp tan

Ngồi đây nghĩ chuyện hợp tan
Trăm năm gió cũng về ngàn xa xôi
Sông còn bên lở bên bồi
Người còn tan hợp trong đời biển dâu
Hỏi mình đang đứng nơi đâu
Hỏi ta đi đến nơi nào ngày mai
Nhìn trong một bát nước đầy
Chỉ trong nháy mắt nước bay một phần
Nắng qua chưa khỏi dấu chân
Mà mưa đã vội ầm ầm rớt qua
Đổi thay chỉ một "sát na"
Sắc không phải sắc, không là không không
Đời người đâu khác con sông
Xuôi về biển lớn một dòng êm trôi



Sắc đây cũng có khi vơi
Rót không vào sắc thấy đời đổi thay
Việc đời giống những áng mây
Tụ tan tiêu tán như ngày và đêm
.....
Hợp tan là chuyện tùy duyên
Biết đâu tan hợp làm nên cuộc đời.

TRẦN KIỀU BẠC



DUY CHỈ TRI KIẾN PHẬT QUÁN TRIỆT VÒNG DUYÊN SANH

Tịnh Minh soạn dịch từ Pháp Thoại Pháp Cú

Thử nọ, Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp (MahàKassapa) ẩn tu trong hang động Pi-pa-li (Pippali). Một hôm, sau khi khất thực một vòng quanh thành Vương-xá, ngài trở về tịnh xứ thọ trai rồi tham thiền, quán niệm. Ngài dùng thiên nhãn quán sát tất cả chúng sanh: tinh cần hay phóng dật, dưới nước hay trên khô, trong núi hay ngoài gò, hiện còn hay đã mất.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang an trú tại tu viện Trúc Lâm, Ngài cũng dùng thiên nhãn quán sát thế gian và thấy Ma-ha Ca-diếp, đệ tử vĩ đại của Ngài đang dốc tâm quán niệm cảnh sinh diệt của chúng sanh, Ngài nói:

- Nhận thức về cảnh sinh diệt của chúng sanh không thể lãnh hội được. Chúng sanh luân chuyển từ hiện hữu này sang hiện hữu khác và luôn có khái niệm mới trong bào thai của người mẹ mà không có nhận thức của người mẹ hay người cha, và nhận thức đó không thể nắm bắt được. Ca-diếp, tri kiến của ông chưa được sâu sắc lắm, chưa có thể quán triệt được chúng đâu. Chỉ tri kiến của chư Phật mới biết và thấy được toàn bộ quá trình sinh diệt của chúng sanh.

Nói xong, Ngài phóng quang sáng ngợi và hiện thân rực rỡ trước mặt Ca-diếp, đọc kệ:

"*Nhờ diệt trừ phóng dật,
Người trí hết ưu phiền,
Lên lâu cao trí tuệ,
Nhìn chúng khổ triền miên,
Như người hiền trên núi,
Nhìn đám ngu đất liền.*"
(PC. 28)



(*Hoa tại trung đình, nhân tại lâu
Phần hưởng độc tọa tự vong ưu
Chủ nhân dữ vật hân vô cạnh
Hoa hưởng quần phương xuất
nhất đầu.*)

(Thiền sư Huyền Quang-bản dịch của Nguyễn Lang)

Người với hoa không là hai, chỉ có sự nở tung của cành hoa hay là thực tướng nghìn đời hiển hiện trong giây phút thực tại mẫu nhiệm; với lối diễn đạt này giúp cho người đọc thoát đi việc đuổi hình bắt bóng thay vì trực nhận ảo giác của chính mình trên cảnh xuân đó:

"*Hoa pháo đỏ thêm này
Mơ xuân ở bờ kia
Đôi bờ đều như mộng
Xuân - Thu ở đâu kia?"*
(Xuân cầm - Vĩnh Hào)

Vì quá nao nức nên thi nhân không thể nhận diện được mùa xuân hiện hữu ngay tại đây trong phút giây hiện tại và không thể sống trọn vẹn ngay cả trong cuộc mộng du của chính mình:

"*Vì say sưa quá nên tôi đã
Đem đố hồn xuân xuống suối hồ!*"
(Xuân-Nguyễn Bính)

Mùa xuân trong thơ thiền không có pha chế những sắc màu man mác, thương sâu lẫn lộn để thổi miên người đọc cùng thồn thức nhịp đập chung của trái tim nhân thế hoặc "mơ theo trăng và vờ vấn cùng mây," nhưng nó vẽ nên một phong thái dung nhiếp thực tại giữa người và cảnh hay đúng hơn là bản chất "tuỳ duyên" trong bối cảnh không-thời gian khác biệt: xuân nương du thảo địa, hạ hưởng lạc hạ kỳ..." Với điểm nhắm vào thực tại, Thiền thi dù vô

tình hay cố ý cũng đã quên đi sắc màu thời gian quá khứ:

"*Sống ngày nay biết ngày nay
Còn Xuân Thu trước ai hay làm gì!
(Đản tri kim nhật nguyệt
Thùy thức cựu Xuân Thu.)*

Vì theo nhân quan của thiền, quá khứ hay tương lai đều nằm trong khoảnh khắc ý thức; cuộc đời khác gì giấc mộng Trang Sinh, cho nên ý niệm về thời gian xa và gần trước hay sau cũng chỉ là ảo tưởng phủ choàng ảo tưởng; cho nên tự nghìn đời xuân chẳng có gì xa xôi cả:

"*Ta gọi xuân về, xuân bướm bay
Trang Sinh nằm mộng biết bao ngày
Thời gian dù có nghìn năm nữa
Xuân đến lâu rồi ai có hay."*
(Gọi Xuân Về-Huyền Không)

Hay nói theo cách của thi sĩ Bùi Giáng:

"*Thưa rằng ly biệt mai sau
Là trùng ngộ giữa hương màu
Nguyên Xuân."*

(Chào Nguyên Xuân)

Với lập trường "phản bổn hoàn nguyên" và tư tưởng lạc quan, các Thiền sĩ đã thổi chất xuân vào hồn thi ca Việt Nam một cách siêu thái. Ý niệm về bản thể tuyệt đối được lồng trên sắc màu xuân cảnh và tạo nên sự hài hòa giữa chủ thể và đối tượng qua nội dung và cấu trúc của mạch thơ. Chu du trong cõi thơ thiền, người mới vừa nhập môn có cảm thái bàng hoàng như chợt nghe tiếng pháo xuân nổ vang giữa mộng và thực, giữa tỉnh và say, nhưng sau phút giây ngỡ ngàng đó không ai không một lần ước ao tương ngộ cảnh giới bí huyền với lãng đãng đầu đây cảnh mai nở vàng trong đêm tối khi xuân đã âm thầm hồ hững ra đi.

QUÉT LÁ

Rong bút của **Trần thị LaiHồng**

Mới vào Đông, vùng Nam Hoa bang ngỡ ngỡ trở lạnh bất thường. Lưỡi bò lạnh từ Đông Bắc rà liếm xuống Đông Nam. Đêm xuống dưới 30 độ F, ngày rón rén mon men leo lên cũng chỉ xem dưới 50. Mặt trời rụt rè ló dạng sau đùn mây trắng bạc, rắng tỏa rạng mang sinh khí cho vạn vật.

Vườn nhà có sáu cây bàng. Hai bên bờ ao nhỏ phía Bắc, bốn một hàng phía Đông.

Lá hớn hở mở xòe hứng nắng nhưng không đủ sức giữ màu điệp lục, bàng hoàng run rẩy ngỡ ngỡ biến sắc, cau mặt đổi màu. Liên một tuần, hàng bàng thấp đuốc từng tàng lá rực vàng nâu đỏ.

Trời Đất bỗng chuyển mình. Gió lồng lộng về. *Ao ào đổ lộc rung cây.* Giàn bông giầy đầu chiu nặng hoa gục trên hàng rào trước ngõ. Loạt hoa đỏ tía còn tươi roi rói khi lia cành.

Gió vô hình nhưng hiển lộng nhập vào lớp lớp mây trôi nhanh nhanh gập gập, vào những thân từng bách uốn cong vòng, vào cộng cỏ cúi mình sóng soài ngã rạp, vào tàng lá bàng run rẩy lấy bấy buông từng mảng màu...

Vạn vật sinh động tìm an lạc, lặng lẽ diển đạt. Lá lộng lẽ lia cây vì dấu yêu thương tha thiết nhưng cây không cố tình giữ lá mà tùy duyên an nhiên buông bỏ.

Cứ mỗi mùa lá rụng, tôi lại làm

người quét nhặt lá bàng, và là dịp tưởng niệm một lúc cả mấy người. Mỗi lần quét lá, chàng thường nhắc nhớ lời Mục sư Martin Luther King Jr.: "*Quét hết lá thì phải quét như Michael Angelo vẽ, như Beethoven viết nhạc, như Shakespeare soạn kịch. Quét thật toàn hảo đến độ thiên thần bay qua phải dừng lại ngắm nhìn bật lời ca ngợi 'đó là người quét rác vĩ đại!'"*

Nhưng, tôi không dám làm người vĩ đại. Tôi chỉ là một *phó thường dân*. Bởi *quét sạch lá rừng, đổ ai???* Rừng không lá rụng như bức tranh xanh thiếu màu vàng sắc đỏ, bản nhạc cung đô trưởng vắng nốt mi bémol fa dièse, vở kịch hay không điểm vài dí dỏm điệu cợt.

Thu gom mười sáu bịch lá rụng, mỗi bịch cả 32 pounds. Mặt đất còn lổm chổm vài viên sỏi nhỏ chen nhiều trái bàng, trái xanh trái vàng trái nâu, trái tươi trái héo trái khô, trái vỡ trái lành. Những trái này dành cho chàng Đông Phương Sóc đang bám trên thân từng, cong chiếc đuôi xù chong mắt đứng đợi được phần chia sẻ.

Màng vườn quá sạch chẳng mắt mắt nhìn. Không còn sinh khí. Tôi rung mạnh cây cành. Lá là tả buông mình. Bức tranh Modi điểm thêm sắc, bản nhạc Beetho bật nốt trầm, và vở kịch Shakespeare pha thêm nét cười.

To Be or Not To Be? - Let it Be !

Hoa Bang 02-01-2011

VŨ TIẾN LẬP

Xuân luống

*mưa biệt giam những ngày đầu hạ
nhớ những cơn bão rớt
đất cũ qua ba chục năm
mưa giông vẫn tồn tại
hình ảnh cũ đã không còn
thời gian trôi tượng
gang tấc chiêm bao
thiên thu vẫn hẹn
tĩnh lặng
vị đắng sừng sốt trên đầu lưỡi
thơm mùi chờ đợi
kiếm mãi không tìm ra dấu tích
ngoài tên người mờ sâu trên mặt đá
chỗ về như gió tàn đồng giẫy dụa
đôi lúc muốn thỏa đáng một điều gì
ngoài xa khơi đời sống
những hạt giống chưa hứa hẹn
mùa xuân đã luống
chúng ta đều thật có
thật cả trong mơ
đôi khi ngỡ vực
nổi nhớ rụng rơi*



LỄ HỘI VÀ CÔNG ĐỨC

Cư Sĩ Nguyễn Giác



Ông bà mình có câu "Có đức mặc sức mà hưởng." Lời nói này đã bày tỏ lòng tin sâu vào luật nhân quả của nhà Phật, và có xuất xứ từ nhiều lời dạy trong Kinh Phật.

Thời gian qua, nhiều Phật tử đã đóng góp trong các Phật sự như xây chùa tháp, cung nghinh xá lợi Phật, chiêm bái Phật Ngọc Hòa Bình, dự lễ hội hoa đăng, cúng dường trai tăng, v.v... Một số người không hiểu đã gọi như thể là tu kiểu hình tướng, không thật là tu trí tuệ giải thoát. Lời phê bình đó chưa đầy ngộ nhận. Ngày xưa, khi Bồ Đề Đạt Ma nói việc xây chùa của Lương Võ Đế là "không có công đức," thực ra là nêu lời khai ngộ, để thúc đẩy vua xa lìa cái chấp vào công đức đó thì mới có thể giải thoát.

Công đức -- tiếng Anh là merit -- là kết quả có từ những thân, khẩu, ý thiện lành, sẽ trở quả trong kiếp này và sẽ mang theo sang kiếp sau. Công đức như thế sẽ giúp người tu trên đường giải thoát. Nếu không có đủ phước, chắc chắn không thể nào tu nổi. Thí dụ, nếu sinh vào một bộ lạc trong rừng sâu Châu Phi, tất không hề biết gì tới các tiện nghi xã hội văn minh, và pháp Phật cũng khó gặp trong đời.

Thí dụ, nếu sống ở núi rừng Đắc Lắc, luyện được đôi chân leo núi, giỏi vác nặng và đi chạy nhanh nhẹn. Nhưng cũng không thể nào bằng một cô gái yếu đuối ở Sài Gòn lái chiếc xe máy hay xe hơi. Mới biết, dù tập luyện giỏi, cũng không bằng có phước. Tương tự, kinh doanh giỏi, cuối đời có nhiều tài sản, cũng không bằng người sinh vào nhà hoàng tộc.

Người có phước đức sẽ có nhiều nhân duyên để tu học hơn, bởi vì nếu phải lao động ngày đêm mà vẫn không nuôi nổi gia đình, chuyện tu học tất nhiên trở ngại. Đôi khi nhờ phước đức tới sớm, nghiệp dữ có thể hoãn được. Cũng như một người dân ở Campuchia mang nợ hay làm tội, trốn sang Sài Gòn sống, không ai biết quá khứ, sẽ được hưởng phước của một người dân Sài Gòn, cho tới khi nào về lại Nam Vang mới bị đòi nợ.

Kinh Tăng Chi Bộ, bản do Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, nơi Chương VIII Tám Pháp, phần (VI) (36) Phước Nghiệp Sự, có viết, trích:

"1.- Nay các Tỷ-kheo, có ba căn bản làm phước. Thế nào là ba?

2. Căn bản làm phước do bố thí, căn bản làm phước do giới đức, căn

bản làm phước do tu tập." (hết trích)

Chữ "tu tập" đó được hiểu là thiên định, có khi được hiểu là thiên tâm từ.

Nhiều người thường chấp rằng tu theo Phật là cần phải tìm gốc cây hay hang núi để ngồi Thiền, còn mọi pháp khác chỉ là hình tướng không cần thiết. Thực ra, nghĩ như thế là sai lầm lớn, khi tách biệt tướng với tâm. Chỉ cần nhớ rằng, Ngài Mục Kiền Liên là đại đệ tử của Phật, thần thông đệ nhất, vẫn không cứu nổi mẹ khi bà cứ đưa cơm lên là thành lửa cháy. Lúc đó, Phật mới dạy là cần gây dựng công đức, bằng cách cúng dường trai tăng, mới cứu nổi mẹ.

Hòa thượng Thích Minh Châu trong tác phẩm "Đạo Đức Phật Giáo và Hạnh Phúc Con Người," nơi chương 16, đã viết, trích:

"... Tôn giả Mục-kiền-liên là một đệ tử lớn của đức Phật, và được suy tôn là bậc thần thông đệ nhất. Sau khi chứng quả A-la-hán. Ngài dùng thiên nhãn quan sát khắp các cõi sống thì thấy mẹ mình đang bị nạn đói khát dày vò trong cõi sống quỷ đói. Tôn giả bèn cầm bát cơm xuống cõi quỷ đói đưa cho mẹ. Mẹ cầm lấy bát cơm đưa vào miệng, thì cơm hóa thành than hồng cháy đỏ không tài nào ăn được. Tôn giả Mục-kiền-liên không biết làm sao được, bèn trở về xin Phật ra tay cứu giúp. Đức Phật nói: "Mẹ ông bao nhiêu đời sống xan tham keo kiệt, nên phải chịu khổ báo là quỷ đói, một mình ông không thể cứu nổi mẹ đâu. Phải nhân ngày rằm tháng bảy tổ chức cúng dường đức Phật và chúng Thánh Tăng mười phương nhờ vào sức mạnh chú nguyện của đức Phật và chúng Tăng mười phương thì mẹ ông mới có thể siêu thoát được".

Tôn giả Mục-kiền-liên vâng lời đức Phật dạy, đến ngày rằm tháng bảy là ngày tự tứ ra hạ của chư Tăng, đem thức ăn, đèn, sáp, hương hoa... đặt vào chậu lớn, cúng dường trai Tăng. Bà mẹ của Tôn giả Mục-kiền-liên nương nhờ vào uy lực của giới đức và phước đức của chư Tăng mười phương, và cũng nương nhờ vào công đức bố thí và lòng chí thành của Tôn giả Mục-kiền-liên, mà sớm thoát khỏi nỗi khổ của quỷ đói, nỗi khổ ví như nỗi khổ của người bị treo ngược, siêu thăng lên các cõi lành..." (hết trích--nguồn: www.Thuvienhoasen.org/daoducphatgiao-minhchau-04.htm)

Theo báo Tibet Sun ngày 26-7-2010, Đức Đạt Lai Lạt Ma trong buổi lễ khánh thành tượng Đức Di Lạc Bồ Tát (Maitreya) cao 100 feet (30.4 mét) tại Nubra Valley, Ấn Độ, với nhiều ngàn vị sư, quan chức và dân chúng tham dự, đã cảm ơn ban tổ chức và những người xây tượng, nói, "Họ đã làm được nhiều công đức... Người ta sẽ được công đức đi nhiều quanh tượng, và vì tượng cao nên có thể được ngắm từ xa, người nhìn ngắm tượng cũng sẽ có công đức..."

Như thế, chúng ta hiểu được vì sao Phật Tử thành kính tham dự các lễ hội Phật Giáo.

Đức Đạt Lai Lạt Ma viết trong cuốn "The Compassionate Life," với các dòng

chữ sau này đưa vào sưu tập "Dalai Lama Quote of the Week" đã ghi rằng khi những kẻ thù nghịch gây tổn thương chúng ta, chúng ta có thể mang ơn họ vì đây là cơ hội để tu hạnh kham nhẫn của bồ tát, "bởi vì công đức gây dựng từ pháp tu kham nhẫn chỉ có thể có cơ duyên cho mình tu là từ kẻ thù nghịch gây ra, nói nghiêm khắc là, chúng ta nên hồi hướng công đức của chúng ta để xin lợi ích cho kẻ đối nghịch."

Theo truyền thống Phật Giáo Thái Lan, cụ thể có những cách vun trồng công đức như sau, theo thứ tự, trích:

1. Xuất gia, thọ đại giới.
2. Góp tiền xây chùa.
3. Có một con trai đi tu, làm sư.
4. Hành hương các chùa Phật Giáo khắp Thái Lan.
5. Đóng góp sửa chùa.
6. Cúng thực phẩm hàng ngày cho các vị sư, và cho các ngày lễ linh thánh.
7. Trở thành một sa di.
8. Vào chùa tu các ngày lễ quan trọng, và giữ bát quan trai giới các ngày này.
9. Giữ 5 giới trong mọi thời." (hết trích--nguồn, sách "Monks and Magic" của B.J. Terwiel, www.thaibudhist.com/making-merit.html)

Độc kỹ, các điều trên cũng tập trung vào ba căn bản: bố thí, giữ giới luật, tu tâm từ bi.

Tại Quận Cam, Nam California, người viết có quen thân một vị cư sĩ, tác giả nhiều sách nghiên cứu Phật Học. Vị này có một cậu con trai, đã tập cầu bé từ nhỏ là mỗi khi vào chùa là rút ít tiền ra đưa vào thùng công đức và đọc lời nguyện, "Con nguyện xin mọi người được OK, hạnh phúc, khỏe mạnh và sẽ thành Phật." Vị cư sĩ đó cũng đã dạy con tạo dựng công đức.

Giữ giới là một công đức có đầy oai lực, không hình tướng, nhưng sẽ tác động vào thể giới các cõi. Như khi Ngài Angulimala được Đức Phật chỉ dạy cách chú nguyện để cứu một sản phụ. Ngài Angulimala là kẻ đã giết nhiều người để tìm râu 1.000 ngón tay làm tràng hoa, và đã rượt theo Đức Phật để tìm giết người cho đủ số thì được Đức Phật cảm hóa và cho theo thọ học giáo pháp. Tàn văn ghi trong Trung Bộ Kinh, kinh thứ 86.

Bản văn của Ngài Walpola Piyananda Thera như sau, trích dịch:

"Ngài Angulimala không an tâm, bởi vì ngay cả khi thiên định đơn độc ngài vẫn thường nhớ tới quá khứ và những tiếng kêu khóc thảm thương của các nạn nhân của ngài. Vì ảnh hưởng nghiệp dữ của ngài, trong khi đi khất thực trên đường ngài vẫn cứ trở thành mục tiêu cho dân chúng chọi đá và đánh gậy, và rồi ngài trở về tu viện Jetavana với đầu thương tích, máu chảy, mình đầy vết cắt, vết bầm, và được Phật nhắc nhở: "Con ta, Angulimala. Con đã xa lìa các ác pháp rồi. Hãy kiên nhẫn. Đây là ảnh hưởng các ác pháp con đã làm trong kiếp này. Nghiệp dữ của con lý ra sẽ làm con đau khổ xuyên qua vô lượng kiếp, nếu ta không gặp con."

Một buổi sáng, trong khi đi khất thực tại Savatthi, ngài Angulimala nghe có người khóc đau đớn. Tới gần, ngài thấy một sản phụ đang lên cơn đau sản nạn, và gặp trở ngại khi sinh nở, thì ngài mới phản ánh rằng tất cả

chúng sinh đều chịu khổ cả. Xúc động vì lòng từ bi, ngài tới gặp Đức Phật và kể về cơn đau của phụ nữ tội nghiệp kia. Đức Phật mới khuyên ngài đọc tụng các lời sự thực sau đây, và sau này các lời này được gọi là Angulimala Paritta (Hộ Kinh Angulimala). Tới trước người phụ nữ đang đau đớn kia, ngài ngồi trên một chỗ cách biệt sản phụ bởi một bức màn, và nói lên những lời sau này:

"Chị ơi, từ ngày tôi trở thành một a la hán,

Tôi đã không cố ý hủy diệt Sinh mạng của bất kỳ chúng sinh nào.

Với sự thật này, xin nguyện cho chị an lành,

Và xin nguyện cho em bé chưa sanh của chị an lành."

Ngay tức khắc, sản phụ sinh ra bé sơ sinh dễ dàng. Cả mẹ và con đều an lành và khỏe mạnh. Ngày cho tới bây giờ, nhiều vị vẫn còn đọc hộ kinh này, như tụng đọc thần chú.

Ngài Angulimala ưa thích sống trong đơn độc và ẩn dật. Về sau, ngài viên tịch bình an. Là một bậc a la hán, ngài đã thể nhập đại bát niết bàn. (hết trích dịch)

Như thế, công đức giữ giới có oai lực như thế.

Đặc biệt, tạo dựng công đức cần nhất là tâm thành. Như Đại Sư Sogyal Rinpoche đã kể trong cuốn "The Tibetan Book of Living and Dying" (Tạng Thư Sống Chết), kể về thời Đức Phật, có một bà cụ ăn mày thường nhìn thấy các vua, hoàng tử, dân chúng cúng dường Phật và chư tăng, nhưng bà cụ không có gì để cúng. Tới khi ăn xin đủ để có một đồng chi, mới mang ra người bán dầu để mua dầu cúng Phật. Người bán nói là tiền này không đủ mua gì cả, nhưng khi nghe nói bà cụ sẽ cúng Phật, người bán mới tặng bà cụ số dầu cần thiết. Bà cụ mang dầu về tự viện, thắp ngọn đèn, đặt trước Đức Phật và phát nguyện, "Con không có gì để cúng trừ chiếc đèn nhỏ này. Qua lễ cúng dường, trong tương lai con nguyện tinh thức mãi với đèn trí tuệ, cho con cứu tất cả chúng sinh ra khỏi nơi tối tăm. Con nguyện cứu họ ra khỏi mọi trở ngại, và đưa họ sang bờ giải thoát."

Đêm đó, dầu tắt cả các đèn khác cạn và tắt. Nhưng ngọn đèn của bà cụ xin ăn vẫn cháy vào lúc bình minh, khi đệ tử Phật là ngài Maudgalyayana vào để dọn tất cả đèn. Khi ngài thấy chỉ có một ngọn đèn còn sáng, với dầu đầy, mới tìm cách làm tắt hoài mà không được, dù là thổi hay lấy tay dập. Đức Phật mới nói rằng Maudgalyayana không tắt nổi đèn này, dù là lấy tất cả nước ở đại dương cũng không dập tắt nổi, vì đèn này được cúng với tâm ý thanh tịnh.

Như thế, hãy suy nghĩ: với tâm thành, chỉ cúng một ngọn đèn, mà đã có cơ duyên để đời đời tu học thành tựu trí tuệ, hưởng gì là với tâm thành để cúng dường trong lễ hội hoa đăng.

Như thế, tu thiền tới mức đại thần thông như ngài Mục Kiền Liên, khi cứu mẹ phải nhờ vào oai lực của pháp cúng dường trai tăng.

Như thế, những pháp mà người khác tưởng như là lễ hội chấp theo hình tướng thực ra lại là cơ duyên giải thoát vô biên. Chỉ cần với tâm chí thành, thanh tịnh.



CÁO BẠCH

Nam mô Tiếp dẫn Đạo sư A Di Đà Phật
Kính bạch chư tôn trưởng lão Hòa thượng,
Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni trong và
ngoài nước,

Cố Đại Lão Hòa Thượng THÍCH VĨNH LƯU
là Phương Trưởng Tổ Đình Sắc Tứ Kim
Cang tại Núi Nhạn Tháp, Thành Phố Tuy
Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

Thuận thể vô thường, Cố Đại Lão Hòa
Thượng đã thâm thân thị tịch vào lúc 20
giờ ngày 29 tháng 12 năm 2010, nhằm
ngày 24 tháng 11 năm Canh Dần, trụ thế
97 năm, 73 hạ lạp.

Môn đồ pháp quyến thỉnh thỉnh thân Cố
Đại Lão Hòa Thượng nhập Kim Quan lúc
12 giờ trưa ngày 30 tháng 12 năm 2010,
nhằm ngày 25 tháng 11 năm Canh Dần.

Lễ tưởng niệm và cung thỉnh Kim Quan
nhập Bảo Tháp diễn ra lúc 7 giờ sáng
ngày mùng 3 tháng 01 năm 2011, nhằm
ngày 29 tháng 11 năm Canh Dần, tại
khôn viên Tổ Đình Sắc Tứ Kim Cang.

Môn đồ pháp quyến thành kính cáo bạch



ĐIỀU VĂN Tưởng Niệm Hòa Thượng Tôn Sư thượng Vĩnh hạ Lưu

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật,

Kính lạy Giác Linh Hòa Thượng Tôn Sư thượng Vĩnh hạ Lưu,

Từ hải ngoại xa xôi,
Chiều đông lạnh buốt,
Nhận được tin Thầy chích lý Tây Quy.
Tuổi hạc, Thầy nương huyền thân gần thế kỷ,
Tiếp tăng, độ chúng, kiến lập pháp tràng lợi lạc
nhân thiên,
Bảo Tịnh Học Đường Thầy làm Giám Luật,
Sớm chiều tới lui, giáo dưỡng hậu lai.
Việc Tăng Phú Yên, vai Thầy gánh vác,
Giữ gìn giới luật, mạng mạch Tăng Già.
Công viên quả mãn, Thầy về chốn cũ,
Thập phương thiện tín tiễn biệt ân sư.
Than ôi!
Núi Nhạn từ đây mờ bóng Sơn Tăng,
Sông Ba từ nay vắng hình Chim Nhạn.
Nhớ thuở xưa,
Bốn mươi năm trước Thầy dắt con vào Đạo,
Diu con lên thuyền vượt sông mê,
Tuổi măng non còn mang nặng nghiệp tử muôn
kiếp,
Tập khí phiền não như mây mù giăng khắp lối con đi.
Thầy dạy con từng câu Kinh, từng nghĩa lý nhà Thiền,
Mở lối cho con, đường vào Chánh Pháp, thênh thang...
Khai thị cho con thế gian là mộng,
Biết quay đầu về, mộng thành sương khói tan đi...
Hôm nay Thầy đi,
Duyên nào cho con được gặp lại,
Ân đức cao dày làm sao con báo đáp cho tròn!
Mấy chục năm qua,
Bóng Thầy cao như đại thọ,
Trải dài theo bước chân con trên đường đời,
Từ Trung vào Nam, những khi lao lý,

Từ con thuyền nhỏ vượt sóng ra khơi,
Không nghĩ sống chết, chỉ nghĩ vượt ngục tù,
Đến Mã Lai rồi qua đất Mỹ,
Bôn ba theo nhịp sống thế nhân.
Năm tháng còn lưu dấu vết,

Trên đầu tóc đã pha sương,
Những khi dừng lại,
Nghĩ đến Thầy, ân đức từ bi,
Chỗ quay về nương tựa cuộc đời,
Tâm con an, lụy phiền lắng xuống.
Dù Thầy ra đi,
Câu niệm Phật nơi thiền thất ngày nào còn
văng vẳng bên tai,
Lời Thầy dạy sau mỗi thời Tịnh Độ, Công Phu
nơi Phật điện Kim Cang,
Con còn khắc ghi tạc dạ.
Giờ này,
Từ bên này bờ đại dương, nghìn trùng xa cách,
Quý trước Giác Linh Đài nơi Bảo Điện Bát Nhã,
Con xin hướng về Tổ Đình Kim Cang, nơi nhục
thân Thầy còn tại vị,
Đề đầu đánh lễ lạy tạ thâm ân giáo dưỡng,
Và cung kính tiễn biệt Thầy nhập pháp thân vô
tướng.



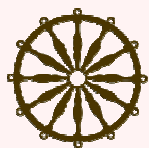
Ngưỡng mong Giác Linh Thầy,
Vì chúng sinh khổ não không cùng,
Từ bi lân mẫn thị hiện ta bà, phân thân hóa độ.
Từ mẩn cố, từ mẩn cố, đại từ mẩn cố.

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Nhị Thế, Sắc Tứ Kim Cang Đường
Thượng, Húy thượng Trùng hạ Phước, hiệu Vĩnh Lưu Đại Lão Hòa Thượng Tôn
Sư Giác Linh thù từ chứng giám.

Đệ tử Tâm Huy khấp bái.

(Đọc trong lễ cầu nguyện và thọ tang tại Chùa Bát Nhã, thành phố Santa Ana,
California, Hoa Kỳ, tối Thứ Sáu, ngày 31 tháng 12 năm 2010.)

Chúc Mừng Năm Mới



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

Phật Lịch 2554

HĐDH/TCX/CT

THƯ CHÚC XUÂN TÂN MÃO - 2011

Kính gửi:

- o Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
- o Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn,
- o Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia tại Hoa Kỳ,
- o Quý đồng hương và Phật tử,

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư Tôn Đức,

Kính thưa chư quý liệt vị,

Mùa xuân luôn là biểu tượng của sinh khí phát triển và thăng hoa của vũ trụ và vạn vật mà trong đó có cuộc sống con người.

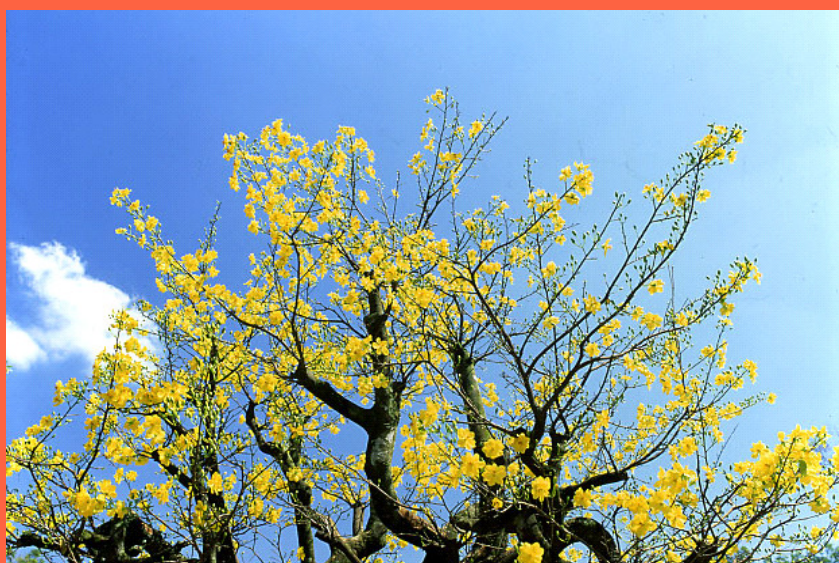
Trước thềm năm mới Tân Mão 2011, thay mặt GHPGVNTNHK, chúng tôi xin thành tâm kính chúc:

- o Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni: pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ, Phật sự viên thành;
- o Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn: thân tâm Khang kiện, đạo nghiệp viên mãn;
- o Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia: bình an, khỏe mạnh để tiếp tục sự nghiệp phục vụ làm thăng tiến cộng đồng, góp phần vận động tự do, dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam;
- o Quý đồng hương và Phật tử: thân tâm an lạc, sở cầu như nguyện, vạn sự thắng phước.

Santa Ana, ngày 03 tháng 01 năm 2011



Chủ tịch
Sa-môn Thích Trí Chơn



LỜI CẢM TẠ ĐẦU XUÂN TÂN MÃO 2011

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng Ni,
Kính thưa quý văn thi hữu, quý thân hữu yểm trợ báo Chánh Pháp cùng độc giả xa gần,

Thấm thoát mà báo Chánh Pháp đã bước vào mùa xuân thứ hai kể từ khi ra mắt. Trong gần hai năm ấy, thế giới vẫn chưa thực sự thoát khỏi cơn suy thoái kinh tế, nhiều thiên tai và nhân họa vẫn tiếp tục hoành hành trên những đất nước vẫn minh hay chậm tiến. Nghiệp vận thống khổ của loài người trên trái đất này vẫn tiếp tục biểu hiện chân lý thứ nhất trong Bốn Thánh Đế mà đức Phật huấn thị. Và trên quê hương chúng ta, tự do dân chủ vẫn còn là giấc mơ xa vời; xã hội bất công, đạo đức băng hoại, tuổi trẻ mất hướng...

Trong bối cảnh chung với những vấn đề trọng đại như thế, một tờ báo như Chánh Pháp chỉ là phương tiện khiêm nhường nhằm biểu đạt ước nguyện mang lại an lạc hạnh phúc chân thật đến với nhân loại, và trước hết là đối với những ai hữu duyên với Phật Pháp; bởi vì chủ trương của tờ báo không ngoài việc giới thiệu đạo Phật đến với những người sơ cơ, tạo một diễn đàn giáo lý và văn học cho hàng xuất gia và tại gia trình bày và trao đổi kiến văn, sở học và sở hành của mình để cùng hướng về đạo quả giải thoát giác ngộ. Nói như vậy cũng hàm nghĩa rằng, sở dĩ tờ báo Chánh Pháp được duy trì và tiến triển tốt đẹp trong giai đoạn khó khăn kinh tế của thế giới, chính là nhờ đã phần nào đáp ứng được nhu cầu hoằng đạo và học Phật của bạn đọc; cụ thể hơn, nhờ sự yểm trợ từ tinh thần, đến bài vở, và tài chánh, của chư tôn đức Tăng Ni, quý văn thi hữu và Phật tử gần xa.

Ngày nay, báo Chánh Pháp đã trở thành món ăn tinh thần rất thân thiết, gần gũi, được đón nhận với niềm ưu ái, trân trọng bởi độc giả khắp nơi trên đất nước Hoa Kỳ. Từ các quốc gia khác, nhiều độc giả cũng theo dõi trang lưới Chánh Pháp (www.chanhphap.us) hàng tháng, đã liên lạc, chân thành đóng góp ý kiến để chúng tôi hoàn thiện tờ báo, sao cho được phong phú và phổ cập hơn. Đây là phần thưởng to lớn, khích lệ chúng tôi rất nhiều trong công tác biên tập và ấn hành, góp phần vào việc bảo tồn văn hóa dân tộc và hoằng truyền đạo lớn của Như Lai.

Như quý vị thấy, về nội dung, ngoài những bài chuyên khảo về Phật học, văn thơ đủ thể loại, báo Chánh Pháp đã mở thêm các bài song ngữ để tạo niềm tin, sự cảm thông và đáp ứng nhu cầu học Phật cho lớp trẻ. Nhưng vì số trang giới hạn, chúng tôi vẫn chỉ từng bước đăng tải, khi nào thuận lợi sẽ triển khai mạnh hơn về mặt này. Còn về hình thức thì trong những số gần đây, báo Chánh Pháp được cải tiến với những trang màu và giấy tốt hơn, nhưng cũng chỉ là thử nghiệm chứ chưa chính thức chuyển sang in màu thường xuyên như mong ước. Về số lượng in hàng tháng, Chánh Pháp in 3000 bản từ gần hai năm nay (ngoại trừ một vài đại lễ đã in số lượng gấp đôi), nhưng trong các tháng gần đây, số ấn bản đã bắt đầu có phần thiếu hụt vì một số tự viện yêu cầu gửi báo nhiều hơn, cũng như số độc giả dài hạn từ các địa phương xa, và số độc giả lấy báo từ các chùa, đã tăng dần lên. Ngoài ra, còn có một số độc giả đề nghị tăng thêm trang, hoặc chuyển qua hình thức giấy trắng, đóng gáy bằng keo để có thể lưu trữ dài lâu trong nhà. Chúng tôi rất tiếc là với tình hình tài chánh hiện tại, chưa thể nào đáp ứng được nhu cầu tăng số trang, tăng số lượng ấn hành hoặc thay đổi hình thức gọn đẹp hơn như một tập sách; chỉ xin ghi nhận ý kiến đóng góp của quý vị để chờ đợi thuận duyên mà thực hiện từng phần. Điều cốt lõi mà Chánh Pháp hằng quan tâm, là làm sao mang lại hương vị giải thoát giác ngộ đến với mọi người, còn hình thức thì chỉ là điều thứ yếu.

Cuối năm đức kết một đoạn đường mà Chánh Pháp đã kinh qua để bước sang năm mới, chúng tôi xin chân thành cảm tạ chư tôn đức Tăng Ni, quý văn thi hữu, quý bạn đọc, quý thân chủ quảng cáo và Phật tử, đã hết lòng ủng hộ và cổ động cho sự sống còn và phát triển của tờ báo. Kính nguyện chư tôn đức thân tâm thường lạc, Phật sự viên thành. Kính chúc quý Phật tử luôn được tâm gột trong ánh sáng vi diệu của Phật Pháp, tâm bồ đề kiên định, vượt qua mọi khó khăn, khúc mắc, đạt được những niềm vui to lớn và chân thật trong cuộc sống.

Một lá thư mùa xuân nhân cuối năm cũ đầu năm mới, không thể nói hết niềm cảm tạ sâu xa của chúng tôi đối với chư tôn đức và quý Phật tử. Xin mượn hai câu trong bài kệ tán đức Quán Thế Âm Bồ tát để làm món quà mùa xuân dâng tặng quý liệt vị:

"Dương chi nhất trích chơn cam lộ

Tán tác sơn hà đại địa xuân"

Mà một bậc thầy của chúng ta đã dịch như sau:

"Cam lộ giọt nước cành dương rây

Nhuần thấm sơn hà cảnh sắc xuân."

Pháp Phật như cam lộ dịu ngọt rải xuống trần gian này. Mỗi người, mỗi chúng sanh, mỗi quốc độ, đều nhờ đó mà hạnh phúc, an lạc và tươi nhuận hơn như cây cỏ mùa xuân.

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ tát Ma-ha-tát

California, ngày 18 tháng 01 năm 2011

Chủ nhiệm,

Sa-môn Thích Nguyên Trí



ĐỨC PHẬT DI LẶC

Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ biên soạn

I. Thân Thế Ngài:

Ngài người dòng Bà La Môn ở Nam Thiên Trúc. Cha mẹ tên là Ba Bà Lợi. Ngài họ A Dật Đa, tên Di Lặc.

II. Ý Nghĩa Tên Ngài:

A Dật Đa dịch là Vô Năng Thắng, có nghĩa là sự tu hành và lòng từ bi ngài không ai sánh kịp. Di Lặc dịch là Từ-thị. Trước kia mẹ ngài là một người tâm địa không tốt, nhưng sau khi thọ thái ngài thì tâm trở nên hiền từ. Và lại trong kiếp trước ngài đã từng tu phép tu tâm tam muội, Ngài tu pháp ấy đến khi thành Phật, nên gọi Ngài là Từ-thị.

III. Tiền Thân Của Ngài:

Trong một kiếp trước Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, Ngài cùng Đức Phật Thích Ca đồng thời phát Bồ Đề tâm tu các pháp lành. Đến đời Đức Phật Nhựt Nguyệt Đăng, Ngài cũng xuất gia tu hành. Ngài có lòng Từ Bi, nhưng thiếu hạnh Tinh Tấn, nên khi Đức Phật Thích Ca thành Phật Ngài mới lên địa vị Bồ Tát Bồ Xứ, nghĩa là sẽ thành Phật trong một đời sau. Ngài được Đức Phật Thích Ca thọ ký sẽ thành Phật Di Lặc sau này tại Hội Long Hoa.

1. Hạnh Tu: Ngài tu theo pháp Duy Thức, không chấp vào danh tướng giả hợp, chỉ tin vào nhân duyên giả hợp mà phát sanh.

2. Hạnh Nguyện: Hiện nay Ngài ở cung trời Đâu Suất Nội Viện thuyết pháp độ chúng sanh. Nhờ hạnh nguyện rộng lớn của Ngài nên những ai sanh lên cung trời Đâu Suất Nội Viện thì không còn thoái hạ, nói năng loại sống đến tám vạn tuổi, ngài mới hiện sanh và thành Phật dưới Hội Long Hoa.

3. Một Hóa Thân Của Ngài: Ngài hiện thân làm vị Hòa Thượng tại đất Minh Châu huyện Phụng Hóa và lấy tên là Khê Tử. Minh Ngài rất to lớn, tánh tình hoan hỷ, nói năng khác thường, ngủ nghỉ không chọn sang hèn. Ngài thường mang túi vải đi khắp thực, đem về nuôi trẻ con. Người ta thường gọi Ngài là Bồ Đại Hòa Thượng (Hòa Thượng mang túi vải). Trước khi qua đời, Ngài có để lại bài kệ rằng:

"Di Lặc thiệt là ta
Phân thân như hăng sa
Thường hiện làm thường dân,
Mắt phàm không thấy ta".

IV. Biểu Tượng Và Lòng Quy Ngưỡng Của Phật Tử:

Hiện nay các chùa đều thờ tượng Ngài bên phải tay phải của Đức Phật Thích Ca. Rất nhiều nơi tạc hình Ngài thân thể to lớn, mặt mày vui vẻ, lại có sáu đứa con nít leo trên mình. Sáu đứa con nít biểu hiệu cho sáu thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) luôn luôn khuấy phá Ngài. Nhưng vì Ngài đã tu phép Duy Thức nên Ngài vẫn luôn luôn tự tại (thường chỉ thấy có 5 đứa trẻ trên tượng tượng trưng cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, còn Ý thì không thấy được).

V. Niệm Danh Hiệu Ngài:

Niệm danh hiệu hoan hỷ, vui tươi.
Cầu mong được Ngài hóa độ.
Mong được dự Hội Long Hoa để được Ngài Giáo Hóa.

MAITREYA BUDDHA

I. Biography:

He was a Brahman. He was named Di Lặc with a last name A Dật Đa. His parents were Ba Bà Lợi.

II. The meaning of his name:

- A Dật Đa - Most compassionate; diligent in practicing religion
- Di Lặc - He practiced the Wisdom Seal (Tam Muội) method in his past life and attained enlightenment in the past live.

In addition, his mother became benevolent and generous since the day he was conceived.

III. Past lives:

In one of his past lives, he and Gautama Buddha engaged in the practice of enlightenment. Since he lacked self-perseverance he only became a Buddha to Be when Gautama actually became a Buddha. He will be the future Buddha when the time is right for him.

1. His Beliefs: His method of practice was Consciousness-only which he did not believe in the true existence of all things. He believed in the chain of causes and effects in which a thing existed.

2. His Wishes: He is now living in the highest level of the Heaven and teaches his methods to the beings who live there. Due to his pledge, anyone who lives there will advance and will not receive punishment. Until a person on earth reaches 80,000 years old, Di Lặc Buddha will then become a Buddha.

3. One Of His Appearances: He appeared in Minh Châu, China and played as a venerable Khê Tử. His physique was huge. He was always happy. He spoke differently. He could rest at almost any place that rest could be found. He usually begged for food to feed the children in town. People usually called him "Bồ Đại Hòa Thượng". Before he passed away, he left behind a few words:

"I am truly Di Lặc.
My appearances are infinite
I usually appear as a common citizen.
Nobody actually sees the image of me".

IV. His Images in Buddhism:

His statue stands on the right side of Gautama Buddha. It has been mold with a huge body and a happy face with six kids hanging from his body. These kids are symbolic of the trouble caused by the six senses (eye, ear, nose, tongue, body, thought). Since he had achieved Duy Thức, he remained calm and happy.

V. Vowing His Name means:

Learn how to forgive
Learn how to stay happy
Try to be his follower.

GIỚI THIỆU CD TỪ BI CA với tiếng hát HOÀNG ĐÌNH NGUYỄN

- Nhằm gây quỹ giúp các chùa, các chương trình từ thiện, trẻ em khuyết tật, mồ côi, v.v...
*Xin hãy đến cho nhau nụ cười
Xin hãy đến cho nhau tình người
Xin hãy nói yêu thương một lời
Xin hãy tốt với nhau cho đời nở hoa*
- CD có bày bán tại LÂM VIDEO (714) 539-5709 / 10242 W. Westminster Ave., Garden Grove, CA 92643 (đối diện Bò 7 Món Ảnh Hồng, trong khu phố 54)
- hoặc liên lạc HOÀNG ĐÌNH NGUYỄN (714) 603-3676 / Email: hoangdinhnguyen10@yahoo.com / 9353 Bolsa Ave., F 46, Westminster, CA 92683
- Nếu các chùa chiến hoặc bất cứ chương trình từ thiện nào cần sự giúp đỡ, xin liên lạc Hoàng Đình Nguyễn (714) 603-3676

Từ Bi Ca 1
HOÀNG ĐÌNH NGUYỄN

01. Đi Tìm Hạnh Phúc (Nhạc và lời Miền Du Đà Lạt)
02. Mẹ Hiền Quan Thế Âm
03. Phật Là Ánh Từ Quang (Nhạc và lời Phi Long)
04. Kính Phật
05. Trăng Tròn Tháng Tư (Chúc Linh)
06. Tình Cha (Ngọc Sơn)
07. Nhanh Dương Cứu Khổ (Thơ & Nhạc Trương Khánh)
08. Kính Pháp Hoa (Chúc Linh)
09. Sám Hối
10. Mẹ Là Phật (Thơ Thanh Trí Cao - nhạc Võ Tá Hân)
11. Quan Âm Ngàn Mắt Ngàn Tay (Thơ Nguyễn Hạnh - Nhạc Hoàng Tường)
12. Xin Hãy Cho Nhau Nụ Cười (Nhạc và lời Miền Du Đà Lạt)

Độc Quyền Sản Xuất :
HN Entertainment
Tel: (714) 603-3676
email: hoangdinhnguyen10@yahoo.com
9353 Bolsa Ave. #F46 Westminster CA 92683
© Copyright 2011 by HoangDinhNguyen. All rights reserved

photos: Lamours Studio
Record & Mix: J.M.Le
Made in U.S.A.

XUÂN VỀ TRÊN BÃI CỎ THU

Hoàng Mai Đạt

*Xuân vừa về trên bãi cỏ non
Gió xuân đưa lá vàng xuôi nguồn
Hoa cười cùng tia nắng vàng son
Lũ ong lên đường cánh tung tròn.*

Không biết mấy ông, mấy bà nhà văn khác thì sao, riêng tôi, mỗi lần nghe bài "Hoa Xuân" của nhạc sĩ Phạm Duy, tôi cảm thấy rợn người, ớn lạnh xương sống, tóc tai rối bời. Tóc rối là vì bị bàn tay gãi, vuốt, thậm chí còn bị bút viết vãi cọng trong suốt mấy tiếng đồng hồ "động não." Tôi không nghe "cỏ non" với "hoa cười" nở rộ trong mấy ngày Tết, mà nghe vắng vắng từ mùa hè lặn, nghe ở trong đầu. Cứ đến mùa thu, hay viết cho văn về hơn ố mỗi độ thu về, lá vàng rơi xào xạc, nghe đâu đây tiếng nai vàng ngơ ngác, chúng tôi thường nghe mấy chủ báo, chủ bút nhắc nhở một cách lịch sự, ân cần "Nhớ cho một bài xuân, nhé," hoặc thúc dục, khẩn trương hơn, "Ê! Bài xuân đâu sao chưa thấy?"

Họ làm báo xuân sớm lắm. Thu mới về, lá vàng chưa rụng cái nào, cuống còn dính cứng đờ, chim di chưa bay tìm phương trời ấm, vậy mà lũ thợ viết chúng tôi phải ngồi trần trổ trên ghế, nặn đến móp óc, nghĩ ngợi lung tung để viết bài Tết, tưởng tượng cảnh mùa xuân, hoa cúc hoa mai nở rộ, ông nội tia chậu thủy tiên, bà ngoại đun nồi bánh chưng, cha mẹ lì xì các con, chim én lượn bay đây trời. Tôi viết bài này vào giữa tháng 11 dương lịch, mãi đến tháng Hai năm sau mới đến Tết âm lịch.

Hầu như năm nào tôi cũng được nghe đấm ba chủ báo nhắc "Nhớ cho một bài xuân." Mỗi lần như thế tôi liền "lên đường cánh tung tròn" mà vẫn không sao viết kịp một bài xuân trước thời hạn. Lòng khó tưởng tượng những rộn ràng, hứng khởi trong không khí ấm áp của mùa xuân khi mà hơi lạnh se se của mùa thu chỉ vừa mới đến. Cũng có khi tôi thử nghiệm, bắt đầu "sáng tác" bài xuân trong mùa hè nóng chày mồ hôi, vừa mặc quần đùi, áo thun vừa mơ tưởng trời xuân lạnh lạnh, hy vọng viết kịp trước cuối năm để có bài nộp cho chủ báo.

Tính viết sớm như vậy mà viết cũng không nổi, không hiểu tại sao. Tôi từng có ý định dành hết một mùa hè để viết mấy chục bài xuân cất để dành. Đến cuối năm ai hỏi thì mình "cho" liền một bài. Kể cũng lạ. Mấy chủ báo thường nói "Nhớ cho một bài xuân," không nói "Nhớ bán một bài xuân." Hèn gì đám người viết chúng tôi chỉ viết lấy tiếng, ít khi được trả tiền. Bữa nào chắc phải làm thống kê, xem nhà văn nào "cho" nhiều bài xuân nhất trong lịch sử văn chương Việt Nam.

Tôi cũng nghiệm thấy cách hay nhất cho ai mới bước vào nghiệp viết, muốn mau thấy tên mình in trên trang báo, là ráng tập viết bài xuân. Loại bài này để có báo tiêu thụ, như

người Việt mình ở đâu cũng tìm đến một tiệm phở hoặc quán bánh mì, ngon dở gì cũng ăn hết ráo. Năm nào người ta cũng in, mua, đọc báo xuân, cho dù sống ở những địa phương có ít người Việt. Mấy nhật báo, tuần báo nổi tiếng, nguyệt san văn chương ra báo xuân đã đành, các hội đoàn cũng réo gọi hội viên gom bài in tập san xuân. Nhiều hội chỉ có một sinh hoạt văn hóa duy nhất trong năm là ra báo Tết. Viết bài xuân, sáng tác thơ xuân chắc chắn sẽ có báo đăng. Nếu bị báo văn học làm ngơ, báo lá cải không đăng, bạn cũng còn mấy hội ái hữu để gửi bài, chưa kể vô số trang Internet, đứng lo.

Trong quá trình "sáng tác," tôi cố gắng lòng kiếm những ý tưởng, kỷ niệm liên quan đến xuân. Từng ý niệm đến rồi đi, rồi trở lại, xong lại đi, cứ vậy mà quay vòng ở trong đầu từ mấy ngày liền, khiến tôi bị kiệt sức mà viết vẫn chưa xong. Bị những ý tưởng quần thảo tới bởi cũng giống như bị nghe nhạc xuân quá độ. Người Việt mình có mấy chục ca khúc xuân, ngang ngửa với người Mỹ viết nhạc Giáng Sinh. Cả tháng trước ngày Tết, ngay sau khi giầy gói quà Nô En vừa bị xé rách, nhạc xuân được thổi lên khắp khu phố Bolsa. Người ta mở nhạc xuân lúc lúc siêu thị mới hé cửa cho đến lúc tiệm tắt đèn. Còn đài phát thanh thì khỏi nói, chạy nhạc xuân suốt ngày suốt đêm, bất kể máy radio tắt hay mở, thính giả ngủ hay thức, bươm một chuỗi dài liên khúc vào không khí Tết ở Bolsa.

*Đón xuân này tôi nhớ xuân xưa /
Một chiều xuân em đã hẹn hò / Mẹ ơi,
hoa cúc hoa mai nở rồi / Mà con xuân
này vẫn còn xa xôi / Anh cho em mùa
xuân / Nụ hoa vàng mới nở / Chiều
đông nào nhưng nhớ / Xuân đã đến rồi
reo rắc ngàn hồn hoa xuống đời, Xuân
còn thơm tươi, anh còn mong chờ, ái
ân kéo tàn ngày mơ, Xuân đến hoa mơ
hoa mận nở / Gái xuân gửi lụa trên
sông Vân, Đón giao thừa mùa phiêu gác
đêm / Chào xuân đến sừng xa vang
rền, Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi
nơi / Mừng anh nông phu vui lúa thơm
hời...*

Tôi lan man tự hỏi, không biết mấy nhạc sĩ sáng tác nhạc xuân lúc nào, có phải từng "nâng chén" say khướt giữa mùa hè nắng gay gắt hay không. Có khi kẹt quá tôi phải lấy bài cũ cho đăng lại sau khi thêm thắt vài câu mào đầu.

Năm nay tôi cố gắng viết bài mới, không xào lại bài cũ. Xào riết chữ nghĩa bị nhừ nát, hết còn quyến rũ với màu sắc xanh tươi. Chủ báo đề nghị viết về chủ đề "xuân và tuổi trẻ, or something like that." Xuân đi với tuổi trẻ là đúng rồi, chủ đề này ăn chắc, thêm câu tiếng Anh vô là thấy ngay tuổi trẻ ở xứ Mỹ, thời đại ra phết. Chưa thấy ai in báo Tết với chủ đề "xuân và tuổi già," "xuân với mấy cụ cao niên," "xuân và tình già," hay "xuân sắp xuống lổ." (Biết đâu có tờ báo văn học nào đó muốn kiểu cọ lạ đời, đưa ra chủ đề "xuân vắng sanh cực lạc," hoặc "xuân trong quan tài," kêu gọi bà con lớn tuổi

cồng lưng sáng tác.)

Xuân và tuổi trẻ. Trẻ và xuân. Hơn hai mươi năm trước tôi còn trẻ lắm, xuân tình phơi phới, không biết đi đâu sau khi tốt nghiệp đại học với cái bằng cấp tầm thường, liền lon ton lái xe từ Pennsylvania xuống California, tìm miền nắng ấm để phơi bày tình xuân hừng hực của mình. Hồi đó mới có hai mươi sáu, hai mươi bảy tuổi. Vậy mà tôi tự xem mình già dặn lắm, nguyện đem lòng này dâng hiến cho lý tưởng phục vụ tha nhân, đóng góp vào nỗ lực xây dựng cộng đồng ở khu phố Bolsa.

Thời ấy nhật báo Người Việt chưa có nhiều nhân viên ăn lương như bây giờ. Nhìn lại, tôi quả thật còn ngây thơ như trai tơ mới lớn, tưởng báo này sẽ chẳng bao giờ khá về tài chánh, nên tình nguyện làm "phục vụ viên," tập tành viết tin cộng đồng. Với năng lực của trai xuân đời dào trong cơ thể, mỗi ngày tôi chỉ cần ngủ vài tiếng đồng hồ, làm việc ở xưởng, cuối tuần sách máy chụp hình đi săn tin cho nhật báo. Bolsa ngày ấy cũng lắm chuyện như bây giờ. Nào là biểu tình chống bán vé du lịch về Việt Nam, nào là văn nghệ đấu tranh cho quê hương, nào là đòi hỏi dụng và bảo vệ bảng chỉ hướng Little Saigon. Nghề cuối tuần này đôi khi khá nguy hiểm. Tôi suýt bị đánh hội đồng lúc bấm hình một vụ biểu tình chống chiếu phim từ Việt Nam vì bị tưởng lầm thành phần thân cộng. Người ta tưởng tôi chụp hình đám đông làm tài liệu để gửi về cho mấy ông lãnh tụ bên ấy chiêm ngưỡng.

Nhưng bù lại công việc chụp hình đôi lúc cũng đem đến cho tôi nhiều niềm vui thích. Đó là trong mấy ngày Tết, nhất là tại hội chợ xuân. Năm đó Người Việt là nhật báo duy nhất ở Bolsa, chưa có dàn phóng viên chuyên nghiệp, hăng hái đi săn tin để cạnh tranh với hai tờ khác như ngày nay.

Một mình một chợ, tha hồ quậy, tôi chụp cảnh múa lân, diễn hành Tết lung tung xềng trên đường Bolsa, lễ quốc tổ hương khói thiêng liêng trên sân khấu, võ sinh múa bài quyền, nữ sinh múa nón lá, doanh gia đốt pháo loạn xạ. Nhiều bức ảnh Tết do tôi chụp từng được đăng không hẳn vì tôi là thợ giỏi, mà vì nhật báo không có ai khác chịu đi ra ngoài săn tin. Bây giờ nhìn lại mấy tấm hình xưa mà thấy "quê" muốn chết, tự tiếc phải chỉ chụp được khá hơn.

Cũng có vài tấm hình mà tôi chưa thấy xấu hổ, cho dù chụp thiếu ánh

sáng, góc cạnh chưa chỉnh: hình trẻ em trong mấy ngày Tết. Đối với tôi, đám thiếu nhi luôn dễ thương, hồn nhiên, rất dễ chụp hình. Chúng cười, chúng khóc, chúng giỡn, chúng ăn kẹo, chúng giành đồ chơi, chúng chạy, chúng la, hành động nào của các em dưới năm hoặc sáu tuổi đều ngộ nghĩnh, đáng yêu.

Tôi dễ bị thu hút bởi trẻ em, nhất là mỗi khi tâm bị bất an. Những lúc có chuyện phiền não, chưa biết giải quyết ra sao, tình cờ lái xe ngang một vườn trẻ hoặc một lớp mẫu giáo, thế nào tôi cũng dừng xe, chăm chú quan sát các em nô đùa, chạy giỡn một hồi lâu. Chuyện phiền toái nào rồi cũng sẽ hết, một ngày rồi cũng sẽ trôi qua. Nếu dành hết một ngày để âu lo về chuyện rồi rằm riêng tư, tôi có thể lãng phí một buổi bình minh mây trời rạng rỡ, một buổi trưa nắng hanh êm ả hoặc một buổi hoàng hôn với những cụm mây dịu vợ tím hồng. Mỗi khi thấy các em nô đùa ở một nơi nào đó, tôi tự nhắc mình hãy hồn nhiên như trẻ thơ, sống trong giây phút này, tận hưởng một chút bình yên trong tâm hồn trước khi giờ chơi của cuộc đời đến hồi chấm dứt.

Có lẽ vì thích trẻ thơ nên tôi không thấy chán chụp hình các em. Dọc theo lộ trình diễn hành trên đường Bolsa hoặc trong hội chợ Tết, lần nào tôi cũng bấm được vài chục tấm ảnh các em bé Việt Nam. Mấy em gái trông như búp bê trong những tà áo dài màu hồng hoặc màu vàng tươi sáng; mấy em trai mặc áo dài xanh, đội khăn đóng đi đứng nghiêm chỉnh như người lớn. Mỗi khi nhận ra các em bộc lộ sự hồn nhiên, tạo ấn tượng khác thường, tôi liền bấm máy với hy vọng "bắt" được một hình ảnh chỉ xảy ra trong tích tắc. Có lần tôi thấy bốn, năm em trai mặc áo dài chạy rượt nhau như giặc ở hội chợ Tết. Các em một tay nắm ống quần cho khỏi vấp té, tay kia cầm khăn đóng để gõ vào đầu một em khác. Có lần thấy một đám bé gái mặc áo dài rất xinh đẹp, ngồi xõm quay quần tán dóc, môi cũng cong cớn không thua mấy bà ở trong chợ.

Như hầu hết những nhiếp ảnh viên tài tử, đeo máy lưng lẳng trên vai để "giật le," tôi thường "bắt hụt" thay vì "bắt dính" mấy hình ảnh tươi chất sống đó, hoặc thấy ngay trước mắt nhưng "bắt" không kịp. Cũng có lần thấy một sự kiện độc đáo diễn ra ngay trong tầm nhắm mà lại không còn tâm trí để bấm máy vì nó xảy ra cho con gái của tôi.



Năm đó vợ chồng tôi đưa ba đứa con đi dự một hội chợ Tết được tổ chức ở bãi đất phía sau một siêu thị nằm trên đường Bolsa, đối diện khu Phước Lộc Thọ. Lúc ấy người ta chưa xây chung cư hoặc đặt mấy chục tượng nhân như bây giờ.

Hôm đó cô bé bốn tuổi của chúng tôi được mặc áo dài như mẹ. Con bé vận áo dài hồng, đeo chuỗi hạt trắng, nổi bật trong gia đình chúng tôi. Nó được chú ý hơn hết một phần vì dễ thương như con búp bê, một phần vì hơi lùn, cao chưa tới ba phần tư thước, bụng phưỡn ra tròn úm như cái trống trong chiếc áo dài, trông giống một bà cụ Bắc Kỳ. Buổi dạo xuân hôm đó diễn ra vui vẻ, êm thấm cho đến khi con bé được chơi trò đi xe lửa cùng với các em bé khác. Nó được xếp ngồi cùng toa một bé gái có vẻ nhỏ tuổi nhưng lớn xác hơn. Xe lửa chạy lóng vòng, thỉnh thoảng được rung chuông leng keng và kéo còi nghe rất vui tai. Các em bé ngồi trong ghế vẫy tay chào cha mẹ trong lúc người lớn đứng bên ngoài bấm máy ảnh chụp hình con lia lịa.

Tôi cũng bấm được vài tấm trước khi biển cổ xảy ra. Con bé ngồi đối diện con gái tôi bỗng vói tay hăm hở sờ sẫm rồi muốn giứt chuỗi ngọc. Cô con gái nhỏ bèn rút rờ nhút nhát của tôi một tay nắm vòng chuỗi, một tay vịn thành xe lửa, ngồi yên chịu đựng. Được vài giây thì nó bắt đầu mếu, muốn khóc. Đang quan sát con qua máy chụp hình, tôi nhận ra ngay tình trạng bất an của con. Có lẽ vì bản năng làm cha, tôi ngưng chụp hình ngay tức khắc. Khi đoàn xe lửa chạy sát nơi tôi đứng, tôi thấy con gái cứng nước mắt rưng rưng, môi mếu máo sắp bật khóc thành tiếng trong lúc cha mẹ của con bé kia đã không can gián gì mà còn cười như hải lòng với hành động ngang tàng của con họ, trông phát ghét. Nóng ruột quá, tôi liền la lớn cho ông Mỹ làm việc tại trò chơi xe lửa, yêu cầu ông hãy ngưng xe ngay. Chưa đợi ông ta cho phép, tôi mở cổng chạy đến toa xe của con. Vừa được tôi bế lên ngực, con bé òa lên khóc, chùi hết nước mắt, nước mũi và luôn cả nước dãi lên áo của cha.

Mười mấy năm trôi qua, con tôi nay đã lớn, hoàn toàn không nhớ biển cổ đắm lệ trên chuyến xe lửa đầu xuân năm ấy. Hình ảnh chuỗi ngọc cũng phai mờ dần trong trí nhớ của tôi. Nếu còn một tấm ảnh thì may ra tôi nhớ được những chi tiết khác đậm nét hơn. Giờ đây con tôi đang ở tuổi muốn lánh xa chúng tôi, chuộng sự riêng tư bên ngoài ánh mắt theo dõi của cha mẹ. Trong khi đó chúng tôi chưa muốn dứt lia với những kỷ niệm vui cũng như buồn, những ấn tượng về thời thơ ấu của con.

Thời thơ ấu đó cũng là thuở thanh xuân, tuổi trẻ của chúng tôi, nhìn lại từ lứa tuổi trung niên lúc này. Mùa xuân năm nay tôi sẽ rủ vợ đi xem diễn hành, múa lân, nghe đốt pháo, dự hội chợ Tết như mọi năm. Các con đã trưởng thành hay ít ra đều muốn độc lập, mỗi đứa có nhóm bạn riêng để rủ rê, vui chơi trong ba ngày Tết, thành thử chỉ còn hai vợ chồng để dắt tay, chia sẻ những ngày xuân sắp đến. Khác với mấy năm trước, mùa

xuân năm nay tôi không chỉ ao ước một năm mới đầy bình an, thịnh vượng đến với mọi người, mà còn xem đây như là một mùa xuân cuối cùng của đời mình. Tôi từng nghe một vị thầy giảng về ngày cuối cùng, về giây phút lâm chung trong cuộc sống. Từ đó tôi chợt nghĩ mùa Tết năm nay cũng có thể là mùa xuân cuối cùng trong cuộc đời của tôi. Ý niệm ấy bỗng dấy lên trong tôi một niềm vui khôn tả.

Ngày trước, nếu biết mình đang bị ung thư hoặc bị một chứng bệnh ngặt nghèo nào đó, chỉ còn vài tháng để sống, chắc chắn tôi sẽ buồn, sẽ khóc vật vã trên giường như con tôi từng khóc nức nở trên vai bố. Tôi sẽ thấy tiếc cuộc sống, mong được tận hưởng hết những thú vui, cảnh lạ trên thế gian, muốn được ăn những món thật ngon, sống ở nơi thật mát mẻ, muốn du lịch những danh lam thắng cảnh mà tôi từng nghe nói. Bây giờ thì khác.

Nếu biết mình chỉ còn một mùa xuân để sống, chắc chắn tôi sẽ quên đi những chuyện phiền não, khổ đau trong đời thường, quên những kẻ từng hãm hại, gây những vết thương nhức nhối trong lòng mình, quên chạy đua với thời gian để gom tiền bạc cất trong ngân hàng, quên những đêm thức đến sáng để viết một truyện ngắn tuyệt tác, để bán được sách, đặt danh vọng trên đài văn chương. Quên hết! Một khi đã chết thì mớ tiền tài, lòng thù ghét, hay tên tuổi đăng trên báo không còn ý nghĩa gì hết.

Nếu biết đời mình chỉ còn một mùa xuân, tôi sẽ cố gắng sống sao cho mùa xuân đó có ý nghĩa nhất trong tất cả những mùa xuân mà tôi từng có. Tôi sẽ thương yêu mọi người, mọi vật, biết rằng ngày mai không chắc mình còn sống để nở một nụ cười với muôn loài, với bất cứ ai. Vừa tự khuyên mình đừng giận ai, đừng thù ai, đừng hại ai, đừng nghĩ xấu người khác, lòng tôi bỗng cảm thấy vui lạ kỳ, như mình vừa tự tháo gỡ một mớ bong bóng từng đè chiu trong lòng từ bấy lâu nay. Mới nghĩ đến thôi mà đã thấy vui, vậy nếu thực hiện được những điều đó trong mấy ngày Tết sắp đến thì còn sung sướng nào bằng.

Vợ tôi từng trách tôi có tật nói gở. Thế nhưng khi nghe tôi giải thích "lần năm tay dạo Tết năm nay không chừng là lần cuối cùng, vậy em hãy nắm tay anh thật chặt, truyền cho nhau hơi ấm từ trái tim, tỏa ánh mắt thương yêu đến mọi người," nàng không còn thắc mắc rằng tại sao mấy bữa nay thấy tôi thường ngồi suy tư, có lúc mím cười nhìn vợ như đang vui với một ý nghĩ mới, không chừng một ý nghĩ bậy bạ, ở trong đầu.

Giờ chơi của cuộc đời sẽ có lúc phải chấm dứt, nên tôi muốn vô ưu như một em bé thơ ngây. Tết năm nay sẽ là một mùa Tết rạo rức, trẻ trung, hạnh phúc nhất mà tôi từng có vì tôi vừa tìm lại tuổi trẻ hồn nhiên ở trong tôi. Nếu bạn không ngại đón nhận, xin chúc bạn cũng có một mùa xuân đầy ý nghĩa thương yêu như một mùa xuân cuối cùng của cuộc đời.

Lúc nhắc tôi viết bài cho báo Tết, chủ bút có dặn thêm một câu với nụ cười cầu tài, "Nhớ viết vui vui nha." Tôi e rằng với khả năng "giúp vui" khiêm tốn của tôi, một bài xuân được viết vào giữa tháng 11 như thế này chỉ có thể "vui vui" đến mức đó mà thôi. ■

NĂM XÔI GẮC QUÊ NHÀ

Lê Bích Sơn

Tôi về thăm nhà giữa mùa bão lũ. Sau ba năm xa cách, những nếp nhăn thay nhau xếp hàng trên khuôn mặt Mẹ, còn tóc tôi cũng bắt đầu ngả màu vì những 'lao tâm' ở xứ người.

Mẹ bảo, Mẹ muốn làm 'nhà tài trợ chính' cho một chuyến đi xa. Em tôi nhanh chóng đặt vé, và Mẹ con tôi khăn gói lên đường.

Vào đến Sài Gòn nghe tin gió bão, Mẹ bồn chồn bảo nhỏ em: "Bật tivi lên coi tin tức ngoài quê..."

Ngày ra phi trường Tân Sơn Nhất, trời Sài Gòn mưa gió lớn, tôi cười: "Mấy người miền Trung đi đâu mang mưa gió tới đó hén..." Mẹ cười buồn hiu hắt...

Qua đến Bangkok, Mẹ lại bảo: "Bật tivi lên tìm thử có kênh nào nói về tin tức Việt Nam không..."

"Ở đây toàn kênh tiếng Anh không à, chắc gì có. Má có nghe được tiếng Anh đâu..." tôi trả lời vì muốn Mẹ quên đi những điều lo âu của những người miền Trung mùa bão. Mẹ nói: "Không nghe thì cũng coi được hình..." Tôi ngồi bấm cái 'remote' khoảng 15 phút, kênh NHK của Nhật quả thật có nói về tin Việt Nam bị bão lớn. Mẹ ngồi xem im lặng...

Mấy ngày sau, trên chuyến tàu từ Butterworth - Malaysia về Bangkok -

Thái Lan, đến Hat Yai của đất Thái thì tàu huỷ lịch trình, vì Hat Yai bị lụt lớn. Mẹ con tôi mua vé chuyển xe tốc hành về Bangkok để kịp chuyến bay về lại Sài Gòn. Trên xe tôi chọc Mẹ cười: "Chắc trận lụt này do mấy người miền Trung kéo sang quá..." Mẹ cười buồn tênh như nắng chiều đất Thái...

Về đến Sài Gòn, Mẹ bảo mua vé xe gấp để Mẹ về quê... Hôm sau tôi nhận được cuộc điện thoại từ Mẹ: "Cây cối sau vườn đổ nát hết rồi. Giàn gác Má trồng để Tết cũng ngã đổ..." Tôi ậm ừ: "Thì việc cũng đã rồi, lo nhiều cũng vậy thôi Má!"

Hôm sau, tôi chạy ra Bến xe Miền Đông nhận 'hàng' Mẹ gửi trước lúc tôi trở lại Mỹ. Bên trong 'gói hàng' là một bịch xôi gấc và mấy dòng chữ Mẹ tôi viết vội: "...Đây là xôi gấc cây nhà lá vườn của Má nấu, con ăn để nhớ quê nhà..." Tôi đã ăn năm xôi gấc ấy với một chút vị mặn của nước mắt chính mình...

Chiều cuối năm xa xứ, đất Mỹ đâu thiếu những món ăn truyền thống Tết Việt Nam... Tự nhiên tôi lại thêm một năm xôi gấc của quê nhà!

Hoa Kỳ, một ngày cuối năm Canh Dần



MỸ HUYỀN

Buổi sáng đầu năm

(Cảm ơn cánh én)

*Buổi sáng đầu năm đi tìm bút
Nghĩ rằng sẽ vẽ một nhánh mai
Ngờ đâu bút kia đã hết mực
Nên đành vẽ mộng một tương lai*

*Tay nâng cầm, tay xoay tà bút
Dõi mắt ra tuyết phủ đầy hiên
Thời gian âm thầm trôi từng phút
Kết thành một chuỗi nỗi niềm riêng*

*Bao hoài bão, ước mơ, khát vọng
Cứ đâm chồi như nụ tầm Xuân
Nương trong nắng nở hoa mơ mộng
Cho hồn ta một thoáng băng khuâng*

*Là lối hoa tuyết rơi theo gió
Nhuộm trắng trời Đông-Xuân ngủ vùi
Xa xa mờ nhạt đôi én nhỏ
Cánh mỏng chở đầy những niềm vui*

*Riêng ta ngồi đây mơ với mộng
Vẽ với lý tưởng vào hư không
Vô tình khởi lên muôn vọng động
Thẹn lòng với cánh én bên song*

*Chợt ngộ tương lai là hiện tại
Vội vàng khép mắt phút tịnh tâm
Hỡi bao vọng tưởng mau dừng lại
Ngày Xuân khai bút là khai tâm*

*Kiếp này xin nương theo Đạo pháp
Nguyện trái rộng lòng với chúng sinh
Như vạt nắng vẫn hoài ấm áp
Dẫu gió Đông lạnh lẽo vô tình*

*Khẽ mở mắt chào bình minh
Tâm ta một đoá xinh xinh sắc vàng...*



LỜI NGUYỆN CẦU MÙA XUÂN

Lam Khê

Mỗi sáng khi cầm chổi quét sạch những chiếc lá rụng đầy trước sân chùa, tôi thường tự hỏi: Người ta nếu không vì mục đích nào đó mà phấn đấu, để tin yêu thì cuộc đời này ắt sẽ nhàm chán lắm. Cũng như công việc tôi đang làm đây vậy. Mỗi sáng chiều ngoài giờ tụng niệm, tôi chỉ lo quét dọn gom lá đem vào cho nhà trù đun nấu. Những chiếc lá vàng cứ vô tư rơi rụng từ hạ sang đông, chắc cũng thấy mình có ích đôi chút khi được góp phần tu tạo phước điền trong cảnh Già Lam yên tịnh.

Lâu dần tôi cũng quen và cảm thấy thích thú với công việc chấp tác thường ngày. Chẳng là khi mới vô chùa, quý sư cô luôn bảo với tôi rằng: "Khi cầm chổi quét sạch rác chính là con đang quét sạch tâm mình. Hằng ngày tâm người ta phải chịu sự tác động của cuộc sống nên bụi trần dễ bám vào. Chỉ có người biết nhìn lại mình qua mỗi công việc, mỗi động tác, thì mới có thể giữ tâm cho thật trong sạch, thanh tịnh..."

Tôi chẳng biết mình có quét sạch hết những bụi bám trong tâm hay không. Nhưng sáng sớm được hít thở bầu không khí trong lành mát dịu, được ngắm nhìn vài cụm mây trắng bay lơ lửng trên không, lòng cảm thấy thật khoan khoái dễ chịu. Cũng lắm khi nhìn lướt qua khuôn viên của mình, tôi lại ngẫm nghĩ đến những chiếc lá vàng tội nghiệp quanh năm

chỉ biết rơi rụng theo chiều gió, mà thương cho những phận đời trôi nổi. Những lúc ấy, vừa cầm chổi quét tôi vừa tâm niệm nguyện cầu cho cuộc sống quanh mình luôn được chở che dưới ánh đạo từ bi an lạc.

Suốt tuần lễ này, trời cuối đông bỗng dưng trở lạnh. Vậy mà khi vừa bước ra sân tôi đã thấy có người đang quỳ lạy trước đài Quan Âm. Cảnh chùa vùng quê yên tĩnh, ban đêm ít khi đóng cổng rào. Trước sân chùa có một ao sen nhỏ, nơi ấy tọa lạc một đài Quan Âm lộ thiên trông rất uy nghi trầm mặc. Mỗi ngày sau khi quét dọn xong, tôi thường đến trước Bồ Tát khấn nguyện. Ngài là vị hóa thân chắc chắn sẽ có mặt khắp nơi để nghe hết những lời nguyện cầu tha thiết của chúng sanh. Chúng sanh có vô biên chướng nghiệp, Bồ Tát cũng nguyện đem vô lượng từ tâm ra cứu độ.

Bồ Tát cứu độ chúng sanh thì đâu còn phân biệt màu da quốc tịch. Vì thế mà lúc này đây... trước mặt tôi lại xuất hiện một cô gái ngoại quốc. Cô bé có khuôn mặt thơ ngây bầu bĩnh với làn da trắng trẻo, đôi mắt xanh to cùng mái tóc màu vàng hoe được thắt bím gọn gàng. Cô vận áo thun trắng quần tây xanh - kiểu đồ thể thao, chân mang giày bata. Dân quanh vùng sáng sớm đi bộ cũng thường ghé vào chùa lễ lạy cầu nguyện trước đài Quan Âm. Nhưng đây là lần đầu tiên tôi gặp một người nước ngoài xa lạ đến lễ Phật hết

sức thành kính như vậy. Sự thành kính của cô lại biểu lộ một vẻ bi hoài thương cảm. Cô gái hầu như không thấy nghe những gì đang xảy ra quanh mình, ngay cả tiếng chổi quét xào xạc vang trên nền đất sỏi cũng không làm cho con người đang quỳ kia chú ý ngẩng đầu nhìn lên.

Mấy ngày liền tôi vẫn không thể trò chuyện với cô gái lạ, bởi một lẽ... e ngại ngôn ngữ bất đồng. Hơn nữa, tôi sợ khuấy động sự thành tâm của cô, sợ làm cho đôi mắt xanh ngóng như chú nai tơ phải ngẩn ngại không thể bày tỏ hết nguyện ước của mình giữa chốn tôn nghiêm. Khi trời sáng hẳn, cô đứng dậy khẽ cúi đầu chào tôi, nói lí nhí vài câu cảm ơn bằng tiếng Việt rồi lặng lẽ ra về. Mọi việc rồi cũng trở lại bình thường khi cô không còn đến chùa mỗi sáng nữa. Tôi lại chú tâm vào công việc của mình. Thỉnh thoảng nghĩ đến cô như một bông hoa lạ bỗng lạc loài vào tận thôn trang vắng lặng mà vẫn giữ được dáng vẻ vững vàng tự tin. Một cô gái đến từ phương xa, khác hẳn về phương ngôn sắc tộc. Nhưng tôi vẫn thấy ở cô toát lên một phong cách của người Á đông qua sự thành kính lễ lạy, qua ánh nhìn của đôi mắt có chiều sâu thăm thẳm.

Sáng nay khi tôi đang chuyên chú vào việc quét sân thì cô gái hôm nọ lại đến. Cô đi cùng một phụ nữ, chắc là người ở vùng này.

- Thưa cô! Đây là Lisa, cháu gái của tôi từ Pháp về - Người đàn bà khẽ chào tôi và nói - Nó bảo tôi dẫn đến đây để cảm ơn cô trong mấy ngày đến chùa cầu nguyện. Lisa nói tiếng Việt chưa rành lắm. Bà ngoại cháu là người ở đây nên thỉnh thoảng cháu cũng theo mẹ về thăm quê ngoại.

Lisa, cái tên nghe thật hay. Tôi nhìn cô bé, lúc này không còn nét ngại ngần, nhưng trong đôi mắt trong xanh ấy cứ dấy vọng những nỗi buồn xa vắng nào đó. Cô nói chuyện với âm giọng trầm buồn lơ lửng, tôi phải cố gắng nghe và suy nghĩ mới đoán hiểu.

- Hôm nay Lisa đến để từ giã cô. Đáng lẽ Lisa và mẹ ở lại ăn Tết cổ truyền với ngoại, nhưng vì lý do đột xuất, phải theo mẹ trở về vào ngày mai.

- Dường như Lisa có điều gì buồn lắm thì phải. Chắc tại cảnh vật ở miền quê này chẳng có gì thú vị...

- Không, Lisa thích ăn tết với ngoại lắm. Lisa muốn được đến chùa cầu nguyện. Ở đây Lisa cảm thấy yên ổn thoải mái vô cùng. Lisa vẫn buồn vì...

Cô bé nghẹn lời... Đôi mắt buồn ảm chứa nhiều tâm sự như tôi đã đoán ra ngay từ lúc mới gặp. Rồi người dì kể lại câu chuyện về cô cháu gái. Bố Lisa làm việc cho một hội từ thiện quốc tế. Ông đi nhiều nơi. Đến các vùng bị thiên tai động đất hoành hành, đến cả những nơi chiến sự đang nóng bỏng để cứu trợ giúp đỡ mọi người. Và trong chuyến đi định mệnh đầu mùa xuân năm ngoái, ông bị bọn khủng bố sát hại cùng nhiều người khác. Lisa suy sụp sau cái chết của bố, và gần như mất hết phương hướng, niềm tin vào cuộc sống. Cô bé bỏ luôn kỳ thi đại học. Người mẹ phải đưa con về quê ngoại cho khuấy khỏa.

- Lisa rất thích nghe ngoại tụng kinh. Dù không hiểu gì nhưng Lisa thấy tâm hồn mình được nhẹ nhàng yên tĩnh, với bớt nỗi thương tâm. Ngoại bảo Lisa đến chùa cầu nguyện với Quan Âm Bồ Tát. Vậy mà mai này... Lisa phải theo mẹ trở về...

Giọng cô bé lại đượm buồn, tôi phải

cố lựa lời an ủi:

- Cuộc đời luôn chứa đựng nhiều nỗi bất an đau khổ Lisa à. Đức Phật khi vừa chứng đạo quả Bồ đề cũng đã nói "Đời là biển khổ". Khổ vì sanh lão bệnh tử, khổ vì thương yêu chia lìa, khổ vì gặp điều bất như ý. Từ trong biển khổ ấy Lisa đã biết hướng lòng về nguồn sống tâm linh để tìm một nơi an ổn thuần thiện chơn chánh. Chính điều này sẽ giúp cô lấy lại lòng tin vào cuộc sống, cũng như giúp cô can đảm chấp nhận với thực tại, can đảm vươn lên trong nỗi đau thương mất mát này...

Tôi nói một hơi mà quên là Lisa có thể chẳng thể hiểu hết bao nhiêu lời đó. Nhưng cô bé vẫn chăm chú lắng nghe. Văng vẳng thông minh khẽ nhíu lại như cố ghi lại vài câu triết lý mà tôi vừa thốt ra. Một lúc lâu sau cô mới lên tiếng đáp lời, vẫn là những âm thanh nhỏ nhẹ đều đều qua mấy lời bộc bạch chân thành:

- Lisa luôn tự hào về người cha của mình. Sự mất mát về một người thân yêu thật không có gì bù đắp được. Nhưng rồi ngày tháng trở về sống nơi quê ngoại, nhất là được nghe kinh, đọc sách mà ngoại và quý thầy đưa cho, đã giúp Lisa cảm nhận ra nhiều điều. Và Lisa hiểu rằng mình phải can đảm chấp nhận thực tại. Như cô vừa nói, cuộc đời quả đầy nỗi bất an đau khổ. Hạnh phúc thì mong manh, sự bất hạnh luôn dày vò... Chỉ khi lòng người ta biết hướng thượng, biết nghĩ đến những điều tốt đẹp thì đời sống mới có ý nghĩa. Một tâm hồn biết chia sẻ luôn đón nhận niềm an vui hạnh phúc thực sự.

Đến lúc này tôi lại lắng tâm để nghe cho hết lời Lisa. Cô nói rõ ràng mạch lạc. Tuy đôi lúc cũng ngập ngừng dừng lại và người dì phải bổ sung vài từ để cho cô diễn đạt tiếp. Trò chuyện với hai dì cháu, tôi được biết Lisa dù tinh thần đang chao động sau cái chết của bố, song cô cũng có nhiều dự tính cho tương lai. Rồi đây cô sẽ chọn ngành Đông phương hay Xã hội học. Lisa muốn đi theo con đường của bố. Muốn làm một nhà từ thiện xã hội chơn chánh. Cô sẽ tìm đến những nơi cần đến để xoa dịu bao vết thương đời tang tóc.

- Lisa không sợ nguy hiểm à?

- Nếu Lisa có đủ niềm tin và nghị lực thì không có gì đáng sợ. Chẳng phải Bồ Tát Quan Âm thường hóa thân đi khắp nơi để cứu giúp muôn loài đang kêu cứu đó sao? Lisa không dám ví mình như vậy. Nhưng Lisa sẽ học theo hạnh nguyện đó. Hằng ngày Lisa vẫn cầu nguyện Bồ Tát và điều đó giúp Lisa thêm vững vàng nội lực. Dù ở đâu Lisa vẫn không quên cầu nguyện. Mùa Xuân đang trở về. Mùa xuân ở đây thật yên lành vui vẻ. Điều mà Lisa luôn cầu nguyện là làm sao cho mọi người đều được giác ngộ trong ánh sáng từ bi của Bồ Tát, cùng chung sống chan hòa, cùng biết yêu thương san sẻ đến muôn người...

Tiểu khách ra khỏi hàng rào dâm bụi, tôi trở vào lo công việc của mình. Tiếng chổi quét sân nhẹ lướt trên thềm lá đổ. Mặt trời cũng vừa lên. Lá vàng tung bay trong gió. Lòng tôi lúc này đang phấn chấn nên thấy cảnh vật như có muôn ngàn bài thơ xuân sắc. Trong vườn... những cây mai vàng trút lá vừa kết vài nụ hoa đầu tiên giữa tiết trời đông giá./

Xuân chơn tâm

*Trời xanh cỏ biếc ven đồi
Xuân về tươi mát một đôi én vờn.
Hư không có thấu cô đơn
Phút giây tình thức,
Tâm chơn
đong đầy.*

Mưa

*Mưa rơi ướt đẫm lối về
Mưa rơi ướt đẫm tóc thề em yêu
Mưa rơi đáng ấy yêu kiều
Mưa rơi hay lệ hắt hiu trong lòng.*



BẠCH XUÂN PHẪ

BẠN ĐÊM GIAO THỪA

Tâm Không Vĩnh Hữu

Mọi lần, khi vợ chồng tôi cãi vã nhau chẳng đi đến đâu, tôi đều giận lấy bỏ đi khỏi nhà, khi thì bằng con theo khi thì chỉ đi một mình tay không. Và, anh ấy sẽ chạy theo, đến một chỗ vắng vẻ nào đó mới níu kéo, năn nỉ, xuống nước xin lỗi. Anh ấy luôn luôn là người nhường nhịn, làm hòa trước. Vậy mà lần này, sau cuộc kinh cãi kịch liệt, lời qua tiếng lại có phần động chạm tự ái của nhau, tôi giận muốn khùng lên, bỏ đi khỏi căn nhà đang ấm cúng. Tôi bỏ đi khỏi nhà lần này nhằm vào lúc chẳng còn bao lâu nữa là bước sang năm mới, vậy mới là... giận. Vừa đi, tôi vừa nhìn chừng lại phía sau, hy vọng anh ấy sẽ đuổi theo. Nhưng không, không hề thấy anh ấy.

Tôi tức giận thêm, khóc tấm tấ. Đến một ngã sáu, leo tào một vài người thợ thẩn, thỉnh thoảng mới có một chiếc xe rú ga vù đi qua phố thênh thang, tôi đứng lại bần thần, rồi nhìn đồng hồ: 10 giờ 30 phút. Anh ấy đã không tìm tôi, không màng kêu gào tôi về để cùng đón giao thừa với nhau. Bé Mi Mi của tôi chắc vẫn còn đang ngủ say. Còn anh ấy đang làm gì ở nhà? Khui mấy chai rượu Tết uống trước giải sầu ư?

Tôi băng qua đường, tiến về phía bùng binh trước một siêu thị lớn đã đóng cửa. Nơi ấy, đang có một cô gái ngồi ủ rũ một mình. Tôi đang muốn có bạn trong lúc đang rối trí, buồn phiền, để mình trút bỏ tâm sự cho nhẹ nhàng, biết đâu đâu ọc sẽ sáng suốt, lòng thanh thản. Lối của tôi, hay của anh ấy, hay lối của cả hai, cần phải có một người ngoại cuộc phân xét. Cô gái ngược mắt nhìn tôi. Một cô gái mặt hoa da phấn nhợt nhạt, mắt đượm ưu buồn, tóc tai rũ rượi. Tôi ngồi xuống cạnh cô gái thật khẽ khàng. Ném mắt nhìn tôi dò xét, cô gái hỏi với giọng lạnh lùng cộc lốc:

Muốn gì?
Ngồi chơi. Buồn quá.
Không có nhà, không có gia đình để về đón giao thừa à?
Có chứ. Nhưng mới gây với ông xã, nên bỏ đi cho khuây khỏa...

Một đi không trở lại?
Trở lại chứ!
Trở lại thì đừng nên bỏ đi. Mất công.

Tôi chưng hửng. Cô gái làm tôi kinh ngạc, tôi có cảm tình ngay. Nhìn ngắm cô gái từ mấy lọn tóc đến những móng chân, tôi nhỏ nhẹ:

- Chị sao ngồi đây? Sao chưa chịu về nhà?
- Không nhà cửa. Không chồng con. Không bà con dòng họ. Quê nhà thì ở xa quá, tận vùng cao heo hút. Vậy thì về đâu?
- Vậy à? Xin lỗi... chị làm gì, ở đâu?
- Nói thẳng ra là làm đi!

Tôi đoán không sai. Nhưng cách trả lời của cô gái sống sượng quá, phũ phàng quá, làm cho tôi lạnh mình, và cũng chạnh lòng. Tôi ngần ngại hỏi:

- Không còn chỗ nào để về ăn Tết

thật sao?

- Chỗ nào? Chỉ có nhà trọ, nhà chứa, quanh năm chui nhủi bám víu vào những chỗ ấy mà sống qua ngày. Nhưng bây giờ, tiền hết thì nhà trọ đuổi, nợ nần chưa trả xong, lại thêm tàn tạ héo úa, thì nhà chứa cũng chẳng chịu chứa nữa!

- Sao người ta tệ bạc vậy? Vất chạnh bỏ vò à?

- Người ta ưu ái cho mấy đứa trẻ măng, mấy đứa tuổi mười tám đôi mươi thậm chí có đứa mới đôi tám. Mình địch không lại tụi nó đâu. Tụi nhỏ bây giờ đông lắm, ở khắp các vùng quê nghèo đổ về phồn hoa đô hội để tiến thân bằng cách... hiến thân!

Tiến thân bằng cách hiến thân. Những từ ngữ ấy thật lạ lẫm đối với tôi, lần đầu tiên tôi nghe được, lại được thốt lên từ một giọng mĩa mai chua chát của cô gái giang hồ, khiến cho tôi thoáng rung mình kinh sợ, lại thấy tim mình nhói nhói vì một nỗi xót thương cho phận gái truân chuyên giữa dòng đời bát nháo... Tôi bàng hoàng, xót xa. Cái đau đớn, tủi nhục, cùng cực của cô gái đã dập tắt những nỗi buồn nhẹ tênh, tự ái vặt vãnh trong tôi, dập tắt thật nhanh. Tôi quên đi chuyện mình vừa mới xích mích với chồng, chỉ còn biết trước mặt tôi là thân phận bèo dạt hoa trôi vô định, mang theo một ước ao bé nhỏ, nhưng không hề với tới được. Tôi sờ ngực áo, rút ra mấy tờ giấy bạc polymer còn nằm nguyên từ chiều, trao hết qua tay cô gái. Cô gái không chút vui mừng, không vồn vã cũng không tỏ vẻ bất cần, thản nhiên nhận mấy tờ bạc, chẳng thèm đếm thử xem được bao nhiêu tiền, trên ba trăm nghìn đồng chứ đâu có ít, hỏi:

- Còn chị thì sao đây?
Tôi kể sơ qua chuyện mình. Cô gái cười sảng sặc nói:

- Chị rõ khùng. Chỉ vì những chuyện nhỏ nhặt, vớ vẩn, mà dám bỏ đi khỏi tổ ấm gia đình của mình đang đầy ắp hạnh phúc. Chị hãy biết quý trọng những gì đang có được, chứ đừng làm hao hụt, uống!

Tôi rùng mình, tình ngộ. Cô gái cười mếu máo, nói tiếp:

- Tôi cả đời cứ ước mơ có được tấm chồng, một mái ấm nghèo nát cũng được, rồi có đứa con. Vợ chồng có nhau trong đói khổ cũng vui. Hạnh phúc nhỏ nhoi, ước mơ nhỏ bé quá, mà sao cứ ở mãi trong chiêm bao mộng mị, không bao giờ nắm bắt được...

Tôi đứng dậy. Tôi phải về ngay. Cô gái vẫn tiếp tục:

- Ngay từ giây phút này đây, tôi chỉ mong ước có một điều...

Tôi khựng lại, hỏi:
- Điều gì?

Cười chua chát, cô gái thều thào:

- Ước gì trong giờ giao thừa, có một chàng ngớ ngẩn nào đó, xấu xí cũng được, đần độn cũng được, nghèo rách cũng được, nhưng miễn là thương tôi, thích tôi, chịu diu tôi về nhà, hai đứa sẽ cùng đón giao thừa, ăn ngủ với nhau, qua ba ngày Tết thật vui vẻ, rồi

chia tay nhau cũng được, mà sống luôn với nhau thì càng tốt, quá hạnh phúc cho tôi. Nhưng điều này... lại là chiêm bao!

Tôi cảm thấy như vừa bị ai đó xát muối vào ruột gan mình. Nhắm mắt lại cho nước mắt rơi ra, rồi bước thật nhanh rời khỏi nơi cô gái ngồi, tôi băng băng về nhà mình... Anh ấy đã bằng bé Mi Mi đi đâu rồi. Chắc là anh ấy đang đi tìm tôi, tìm ở hướng ngược lại. Sao không chịu đi ra phố ngã sáu nhỉ? Tôi tắt tà bằng đi trên đường vắng ngắt, mắt dáo dác ngo xa ngó gần, tìm hình bóng thân quen của chồng con. Không thấy đâu. Đã sắp đến giờ đón giao thừa rồi. Tôi bắt đầu bước như chạy ngược trở lại phố ngã sáu có bùng binh vòng xuyên. Phố im ắng. Bùng binh trơ trọi. Cô gái đã đi rồi. Tôi ngớ ngác giữa phố khuya vào đêm cuối năm, bắt đầu tự chửi rủa mình. Chợt, từ xa một chiếc xích lô đang chờ khách phóng lại. Xích lô thẳng tới một bên tôi. Tôi trở mắt nhìn lên, nhận ra người ngồi trên xe là... cô gái khi nãy. Cô gái vui vẻ ra mặt, giọng cất lên cũng đầy sinh khí hỏi:

- Sao chưa chịu về nhà mà còn đứng sớ rớ ở đây nữa hả "bà"?

Tôi ngạc nhiên nhìn cô gái, rồi nhìn anh xích lô nói:

- Về rồi, nhưng anh ấy bằng con đi đâu mất tiêu...

- Đi tìm chị chứ đi đâu. Mới thấy một ông bằng con đi lên đi xuống hốt hơ hốt hải ở dưới dốc kia kia, chắc là anh ấy rồi. Về ẹ đi. ẹ đi!

Tôi mừng quá, định bước đi, nhưng chợt nhớ lại hỏi:

- Chị bây giờ định đi đâu?
- Đi về nhà ạnh, đón giao thừa với ạnh!

Tôi nhìn anh xích lô bằng ánh mắt nghi ngại, nói tình:

- Coi chừng vợ người ta đánh ghen thì... mất ăn Tết đó!

Anh xích lô cười ha hả vang rền cả trời khuya vắng, nói giọng oang oang:

- Đừng lo. Tôi độc thân, chưa có vợ con gì, cũng chẳng có nhà cửa, cũng là dân bụi sống rày đây mai đó thôi!

- Vậy bây giờ anh chờ chị ấy đi đâu?
- Về via hè, về tổ ấm tạm bợ của tôi. Đón giao thừa hai đứa, ăn Tết một cặp một đôi, thì chắc là vui hơn một mình sô-lô rồi!

Cô gái cười hồn nhiên, nheo mắt với tôi, nói rồn rảng:

- Ước gì được nấy rồi, còn gì sướng bằng? Thôi, đi nghen, chị về ẹ đi! Của báu ở ngay trong nhà mà không biết giữ!

Tôi ngần người ra đứng đó. "Của báu trong nhà"ø. Tôi chợt nhớ đến câu kệ "Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch; Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên" (của báu trong nhà thôi tìm kiếm, đối cảnh vô tâm hỏi chi thiên), mà đầu óc sáng bùng lên. Chiếc xích lô lăn bánh đi, chờ theo một người bạn mới quen của tôi chạy về một nơi chốn nào đó thật mơ hồ. Nhưng có điều không mơ hồ chút nào, thấy rất rõ, là niềm hân hoan hớn hớ đang tràn đầy và sáng rực trên nét mặt của cô gái giang hồ, và cả anh chàng đạp xích lô đen đui xấu xí. Tôi đứng dõi mắt trông theo, thầm cầu chúc cho họ tận hưởng được không chỉ là giờ phút, hay ngày tháng, mà là những năm thật sự hạnh phúc, cho dù là hạnh phúc đơn sơ nhỏ bé.

Chiếc xích lô khuất hẳn sau khúc quanh. Tôi trở về với chính mình. Và, tôi đi như chạy bằng đôi chân hồng đất về hướng con dốc chạy xuống chợ. Chưa bao giờ tôi thèm khát nhào đến ôm chầm lấy chồng và con mình như trong giây phút này... ■

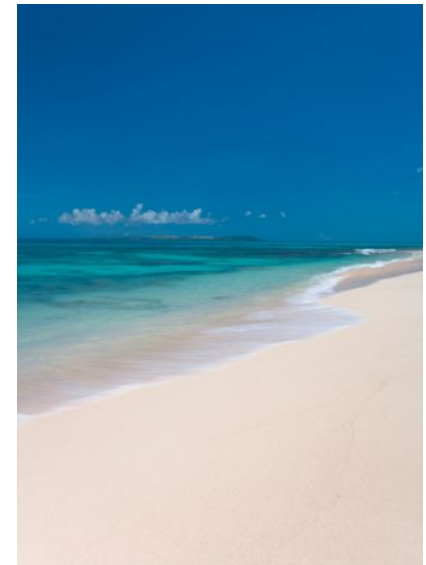
Gom đầy

*Nông ấm và yên tĩnh
Cho mắt môi thật gần
Thời gian là vô định
Không gian là vô ngần*

*Tuổi thanh xuân biển biệt
Còn ngồi lại bên nhau
Có gì mà hồi tiếc
Còn gì để mong cầu*

*Nhắm mắt nghe biển thở
Mở mắt thấy sao cười
Gom rất nhiều thương nhớ
Làm đầy một niềm vui.*

TÔN NỮ THANH YÊN





CHÙA THIÊN TRÚC
1083 S 7th Street, San Jose, CA. 95112 Tel: 408-217-9602
E-mail: chuathientruc@gmail.com Website: thientruc.org

TÂM THƯ VẠN ĐỘNG MUA ĐẤT XÂY CHÙA THIÊN TRÚC

Nam Mô Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni Phật

*Ngưỡng bạch chư Tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý Đạo hữu Phật tử xa gần,*

Chùa Thiên Trúc tại “Thung Lũng Hoa Vàng” thành phố San Jose, tiểu bang California, lâu nay chỉ là một ngôi nhà mượn của người ta, với diện tích khiêm tốn và chỗ đậu xe bất tiện nên không thể đáp ứng được nhu cầu tu học ngày càng đông của quý Phật tử. Nay nhân duyên đã tới, đất nhà xuống thấp đến không ngờ, vì vậy chùa quyết định tìm mua một mảnh đất rộng hơn để có chỗ tu học và đậu xe thuận tiện cho toàn thể quý Đạo hữu.

Thưa quý vị,

Trong hoàn cảnh kinh tế eo hẹp hiện nay, thiết nghĩ, kêu gọi quý Phật tử dù với một số tiền nhiều hay ít đi nữa chùa cũng cảm thấy ray rức trong lòng. Nhưng vì tiền đồ đạo pháp, vì văn hóa Phật giáo Việt Nam mấy nghìn năm, được chư lịch đại Tổ sư gây công tạo dựng, nay cần phải tiếp tục xiển dương và duy trì con đường mà chư Phật, Bồ tát và các bậc Tôn đức đã kinh qua. Và lại, nơi quê hương thứ hai này, chúng ta cần chung sức chung lòng để phát triển Phật giáo và xây dựng Ngôi nhà đạo pháp không những chỉ cho thế hệ hôm nay, các thế hệ con em Việt Nam mai sau, đến tu tập, mà còn là nơi giới thiệu nền văn hóa phong phú đáng tự hào của Phật giáo Việt Nam đến với mọi dân tộc trên thế giới. Với tâm nguyện và ý hướng như vậy, chùa Thiên Trúc kính cầu mong cầu sự gia tâm cầu nguyện của chư Tôn đức, tha thiết kêu gọi sự phát tâm mạnh mẽ của toàn thể quý Đạo hữu Phật tử xa gần, hãy góp một “bàn tay màu nhiệm” cho Phật sự trọng đại này.

Chúng tôi tin tưởng rằng, trước là nhờ hồng ân mười phương chư Phật, Bồ tát, Thiên long Bát bộ, Hộ pháp, Thiên thần từ bi gia hộ; kế đến là sự góp tâm cầu nguyện của chư Tôn đức; sau nữa là sự phát tâm ủng hộ hết sức mình của toàn thể quý Phật tử xa gần, chùa sẽ thực hiện được hoài bão này trong một ngày không xa.

Chúng con thành kính đánh lễ chư Tôn đức và cầu nguyện quý ngài pháp thể vạn an, viên thành đại nguyện.

Chúng tôi kính chúc quý Phật tử mãi mãi được sống an lành trong đạo pháp từ bi của chư Phật.

Nam Mô A Di Đà Phật

Chùa Thiên Trúc, San Jose, ngày 1 tháng 1 năm 2011
Trú trì,

Ghi chú: - Mọi sự phát tâm xin về: Chùa Thiên Trúc
Gửi về địa chỉ 1083 S 7th Street, San Jose, CA 95112
Tel: 408 217 9602



Thích Thiện Long

Thơ HÀN LONG AN

Cõi cô liêu

*Nắng đã tắt bỏ chiều đi biệt
Còn lại đêm hun hút cô liêu
Có tiếng gọi từ đâu về da diết
Một nỗi niềm cháy mãi, không tên.
Ta tự hỏi bóng mình trên vách đá
Tâm thư ơ, thực thể nào đây?
Nghe tiếng dội từ đường bay của lá
Bến bờ kia âm vọng bến bờ này.
Người lẻ bóng giữa rừng hoang tịch tĩnh
Trầm tư gì khí vị cô đơn
Ai trợ trợ không cùng vạn hữu
Hương vị nào vắng bật, vô ngôn?*

(Chùa Thiên Trúc, San Jose, cuối đông 2010)

Ở hai đầu sanh tử

*Ở hai đầu sanh tử
Là cuộc mộng bắt đầu
Ta làm người lữ khách
Gánh mãi một niềm đau
Ở hai đầu sanh tử
Niềm vui nào còn đây
Nụ cười rồi vụt tắt
Đôi mắt buồn ai hay
Ở hai đầu sanh tử
Đâu là cõi bình yên
Để ta về khép cửa
Mở nhạc thiên êm êm
Ở hai đầu sanh tử
Chẳng nơi nào tử sanh
Ta không thêm hỏi nữa
Ngủ một giấc ngon lành!*

(Thiên Trúc, San Jose, Xuân 2011)

CẢM TẠ

Thành thật cảm tạ sự ủng hộ quý báu bằng tinh thần hay tịnh tài của chư tôn đức Tăng Ni và đồng bào Phật tử đối với báo Chánh Pháp. Đây là niềm khích lệ to lớn cho chúng tôi trong công tác truyền thông, hoằng pháp.

Ngoài sự bảo trợ ẩn phí của chư tôn đức và các tự viện, chúng tôi còn nhận được sự ủng hộ của chư tôn đức Tăng Ni và quý Phật-tử cũng như của quý thân chủ quảng cáo.

Sau đây là danh sách ủng hộ báo Chánh Pháp tháng qua:

TT. Thích Tuệ Uy (CA) \$1,000, Chùa Trúc Lâm (Chicago) \$300, Chùa Tam Bảo (Oklahoma) \$100, Nguyễn Lương Quyên \$50, Nguyễn Bé \$36, Nguyễn V. Vương \$30, Phạm thị Lệ Hiền \$100, Mạch Bình Nam - Quảng Thành \$30

Ngưỡng nguyện Tam Bảo thù từ gia hộ chư liệt vị thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Ban Thư Ký Chánh Pháp



Quê Hương Tôi...

*Quê hương tôi sáng nay mịt mù gió hú,
Bụi đường bay thay hoa tuyết rơi nơi xứ lạ
Chiều buông xuống,
Bầu trời cơn mưa đổ...*

*Đường phố ngập tràn, biển nước mênh mông!
Tắc nghẽn giao thông,
Bộ hành qua, lại, lăm li bước đi,
Phố thị ồn ào, nét mệt mỏi hiện trên đôi mi
Tái tê lòng, buồn gì?*

*Tôi đang hiện hữu và
Bây giờ... đối diện
Giữa rừng người
Thân thương, và xa lạ...
Oan khiên.*

*Nhiều cặp kính màu che khuất đôi mắt của linh hồn-nhìn nhau,
Tình người chỉ còn là màu xanh, màu hồng, màu đen
Những đôi mắt ấy nhìn tôi dò xét,
Rồi, như một mệnh lệnh tự nhiên:
Anh là ai?
Sao lạc loài ở chốn này?...*

*Bỗng nhiên tôi cười bằng đôi mắt,
Nhưng chợt nghe buồn
Ôi, nỗi buồn mênh mang
Mênh mang!*

*Đồng loại ngỡ ngàng, xa lạ...
Ngước nhìn lên trời cao, mây trên đầu
Mím nụ cười hồn nhiên
Rồi nhẹ nhàng bay đi.*

*Hành tinh xanh vốn đã đẹp
Mà đường như hao gầy,
Héo úa, tàn phai... tình người !*

HUYỀN VŨ

(Trên góc đường xa, 2010)





HƯƠNG SEN BUDDHIST TEMPLE

*Xuân Tân Mão chuyển mình
Thung lũng phủ màu xanh
Vận hành sức diệu dụng
Tiếp nguồn sống tâm linh
Thắm tươi xuân đào nhỏ
Bên góc chùa đẹp xinh
Dáng xuân choàng ánh nắng
Đào xuân lộng ý kinh. (Thích Nữ Giới Hương)*

Nhân dịp Xuân Tân Mão năm 2011, chư Ni chùa Hương Sen chúng con thành tâm kính chúc Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni và quý đồng hương Phật tử một mùa xuân tinh thức và an lạc.

Nam Mô Long Hoa Giáo Chủ, Đương Lai Hạ Sanh, Di Lạc Tôn Phật.

CHƯƠNG TRÌNH TẾT NGUYÊN ĐÁN NĂM TÂN MÃO

**THỨ TƯ NGÀY 2/2/2011, NHÂM MỒNG 1 TẾT ÂL - 12 GIỜ ĐÊM
CÚNG GIAO THỪA**

Tụng kinh Di Lạc, ngói thiên, chúc tết và phát lộc đầu năm

CHỦ NHẬT NGÀY 6/2/2011 - 11 GIỜ SÁNG

KHAI KINH ĐƯỢC SỰ CẦU AN ĐẦU NĂM

Lớp tiếng Việt - 10:00 sáng

Tụng kinh Di Lạc & Được Sự

Pháp thoại "Ý Nghĩa Mùa Xuân Di Lạc" (Ni Sư Giới Hương)

Chúc tết và phát lộc đầu năm

Mời quý đồng hương Phật tử dùng cơm chay thân mật

CHƯƠNG TRÌNH RẼM THƯỢNG NGUYÊN

CHỦ NHẬT NGÀY 20/2/2011, NHÂM 18 THÁNG GIÊNG ÂL

9:00 AM Quy Y Tam Bảo (xin gửi danh sách đăng ký trước)

10:00 AM Pháp thoại "Tâm Xuân thì Vạn Cảnh đều Xuân"
(Ni Sư Thích Nữ Thanh Lương, Đạo tràng Búp Sen, Pháp Quốc)

11:00 AM Lễ dâng hoa cúng dường (Diệu Thanh)
Lễ chính thức: Tụng kinh Phước Đức và Hạnh Phúc
Dâng Sớ Cầu An Giải Hạn đầu năm (xin quý Phật tử gửi danh sách về chùa trước ngày lễ)
Mời quý đồng hương Phật tử dùng cơm chay thân mật & thưởng thức văn nghệ cúng dường (Ngọc Oanh & Tâm Nguyên Trí)

3:00 PM Đại Mông Sơn Thí Thực cho 12 loại cỏ hỗn

4:00 PM Hoàn mãn

24615 Fir Avenue, Moreno Valley, CA 92553 • tel. 951.601.9659 • email. thichnugioihuong@yahoo.com • www.chuahuongsen.com

YẾM TRỢ BÁO CHÁNH PHÁP

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa quý Phật tử và bạn đọc gần xa,

Nhằm phổ biến giáo lý Giác ngộ của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni và tạo mối dây liên hệ tinh thần giữa Phật giáo đồ khắp nơi, báo Chánh Pháp ra đời. Trong một thời gian ngắn, báo Chánh Pháp đã nhanh chóng tạo được niềm tin cậy và yêu thích của bạn đọc, xuất gia hay tại gia.

Tuy vậy, để báo Chánh Pháp được duy trì và phát triển trên đường dài, Ban Chủ Trương chúng tôi mong mọi được sự yểm trợ sâu rộng của chư tôn đức và quý Phật-tử qua các phương thức sau:

- Chư tôn đức Tăng Ni và quý văn thi hữu xin đóng góp bài vở, gửi về tòa soạn (nội dung liên quan Phật giáo, Văn Hóa, Xã Hội, Từ Thiện...)
- Quý Phật-tử có thương vụ xin đăng quảng cáo để ủng hộ
- Quý Phật-tử đồng hương xin phát tâm ủng hộ mỗi vị \$3 một tháng (để trang trải cước phí gửi báo đi khắp nơi)
- Giới thiệu báo Chánh Pháp đến thân nhân, bằng hữu, bạn đạo khác.

Sự yểm trợ của chư tôn đức, văn thi hữu và bạn đọc sẽ giúp cho nội dung báo Chánh Pháp ngày càng phong phú, đặc sắc hơn, giúp chúng tôi vượt qua những trở ngại tài chánh để nuôi dưỡng tờ báo dài lâu, góp phần hoằng dương Phật đạo.

Thành thật tri ân chư liệt vị.
Tỳ kheo Thích Nguyên Trí

Tịnh tài xin gửi: CHÁNH PHÁP
11502 Daniel Ave., Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.
Tel.: **(714) 638-0989**

Bài vở xin gửi: baivochanhphap@gmail.com

thơ VƯƠNG NGUYÊN

Tôi đi lễ chùa

Tôi đến nơi đây vắng cảnh chùa
"Đại hùng bảo điện", tự ngàn xưa
Quê hương, tiên tổ, hồn dân tộc
Lại hiện trong tôi lúc bấy giờ.

Tôi cảm ơn người đã lập nên
Tượng thờ Tam Bảo quá trang nghiêm
Bông hoa dâng cúng, đèn quang chiếu
Tôi thấy trong lòng rức kính yêu.

Đức Phật ngồi trên bệ đóa sen
Bảo rằng sen ấy chốn non tiên
Giáng nơi trần thế khuyên nhân loại
Biết sống yêu, thơm ngát hương Thiền.
Cảnh Phật bên thềm rức sáng soi
Trắng khuya, nắng sớm, đóa hoa cười
Khói hương, mây cuốn, hào quang tỏa
Như thấy Phật về, lộng dáng tươi.

Nam mô Tiếp dẫn Như Lai Phật
Xin dắt chúng sanh thoát biển trầm (1)
Nước Nhược, Non Bồng thay tục lụy
Cho loài người thấy rõ niềm Chân (2).
Nước Việt là đây, đất nước đây!
Nhớ thương xin gửi mái chùa này
Ai đi nhớ đến đây chiêm bái
Thăm chốn Phật đài, kiếm phúc duyên.

(Quý Thu 2010)

1. Biển trầm luân
2. Chân: sự thực (the Truth). Kinh điển sự tích Đức Quán Thế Âm có câu: "Chân Như đạo Phật rất màu / Tâm trung chữ Hiếu, niệm đầu chữ Nhân"



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Điều Âm lược dịch

HÀN QUỐC: Viện Bảo tàng Quốc gia triển lãm về Con đường Tơ lụa và Hang động Đôn Hoàng

Từ ngày 18-12-2010 đến 03-04-2011, Viện Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc tổ chức cuộc triển lãm đặc biệt "Con đường Tơ lụa và Đôn Hoàng".

Trong đó nổi bật là cuốn "Du ký tại 5 vùng của Ấn Độ" của tu sĩ Phật giáo Triều Tiên Hyecho (704-787), được mượn về Hàn quốc từ Thư viện Quốc gia Pháp.

Năm 16 tuổi, nhà sư Hyecho đến Trung Hoa, rồi từ đây ông đi Ấn Độ để nghiên cứu Phật giáo vào năm 723, khi ông được 20 tuổi. Sau đó ông du hành gần 20.000 km về Tây An (Trung Hoa), qua Ba Tư và Trung Á, viếng thăm khoảng 40 đất nước cổ xưa trên đường đi.

Sau khi trở về Trung Hoa vào năm 727, ông đã ghi chép lại những cảm nhận của mình về các phong tục và các hệ thống chính trị, văn hóa, kinh tế của các vương quốc trên Con đường Tơ lụa.

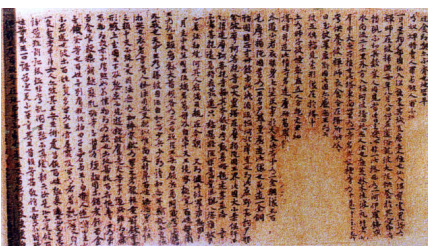
Du ký của sư Hyecho bị thất lạc trong nhiều thế kỷ, trước khi được nhà thám hiểm và khảo cổ người Pháp là Paul Pelliot phát hiện tại hang động Đôn Hoàng ở Trung quốc vào năm 1908.

Theo Viện Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc, đây là lần đầu tiên cuốn du ký này được trưng bày trước công chúng.

Ngoài ra triển lãm còn có 220 di sản thuộc Hang Đôn Hoàng từ 10 viện bảo tàng Trung quốc, một bản sao của hang Đôn Hoàng, các tượng kỳ binh cầm kích có từ thời nhà Hán được làm bằng đồng... (Korea.net - December 22, 2010)



Cuốn Du ký có kích thước 42x358 cm của nhà sư Triều Tiên Hyecho (704-787) - Photo: Yonhap News



Bản sao của Hang Đôn Hoàng - Photo: Viện Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc



Các tượng kỳ binh cầm kích từ thời Hán - Photo: Viện Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc

MÃ LAI: Triển lãm 1.000 di sản Phật giáo

Kuala Lumpur, Mã Lai - Hơn 1.000 hiện vật về tôn giáo và văn hóa Phật giáo và Tây Tạng cổ xưa được trưng bày tại cuộc triển lãm Những Bí ẩn Thiên nhiên kỳ ở Sân vận động Putra của khu Bukit Jalil, Kuala Lumpur.

Cuộc triển lãm 10 ngày do Hội Phật giáo Kadhampa của Mã Lai tổ chức đã khai mạc vào ngày 23-12-2010, được dự kiến sẽ có trên 80.000 người tham quan.

Những hiện vật trưng bày bao gồm xá lợi Đức Phật, các tác phẩm điêu khắc, nhạc cụ và nghệ thuật chạm khắc ngọc bích. Lee Chi How, chủ tịch ủy ban hoạt động của triển lãm cho biết rằng một số hiện vật đã bị biến dạng và thay đổi màu sắc trong những năm qua.

Đại sư thứ 18 của phái Dromtug là Losang Choekye Pelden, vị đại sư cao cấp nhất của hội Kadhampa Quốc tế Toàn cầu, đã nhấn mạnh về 3 tác phẩm Đức Phật điêu khắc bằng bạch ngọc - tượng truyền là có từ thời nhà Đường.

Đại sư nói mục đích của cuộc triển lãm là để khơi dậy sự quan tâm của khách tham quan và, theo cách đó, để truyền bá đạo Phật.

(Big News Network - December 25, 2010)



Mặt nạ của Phật giáo Tây Tạng được triển lãm tại Kuala Lumpur - Photo: S.A Syed Nordin

HOA KỲ: Các nhà sư Tây tạng tạo đồ hình cát (mandala) để mừng sự kết thúc của năm 2010

Tại Viện Drepung Gomang ở Louisville (Kentucky) vào chiều ngày 26-12-2010, một mandala - tranh cát Tây Tạng - đã được 9 nhà sư Tây Tạng thực hiện, để giúp họ mừng lễ kết thúc năm 2010 và sự khởi đầu của năm mới.

Các nhà sư, với 8 người trong số họ đang đi một vòng tại Hoa Kỳ trong một năm, sẽ tạo hình mandala hàng ngày với chủ đề hòa bình cho đến ngày 01-01-2011.

Với việc dùng hơn 30 màu bằng bột đá được mang theo từ ngôi đền của họ tại nam Ấn Độ, đồ hình mandala sẽ là một biểu tượng hòa bình thế giới có nhiều chi tiết, qua sử dụng những hình ảnh liên quan đến các tín ngưỡng khác nhau.

Vào ngày 02-01-2011, đồ hình sẽ được xóa đi và các nhà sư sẽ đi đến Chicago.

Họ là những tu sĩ đến từ Học viện Drepung Gomang ở Mundgod, Ấn Độ. Họ sẽ viếng thăm 14 tiểu bang của Hoa Kỳ, quyền tiên qua cúng dường cho 2.000 tăng sĩ đang học tại Ấn Độ.

(courier-journal.com - December 26, 2010)

ĐÀI LOAN: Hội chợ sách Đài Bắc về nền văn hóa Bhutan

Triển lãm Sách Quốc tế Đài Bắc (TIBE) năm 2011 được dự kiến khai mạc vào ngày 09-02-2011 tại Trung tâm Thương mại Thế giới Đài Bắc, làm nổi bật nền văn hóa và văn học Bhutan.

Hội chợ sách cũng sẽ giới thiệu một loạt ấn phẩm của Bhutan về y học, ngôn ngữ, kiến trúc, lịch sử, văn hóa và môi trường, cũng như về trang phục truyền thống của đất nước vùng Hi Mã Lạp Sơn này.

Một trong những bảo vật quốc gia Bhutan được trưng bày là '8.000 Văn thơ về Trí tuệ Thù thắng', một danh tác quan trọng của Phật giáo có từ thế kỷ thứ 12.

Bảo vật thứ hai là một cuốn tiểu sử nguyên bản về Padmasambhava, một vị đại sư xuất chúng từ Ấn Độ. Ông là người khởi xướng Phật giáo Kim Cương Thừa tại Bhutan và Tây Tạng vào thế kỷ thứ 8. Người Bhutan tin rằng uyển ngôn của họ có thể thành hiện thực bằng cách đọc cuốn sách của ông.

Hội chợ TIBE sẽ được tổ chức tại 3 phòng triển lãm của Trung tâm Thương mại Thế giới Đài Bắc từ ngày 09 đến 14-02-2011.

(Taiwan News - December 26, 2010)



Danh tác Phật giáo '8.000 Văn thơ về Trí tuệ Thù thắng' - Photo: Taiwan News



Một nguyên bản cuốn tiểu sử về đại sư Padmasambhava - Photo: Taiwan News

THÁI LAN & TÍCH LAN: Quảng bá du lịch hành hương

"Tích Lan và Thái Lan đã có mối quan hệ mật thiết từ thời cổ xưa. Cả 2 nước cùng có đạo Phật là tôn giáo chính và có các hoạt động văn hóa tương đồng."

"Do đó 2 nước có tiềm năng để thúc đẩy du lịch hành hương một cách bền vững", Thống đốc tỉnh Nam (Tích Lan) là Kumari Balasuriya đã phát biểu tại một buổi lễ tôn giáo để đón chào các thành viên Gia đình Hoàng gia Thái Lan, diễn ra tại Đại Tịnh xá

Kosgoda Gane Purana Raja.

Bà nói rằng con số du khách hàng năm từ Tích Lan đến Thái Lan đạt khoảng 40.000, trong khi khách du lịch Thái Lan đến Tích Lan là từ 4.000 đến 5.000 người.

Với sự khôi phục lại hòa bình tại Tích Lan, con số du khách đến từ Thái Lan đang tăng lên, bà nói.

Những sự quảng bá du lịch là rất cần thiết để thu hút thêm nhiều du khách hơn.

Những cách quảng bá khác về du lịch như là du lịch sinh thái, nông nghiệp, hành hương, y khoa, thám hiểm và kiến trúc là rất quan trọng để thu hút các thị trường mới, thay vì chỉ là du lịch giải trí truyền thống.

(Daily News - December 28, 2010)

MÃ LAI: Học tiếng Pali để hiểu giáo lý nguyên thủy của Đức Phật

Trung tâm Đại Tịnh xá Phật giáo Kuching tại Jalan Kung Phin sẽ mở khóa học tiếng Pali kéo dài 10 ngày, bắt đầu vào ngày 11-01-2011.

Khóa học do Thượng tọa Ayagama Yasassi đến từ Tích Lan thực hiện.

Thượng tọa Yasassi đã từng là giảng viên tiếng Pali (trong môi trường tiếng Anh) tại các học viện và trường đại học như Viện Phật giáo Tích Lan, một trường đại học ở Mã Lai và trường Đại học Kelaniya.

Thượng tọa là tác giả của một số tập sách Phật pháp và làm chủ bút/trợ lý chủ bút tại một số tờ chức, và còn giành được nhiều danh hiệu và học bổng do có kiến thức uyên bác về tiếng Pali và tiếng Phạn.

Tiếng Pali gồm 41 chữ cái (với 8 nguyên âm và 33 phụ âm), là một ngôn ngữ Trung Ấn -Aryan của Ấn Độ. Nó nổi tiếng là ngôn ngữ của nhiều kinh Phật có sớm nhất, như đã được thu thập trong Kinh Pali hay Tam Tạng.

Học tiếng Pali sẽ có được một số lợi ích. Nó không chỉ là ngôn ngữ chung trong các nước Phật giáo, mà việc thông hiểu ngôn ngữ này sẽ làm cho mọi người hiểu được Phật pháp hơn bao giờ hết.

(thestar.com - January 1, 2011)

BHUTAN: Nỗ lực bảo tồn các bức bích họa Phật giáo

Thimphu, Bhutan - Trong một nỗ lực để bảo tồn những bích họa có từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 19, vương quốc Bhutan của Hi Mã Lạp Sơn đã cấp cho các chuyên gia hội họa người Anh

quyền tiếp cận hiếm có với khoảng 2.000 tự viện Phật giáo. Được tài trợ bởi một nhà tài trợ ẩn danh người Mỹ, dự án nghiên cứu này là một nỗ lực chung giữa Viện Nghệ thuật Courtauld ở Luân Đôn và Bộ Văn hóa Bhutan.

Các chuyên gia đã hoàn thành việc nghiên cứu thực địa và phân tích, và sẽ công bố một báo cáo. Nền nghệ thuật của Bhutan phần lớn chỉ dành cho việc thờ phượng trong các tự viện, vì vậy nó ít được biết đến tại Tây phương và khó tiếp cận được ngay cả tại nội địa Bhutan.

Vào năm 2008, chính phủ Bhutan đã cho phép một số tác phẩm nghệ thuật linh thiêng được đem đi trưng bày tại một cuộc triển lãm do Viện Hàn lâm Nghệ thuật Honolulu (Hoa Kỳ) tổ chức - với điều kiện chúng được các nhà sư Bhutan gìn giữ, thực hiện các nghi lễ thường nhật để bảo toàn về mặt tinh thần của các tác phẩm này.

(The New York Times - January 2, 2010)



CAM BỐT: Đại hội Phật giáo Quốc gia lần thứ 19

Ngày 03-01-2011 tại Phnom Penh, trên 800 tăng sĩ từ khắp đất nước đã tập trung để dự Đại hội Phật giáo Quốc gia lần thứ 19.

Trong bài diễn văn bế mạc, Phó Thủ tướng Men Sam An nói rằng: Phật giáo là nguồn kiến thức truyền thống đối với thanh niên Cam Bốt. Do đó, chư tăng có nhiệm vụ phải khắc ghi những đức hạnh phù hợp và góp phần vào sự tiến bộ xã hội, kêu gọi các tăng sĩ đồng đạo cố gắng thực hành giáo lý Phật giáo trong cuộc sống hàng ngày của họ.

Phó Thủ tướng hoan nghênh những bước tiến lớn mà chư tăng đã thực hiện, qua việc ghi nhận rằng: Chỉ với 7 tầng sĩ còn sống sót qua chế độ Pon Pot, nhưng ngày nay số tăng sĩ đã tăng lên đến 56.301 người.

Bộ trưởng Bộ Giáo phái và Tôn giáo Min Khin cũng nói rằng bộ này đang trong quá trình cải cách những cơ cấu của tăng đoàn, nhằm thúc đẩy sự phát triển quốc gia và tăng cường sự tuân thủ đạo đức Phật giáo.

(Phnom Penh Post - January 4, 2011)



Quang cảnh Đại hội Phật giáo Cam Bốt lần thứ 19 - Photo: PPP

ĐÀI LOAN: Các tông phái Phật giáo Thế giới cầu nguyện cho Hòa bình và Hòa hợp Liên Tôn giáo

Đài Bắc, Đài Loan - Một đại lễ cầu nguyện cho hòa bình và hòa hợp tôn giáo đã được tổ chức vào giao thừa Năm mới 2011 tại Đài Bắc. Ông Dawa Tsering, người đại diện của Đức Đạt Lai Lạt Ma, đã nhân mạnh tầm quan trọng của sự hòa hợp tôn giáo giữa các tôn giáo khác nhau trên thế giới.

Buổi lễ được phối hợp tổ chức bởi Trung tâm Đạo pháp Tây Tạng Theksun Choeling, Chùa Long Sơn và Chùa Pháp Sơn của Đài Loan, theo hướng dẫn của Cơ sở Tôn giáo Tây Tạng của Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Lễ cầu nguyện có trên 600 người thuộc các tông phái Phật giáo khác nhau tham dự.

Chư tăng ni từ các tu viện và trung tâm học tập của Đài Loan và Tây Tạng tại Đài Bắc cũng tham dự đại lễ.

Các vị cao tăng đã nói về tầm quan trọng của việc duy trì mối quan hệ tốt giữa tất cả tín đồ Phật giáo tại Đài Loan và cùng nhau làm việc vì sự hòa hợp tôn giáo.

(Tibet Net - January 4, 2011)



Đại lễ cầu nguyện cho hòa bình và hòa hợp tôn giáo tại Đài Bắc, Đài Loan - Photo: Tibet Net

GIA NÃ ĐÀI: Xây dựng Phật Học viện mới tại tỉnh Prince Edward Island

Phật Học viện Đại Giác ngộ đang xây dựng một tổ hợp công trình mới rộng lớn hơn ở Little Sands gần Wood Islands, phía đông tỉnh Prince Edward Island (PEI) của Gia Nã Đại.

Đây sẽ là nơi lưu trú của chư tăng trong mùa lễ an cư kiết hạ.

Vào năm 2009, Phật Học viện Đại Giác ngộ mở tại địa điểm trước kia là khách sạn và nhà hàng Lobster Shanty ở thành phố Montague.

Bây giờ chư tăng đang xây một học viện mới bao gồm các phòng ký túc xá, các phòng học, một phòng ăn và một số tòa nhà khác. Tổ hợp mới này sẽ chứa được từ 80 đến 100 người.

Chư tăng phần lớn đến từ Trung quốc và Đài Loan và mỗi lần lưu trú trong vài tháng.

(CBC - January 6, 2011)

TRUNG QUỐC: Thiếu Lâm Tự mở rộng ở ngoại quốc

Gần đây, Sư Yongxin - Trụ trì chùa Thiếu Lâm của Trung quốc kiêm Giám đốc Điều hành Tập đoàn Thiếu Lâm Tự - cho biết rằng: Thiếu Lâm Tự đã trực tiếp kiểm soát hơn 40 công ty ở các thành phố nước ngoài.

Ông nói hiện nay họ đang có hơn 40 công ty tại Luân Đôn, Bá Linh và các thành phố nước ngoài khác. Đồng thời họ còn gián tiếp điều hành thêm một số công ty nước ngoài nữa.

"Ban đầu chúng tôi thuê nhà ở hải ngoại để thu nhận học viên. Sau đó chúng tôi mua nhà để chấp khi đã có một số tiền", Sư Yongxin nói. "Khi đã trở nên khá giả hơn, chúng tôi bắt đầu mua đất và xây nhà cho chính mình. Chúng tôi làm như vậy để tự tạo sự bình đẳng cho bản thân trong môi trường nước ngoài".

Sau khi Thiếu Lâm Tự bắt đầu mở rộng ở nước ngoài, Sư Yongxin nhận thấy đôi khi việc nghiên cứu Phật giáo được quan tâm nhiều hơn ở nước ngoài so với ở nội địa Trung quốc. Để minh chứng minh quan điểm này, ông kể lại lần ông đến Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ, ông đã được thư viện cho xem không những một số sách Phật giáo từ thời Minh và Thanh mà còn cả một số tranh in giấy của Thiếu Lâm Tự nữa.

(People's Daily Online - January 10, 2011)



Các phóng viên bao quanh Sư Yongxin tại Diễn đàn Quốc tế về Công nghiệp Văn hóa tại Bắc Kinh, tháng 01-2011 - Photo: China Daily

NEPAL: Bắt đầu dự án bảo tồn Lâm Tì Ni

Một nhóm các nhà khảo cổ học quốc tế đã bắt đầu một cuộc khảo cứu 3 năm về các phế tích khảo cổ của Lâm Tì Ni, sinh quán của Đức Phật, ở Nepal.

Lâm Tì Ni là một điểm đến hành hương nổi tiếng thế giới của Phật giáo, và là một Di sản Thế giới của UNESCO từ năm 1997.

Được chính phủ Nhật Bản tài trợ, và với sự phối hợp của văn phòng UNESCO tại thủ đô Kathmandu của Nepal, dự án nhằm quy hoạch các cơ sở hành hương thích hợp để không làm hỏng đi những bảo vật còn nằm ẩn bên dưới mặt đất.

Nhóm khảo cổ gồm các chuyên gia từ

Cục Khảo cổ và Ban Quản trị Phát triển Lâm Tì Ni, được chỉ đạo bởi Giáo sư Robin Coningham - chuyên gia khảo cổ của UNESCO. "Dự án này cung cấp một cơ hội duy nhất để khảo cứu một số giai đoạn phát triển sớm nhất của một trong các truyền thống tôn giáo lớn nhất thế giới, và sẽ đưa được bằng chứng khoa học mới vào cuộc tranh luận xung quanh ngày sinh của Đức Phật," ông Coningham nói.



(ANI January 12, 2011)

Khu di tích Lâm Tì Ni (Nepal) - Photo: UN News

TRUNG QUỐC: Lễ hội Laba tại Bắc Kinh

Ngày 11-01-2011, Đền Lạt ma Yonghegong ở Bắc Kinh đã phục vụ Cháo Laba miễn phí trong Lễ hội Laba.

Lễ hội Laba là một lễ hội truyền thống Trung Hoa, được tổ chức vào ngày mồng 8 tháng Chạp Âm lịch. Tại Trung quốc, theo phong tục thì đây là ngày ăn Cháo Laba.

Theo văn học, các vị Lạt ma của Đền Lạt ma Yonghegong thường bắt đầu nấu cháo vào ngày mồng 1 tháng Chạp Âm lịch. Và họ sẽ cung cấp cháo Laba miễn phí cho tín đồ vào ngày mồng 8 tháng Chạp. Các nhà sư cũng sẽ cầu nguyện xung quanh các nồi cháo. Mặc dù mỗi gia đình đều tự nấu cháo của mình, nhưng một số người lại muốn có được cháo nấu từ Đền Lạt ma để được may mắn. Về sau, việc cung cấp cháo miễn phí trở thành một truyền thống quan trọng. Trước thời nhà Tần (221-206 trước Công nguyên), Lễ hội Laba là lễ mừng một vụ thu hoạch mới. Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Hoa trong thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên, lễ hội này được mang ý nghĩa kỷ niệm sự giác ngộ của Đức Phật khi Ngài ở tuổi 35. Trong triều đại nhà Thanh, các nghi lễ cho lễ hội Laba được tổ chức lần đầu tiên tại Đền Lạt ma ở Bắc Kinh.



(chinadaily.com.cn - January 11, 2011)

Cháo Laba, món ăn truyền thống vào dịp Lễ hội Laba của Trung Hoa - Photo: chinadaily.com.cn



ly.com.cn

ẤN ĐỘ: Phim tài liệu về Đường tăng Huyền Trang

Cuộc hành trình dài 17 năm đến Ấn Độ vào năm 629 sau Công nguyên của Huyền Trang, nhà sư Trung Hoa nổi tiếng, là chủ đề của một phim tài liệu mới của nhà làm phim Ấn Độ Ravi Verma.

Phim có tựa đề là "Hridayasutram", sẽ được quay tại Lộc Uyển, Lâm Tì Ni, Patua, Thành Vương Xá, Phật Đà Da và Ayodhya. Phim được lấy cảm hứng từ chuyến đi của sư Huyền Trang đến Ấn Độ. Sau đó nhà sư trở về Trung Hoa với 3 bản sao của kinh Phật và dịch chúng sang tiếng Trung Hoa.

Nhà làm phim Verma là một Phật tử. Ông sinh tại bang Bihar của Ấn Độ, và nay ông đã chuyển cơ sở của mình đến Hoa Kỳ. Ông dự kiến sẽ hoàn thành phim tài liệu của mình trong 6 tháng nữa.

Ông Verma nói rằng phim tài liệu này sẽ thể hiện chi tiết các khía cạnh khác nhau của cuộc đời Đức Phật, nhưng điểm tập trung chủ yếu sẽ nói về nhà sư Huyền Trang - người đã du hành đến Ấn Độ để thỉnh các bản chân kinh Phật giáo và dành cả cuộc đời mình để sao chép chúng.



(PTI - January 13, 2011)

TÍCH LAN: Công bố về Hội thảo Quốc tế để phục hưng Phật giáo

Qua cuộc thảo luận tại Văn phòng Thủ tướng vào ngày 12-01-2011, Thủ tướng D M Jayaratne đã công bố về một cuộc Hội thảo Quốc tế để bảo đảm một sự phục hưng các hoạt động Phật giáo tại Tích Lan.

Sự kiện này sẽ trùng với Phật lịch Giác ngộ 2600.

Hội trưởng Hội Phật giáo của Pháp là Thượng tọa Tiến sĩ Thampalawela Dharmaratana sẽ là Chủ tịch hội thảo, và Chủ tịch Hội Phật giáo Los Angeles (Hoa Kỳ) là Thượng tọa Godakalane Gunaratana sẽ giữ vai trò Thư ký hội thảo.

Cuộc hội thảo Phật giáo sẽ tìm các phương pháp và phương tiện để đưa cuộc sống mới vào các hoạt động Phật giáo tại quốc đảo Tích Lan.

Họ cũng được giao phó nhiệm vụ cao quý để truyền bá Phật Pháp khắp thế giới. Hiện diện tại cuộc thảo luận này còn có các vị cao tăng của Hội và Trung tâm Phật giáo tại Ấn Độ, Nhật Bản, Thụy Điển cùng các quan chức Tích Lan.

(Sri Lanka News - January 13, 2011)

Hình dưới: Thủ tướng D M Jayaratne và các quan chức Tích Lan cùng các tu sĩ Phật giáo hàng đầu tại cuộc thảo luận - Photo: Sri Lanka News



CHÁNH PHÁP

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
 Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
 Trị sự: **ĐD. Thích Đồng Trực**
 Thư ký: **ĐD. Thích Đồng Châu**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành: (714) 638-0989
- Chi phiếu ủng hộ, xin ghi "CHANH PHÁP" và gửi về địa chỉ:

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Tel.: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình sẽ trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

Số **22**
02.2011

CHÙA PHẬT ĐÀ

4333 30th Street, San Diego CA 92104 - Tel: (619) 283-7655 / (760) 739-8063

Thành Kính Cung Nghinh Phật Ngọc Cho Hòa Bình Thế Giới

Jade Buddha For Universal Peace

Chiêm Bái Phật Ngọc

Nguyễn Cầu Đạo Pháp Trường Tôn - Thế Giới Hòa Bình - Chúng Sinh An Lạc
tại

CALIFORNIA CENTER FOR THE ARTS, ESCONDIDO

340 N. Escondido Blvd, Escondido, CA 92025



Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật được điêu khắc bằng khối Ngọc Thạch lớn nhất thế giới, được Cung thỉnh và Chiêm Bái tại California Center for the Arts, Escondido từ ngày 29 tháng 01 năm 2011 đến ngày 06 tháng 02 năm 2011.

Trong Kinh Thủ Ấn Tăng Tím Lực, Đức Phật dạy: "Chỉ một phút giây ngăn ngừa chiêm ngưỡng Phật tượng, hành giả ấy đã được vô lượng công đức, huống chi người ấy được đối trước tượng Phật lễ bái, cúng dường, thì công đức ấy còn nhiều gấp bội."

Thành tâm kính mời quý Đồng hương, đồng bào Phật tử hoan hỷ tham dự chương trình Triển Lãm Phật Ngọc.

Lễ Khai Mạc:

- 11:00 giờ sáng, Thứ Bảy, ngày 29 tháng 01 năm 2011

(nhằm ngày 26 tháng Chạp năm Canh Dần)

Lễ Bế Mạc:

- 03:00 giờ chiều, Chủ Nhật, ngày 06 tháng 02 năm 2011

(nhằm ngày mồng 4 Tết Tân Mão)

Kính chúc quý Đồng hương, đồng bào Phật tử vô lượng an khang, cát tường như ý.

Chùa Phật Đà, ngày 25 tháng 11 năm 2010

Tỳ Kheo Thích Nguyên Siêu

Địa chỉ tòa soạn:

CHÁNH PHÁP

803 S. Sullivan Street

Santa Ana, CA 92704

Tel.: (714) 571-0473

TO: _____

Báo Chánh Pháp số 22, tháng 02 năm 2011, do Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý đạo hữu được nhiều sức khỏe và thịnh vượng, kiên cố bồ đề tâm để hộ trì Phật Pháp.